

NGUYỄN THỊ THÚY LIÊN

MỘT VÙNG
**ĐẤT
LỬA**

Tập ký

ST

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT



NGUYỄN THỊ THÚY LIÊN

Sinh tháng 10/1937 tại Quảng Trị

- * Cơ sở nội tuyến trong lòng địch cho ngành Công an Quảng Trị (1955-1965).
- * Phó Đoàn văn công B Quảng Trị (1965-1968).
- * Cán bộ tuyên truyền Khu Trị Thiên Huế (1969-1971).
- * Cán bộ binh địch vận tỉnh Quảng Trị (1972-1975).
- * Giám đốc Công ty phát hành sách Đà Nẵng (1985-1991).

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN

Chịu trách nhiệm nội dung
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN
TS. VÕ VĂN BÉ

Biên tập nội dung:	LÊ HỒNG SƠN
Trình bày bìa:	HÀ LAN
Chế bản vi tính:	HOÀNG MINH TÁM
Sửa bản in:	PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu:	PHẠM ĐIỀU THU

MỘT VÙNG

**ĐẤT
LỬA**

Tập ký

**Biên mục trên xuất bản phẩm
của Thư viện Quốc gia Việt Nam**

Nguyễn Thị Thúy Liên

Một vùng đất lửa : Tập ký / Nguyễn Thị Thúy Liên. - H. :
Chính trị Quốc gia, 2022. - 156 tr. ; 19 cm
ISBN 978-604-57-7718-3

1. Văn học hiện đại 2. Kí 3. Việt Nam
895.9228403 - dc23

CTM0526p-CIP

NGUYỄN THỊ THÚY LIÊN

MỘT VÙNG
ĐẤT
LỬA

Tập ký

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2022

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Quảng Trị được xem là “cửa ngõ” phía nam của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, là “tiêu điểm” của cuộc kháng chiến, là đòn gánh gánh nghĩa tình ở hai đầu đất nước, là “túi bom”, “đất lửa” của Khu IV anh hùng. Gánh trên mình những vết thương chồng chất, với những hy sinh, mất mát lớn lao, song mảnh đất, con người nơi đây vẫn lạc quan, tin tưởng vào Đảng, vào Bác Hồ, vào thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến. Với tấm lòng yêu nước, quyết tâm giết giặc, bảo vệ quê hương, đất nước, họ đã đứng lên, kiên cường chống giặc ngoại xâm, hy sinh anh dũng vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Quân và dân Quảng Trị đã chung sức một lòng đánh giặc trên mọi trận tuyến. Trong những tấm gương chiến đấu kiên cường, anh dũng trên mọi mặt trận, không thể không nhắc đến nữ chiến sĩ Nguyễn Thị Thúy Liên - người con Quảng Trị, người cán bộ binh dịch vận xuất sắc đã có nhiều cống hiến trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của dân tộc.

Nhân dịp kỷ niệm 50 năm Ngày giải phóng tỉnh Quảng Trị (1/5/1972 - 1/5/2022), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn tập ký **Một vùng đất lửa** của nữ chiến sĩ Nguyễn Thị Thúy Liên. Cuốn sách tập hợp những mẫu chuyện kể về quá trình hoạt động cách mạng sôi nổi, phong phú của bà trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Cuốn sách giúp cho bạn đọc có thể hình dung một cách sinh động những năm tháng chiến tranh ác liệt trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, đồng thời cũng cảm nhận sâu sắc được những đau thương, hy sinh, mất mát của biết bao người con đã ngã xuống vì độc lập, tự do, vì hòa bình, thống nhất đất nước.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 4 năm 2022

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

CHIẾC KHĂN TẶNG ĐẢNG

Tôi không nhớ hôm ấy thuộc vào ngày nào, chỉ nhớ tháng 2/1960. Tối ấy trời lạnh, trăng lưỡi liềm đầu tháng, chỉ mờ ảo đủ soi bước chân cho những người đi đêm.

Tôi đề phòng cẩn mật, phía tây đường cái do cậu tôi “chốt”, phía đông thì đứa em trai con chú tôi, các nhà hàng xóm, mẹ và chị tôi quan sát. Tôi yên tâm nhắc đi nhắc lại “mật khẩu” tín hiệu để đi đón chú Hiền, công an tỉnh và một “ông khách quý”. Lòng dạ bồn chồn, hồi hộp trông mau đến giờ hẹn để được gặp mặt “ông khách” chưa biết tên biết mặt mà chú Hiền báo qua hộp thư mật hôm trước. Tôi đoán lần này gặp được người này thì chắc có tình hình mới, còn các đồng chí trực tiếp công tác thường xuyên lúc nào cũng chỉ góp ý, giao nhiệm vụ rồi gửi gạo thực phẩm đi gấp, ít khi được nghe tình hình hấp dẫn gì cả.

Nhận ra tín hiệu, song thấy chú Hiền cười, chú cầm tay tôi lắc mạnh, kéo ngồi xuống và chỉ về người “khách quý” giới thiệu đây là chú Công (Trương Công Kính) - Bí thư Tỉnh ủy - nắm tay tôi ngồi nhích lại gần nói bằng “tiếng hơi” rất khẽ:

- Lâu nay biết cháu qua chú Hiền giới thiệu, nay gặp cháu, lại ngồi trong bụi chuối ban đêm không thấy mặt,

thôi chịu khó, nay mai thống nhất, độc lập chú cháu ta ngôi trong khách sạn cao tầng - Cháu cười khúc khích rất lạc quan, rồi nghiêm trang nói tiếp - Tình hình địch hiện nay cố đánh bật cơ sở Đảng Thành “vùng trắng”. Cháu cố tìm nhân tố mới trong cơ sở nòng cốt để phát triển Đảng, bám sâu trong quần chúng, người này vào tù bị địch bắt, thì có người khác tiếp tục lãnh đạo quần chúng đấu tranh. người này ngã xuống có người khác đứng lên. Thời gian không cho phép, cháu chỉ vắn tắt ý chính, đây là “Nghị quyết” của Đảng. Báo tin cháu biết năm nay Đại hội Trung ương Đảng lần thứ ba tại Hà Nội. Cháu tuyên truyền rĩ tai cho quần chúng trung kiên biết để có ý thức với ngày lịch sử trọng đại này, củng cố lòng tin để đấu tranh thống nhất. Cháu chuẩn bị quà để tặng Đại hội Đảng, dù khó khăn mấy cháu cũng chuyển ra Bắc được.

Bắt tay từ già hai chú, tôi trao một gói cơm và thức ăn để hai chú ăn tối, rồi chạy nhanh vào nhà, trong lòng vui không sao ngủ được. Cố nhớ để tìm vật gì tặng Đại hội mà có ý nghĩa.

Tôi quyết định thêu khăn! Nhưng chưa tìm ra mẫu gì cho có ý nghĩa, thì cách hai ngày sau cảnh sát Diệm ập vào nhà chở tôi lên xe đưa về quận giam rồi tra tấn. Tôi biết chúng chỉ nghi, nhưng không có căn cứ gì nên chúng đổ nước xà phòng, đâm đinh mười đầu ngón tay, bắt quỳ trên mảnh chai v.v., đủ mọi cực hình tra tấn, nhưng tôi



ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

TẶNG

HUY HIỆU 60 NĂM TUỔI ĐẢNG

Đồng chí: *Nguyễn Thị Thủy Liên*
Quê quán: *Hải Lãm, Hải Lăng, Quảng Trị*
Ngày vào Đảng: *19-05-1958* Ngày chính thức: *19-11-1958*
Sinh hoạt Đảng tại: *Tổng bộ phường Hải Châu 1*

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2018

Số QĐ: _____
Số HĐĐ: *ĐNV 18/4*
Số TĐV: *38000532*







*Nguyễn Thị Thúy Liên, phóng viên Báo Quyết Thắng,
ảnh chụp tại Khu ủy Trị Thiên Huế năm Mậu Thân 1968*



*Nguyễn Thị Thúy Liên, phóng viên chiến trường
tại Gio Linh, Quảng Trị năm 1972*

cương quyết không nhận, vẫn thờ cung “trắng”. Chúng lại đưa tôi về giam tại lao Thành Cổ. Lúc này vết thương đã lành, tôi nhờ đồng chí Mai Chiếm Lương giam ở phòng nam, vẽ cho tôi một mẫu thêu bằng khăn trắng thêu quả tim hồng, một cành hoa tím và hai chữ “Niềm tin”.

Thêu xong gói cất cẩn thận, thừa cơ hằng ngày tù đi “hành dịch” tôi xin trưởng trại nhà lao đi quét dọn ở tỉnh đường để tìm liên lạc.

Đi về đã năm ngày mà chưa bắt được liên lạc, ngày thứ sáu tôi xin đi chợ mua thực phẩm cho nhà lao, mua xong bỏ lên xe ba gác, tôi xin anh lính dẫn tù đi chợ:

- Anh đứng giữ xe cho tôi đi mua mấy đồng thuốc rê về hút kéo thêm quá. Tôi biết anh đối xử tốt với tù, nên tôi không chạy trốn để anh phải liên lụy đâu! - Người lính gật đầu thông cảm.

Tôi bước nhanh về quán thuốc rê của bà Nguyễn là một cơ sở bí mật tại thị xã Quảng Trị cùng đường dây với tôi. Tôi đảo mắt xung quanh không có gì khả nghi “bám đuôi”, liền bám vào tay bà Nguyễn:

- Bán cho tôi vài đồng thuốc rê nhanh lên - Tôi ấn gói quà nhỏ cho bà Nguyễn - “Quà tặng Đại hội Đảng” chú Hiền chuyển.

Tôi bước nhanh ra khỏi quán đi về phía tên lính để kéo hàng về nhà lao. Giao hàng xong tôi trở về phòng nữ.

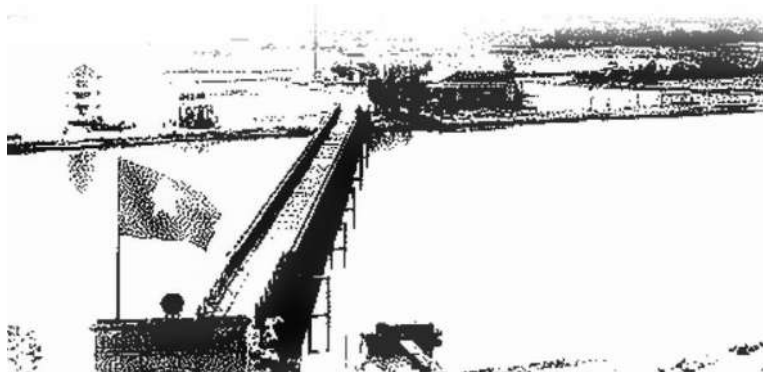
Độ hai tháng sau mẹ tôi xin phép vào thăm, tôi chỉ được gặp mẹ 20 phút rồi vội vã nhận ít quà gia đình cho. Mẹ nói khẽ vào tai “Chú Hiền gửi” và dúi vào tay tôi “điều thuốc”...!

Từ già mẹ trở vào nhà lao, cất các thứ rồi tôi lòn xuống dưới giường nằm sắp lấy điều thuốc ra bóc bọc:

“Các cô và chú ở nhà vẫn bình thường, được biết cháu rất ngoan, các cô chú rất mừng, cháu luôn đề phòng chó dại...! Ở tốt với bạn bè xung quanh...! Quà cháu gửi chú đã chuyển rồi!”

Tôi nhai và nuốt bức thư để thấm vào lòng những lời chỉ đạo.

Bây giờ đất nước đã thanh bình thống nhất trên 20 năm, những khách sạn đã mọc cao tầng mà tôi vĩnh viễn không bao giờ gặp được “ông khách quý”, chú Hiền và các đồng chí khác cùng đường dây đã ngã xuống cho xanh màu lúa quê hương.



CƠN LỐC NĂM ẤY

Tết Mậu Thân năm 1968, Quân giải phóng đánh mạnh vào các căn cứ Mỹ - ngụy ở Đông Hà, thị xã Quảng Trị, Cửa Việt, La Vang, Mỹ Chánh. Địch thất thủ nặng, co cụm lại. Độ qua tháng hai, tháng ba, Mỹ tăng cường cho quân ngụy ở Quảng Trị. Chúng rút các sư đoàn thiện chiến ở miền Nam ra, phản công và chốt dọc tuyến giáp ranh phía tây đường số 1, lập vành đai trắng phòng ngự từ xa, cắt đứt đường mạch máu giao lưu từ căn cứ địa cách mạng về vùng giáp ranh và đồng bằng. Lúc bấy giờ ở căn cứ cách mạng không gọi tên “Mặt - Bì bảy” như mấy năm trước nữa, mà chuyển giai đoạn gọi chung chiến trường Quảng Trị là “Mặt trận Bảy”.

Kinh tế lúc này thật khó khăn, lương thực, thực phẩm mấy năm trước ta tung tiền Sài Gòn vào trong dân nhờ thu mua gạo, lúa, thực phẩm chuyển lên căn cứ dự trữ. Mỗi lần như vậy gián điệp ngụy đánh hơi, “Việt cộng” tung tiền vào miền Nam, là đài Sài Gòn phát thanh “đề phòng tiền giả”, hoặc chúng tung tin “đổi tiền” để đối phó với ta.

Lực lượng thanh niên xung phong, hậu cần, ban kinh tế đêm đêm về thôn lấy gạo đi như đi chợ. Đơn vị nào về dân lấy được một gùi gạo là phải trả bằng máu xương. Về xuôi không được phải chuyển hướng đi ngược lên miền Tây Hướng Hóa, gần đất Lào lấy gạo miền Bắc chi viện vào trên đường mòn Hồ Chí Minh thuộc Bình đoàn 559 quản lý. Ở tận vùng gần giáp ranh, ai lấy được một gùi gạo về thì người đi gùi ăn đi đường đã hết sạch, vì quá xa.

Có hai đồng chí bộ đội gùi gạo trên binh trạm 46 về nghỉ trưa tại đỉnh Dốc Miếu để nấu ăn. Ăn xong hai người móc võng ngủ, hai gùi gạo để dưới hai đầu võng. Lúc bấy giờ con đường Dốc Miếu là huyết mạch nên số lượng người đi lại qua đỉnh Dốc Miếu nghỉ trưa đông như họp chợ. Thấy hai đồng chí bộ đội ngủ yên, nằm gát động, mọi người đến xem thì phát hiện hai người đã chết cứng từ lúc nào! Điều đó cũng dễ hiểu nguyên nhân của cái chết! Vì lâu ngày thiếu cơm, nay mới nhận được gạo ăn quá chén!... Mọi người thăm lạng phụ nhau mai táng đắp hai nắm mộ song song bên nhau, rồi tìm giấy tờ trong ba lô nhờ mấy đồng chí giao liên báo cho đơn vị biết.

Lúc này tôi được các anh em trong cơ quan tuyên huấn cử đi lên miền Tây tìm gặp chú Thủ - Bí thư Huyện ủy Hướng Hóa - để xin sắn, xin gạo về cứu đói cho cơ quan. Với chiếc gậy Trường Sơn, cái gùi vải máp buộc túm,

khẩu súng ngắn hộ thân, không có giao liên dẫn đường, cứ ra giữa trục đường cái bám theo các đoàn người, họ đi thì mình đi theo, tối đâu ngủ đó, không sợ cọp, không sợ biệt kích, không biết khổ, hoặc gặp bom đạn thân gái một mình, mà chỉ lo nghĩ nếu chuyến này mà tìm không ra cơ quan chú Thủ thì không có sắn, gạo đem về cho anh em cơ quan ăn sẽ đói!

Về mùa mưa, đất Quảng Trị đường lầy lội, hai chân phải vắn xà cạp mới bước khỏi trơn trượt, nước suối luôn dâng cao chảy xiết, phải nhờ bộ đội kéo tôi qua suối, rồi bắt chuyện “ngoại giao” làm quen, cùng đi hái rau rừng, bẻ măng, nhóm bếp nấu ăn với bộ đội. Ăn xong đi tiếp đến chiều thấy trời có hơi nắng ấm, thì đã nghe tiếng phành phạch của mấy chiếc trực thăng trinh sát xả rocket xuống khói đạn mù trời, chiếc L19 bay vò vò tìm mục tiêu cho phản lực F105 đến thả bom tọa độ, cây cối đổ ngã nghiêng, lá cây, sỏi đá, mảnh bom hòa âm bay rào rào giữa rừng. Nhiều đoạn mất lối đi phải phát quang mở lối mới.

Xong làn bom đạn, tốp trực thăng quay đầu bỏ đi. Tôi đứng dậy phủi đất bụi leo lên dốc tìm ra đường cái lớn, thấy một anh bộ đội người miền Bắc nhìn tôi tươi cười, anh đang ngồi trên đống gạo, xung quanh chỗ anh ngồi còn hôi mùi thuốc bom, một vài đám cỏ tranh đang cháy, tôi hỏi:

- Tốp rọ gạo nó quần dữ vậy mà anh không chạy, ngôi đây để anh ăn đạn à?

Anh cười:

- Anh em chúng tôi ở đây trên đường mòn Hồ Chí Minh đã quen với mấy thằng “rọ gạo” rồi, ngày nào mà chúng chẳng đến viếng thăm anh em chúng tôi - Anh cười híp cả mắt rồi nói tiếp - Chị biết không, một hạt gạo ở miền Bắc đưa vào được ở đây phải trả bằng máu xương, mồ hôi, nước mắt. Nhiệm vụ tôi là phải ngồi giữ đống gạo, có chết thì chết trên đống gạo này. Nếu tôi bỏ đi thì rủi có ai xấu lợi dụng đến xúc gạo đem vào đồng bào dân tộc đói lơn, đói dài (radio), đói đồng hồ không người lái thì tôi sẽ bị kỷ luật (bộ đội thường nói đùa với dân bản đồng hồ sincô là không người lái)... Đêm qua pháo sáng máy bay Mỹ thả, phát hiện xe ta vào, nó bắn trúng một chiếc bị lật, gạo đổ tung toé, tiểu đội tôi được huy động khiêng vác di chuyển gạo cả đêm. Sáng ngày lo chặt cây ngụy trang xe, ngụy trang đường mòn, anh em chúng tôi làm việc như vậy không biết mệt mỏi.

Tôi hỏi:

- Gạo này của Quân giải phóng, nếu cơ quan dân chính thiếu ăn thì có tiêu chuẩn không?

Anh cười:

- Nếu chị cần bây giờ thì tôi biểu chị một sày (đốt tượng) ăn tạm, còn lâu dài thì chị về lấy giấy cơ quan lên

binh trạm 46, họ sẽ cấp đầy đủ. Còn số gạo này chúng tôi vận chuyển vào cho từng cung đoạn bộ đội Đông Trường Sơn.

Từ già người lính trẻ vui tính hồn nhiên, anh hùng dũng cảm tôi rất phục. Tôi men theo con đường nhỏ tìm đến đơn vị sản xuất của Huyện đội Hướng Hóa, (tôi có bà chị con dì đang phục vụ ở đây). Tôi trình bày với các đồng chí nhờ liên lạc xin gặp chú Thủ, Bí thư Huyện ủy, đồng thời xin được ở lại một tuần để đi tuốt lúa, xin sản để xét phơi khô đem về cứu đói cho cơ quan.

Các đồng chí ở đây rất thông cảm nên bảo:

- Chị ở nhà anh em chúng tôi đi nhổ sắn về xét phơi, nếu không có nắng, đốt củi xông cho mau khô, già gạo đem tạm về một ít, lần sau dẫn anh em cơ quan lên gửi về ăn chứ một mình chị gửi sao đủ đơn vị ăn.

Tôi vui mừng trước kết quả nhỏ ban đầu.

Xong việc tôi trở về cơ quan báo tình hình chuyến đi, anh chị em rất mừng. Anh Hoán lãnh đạo cơ quan kể chuyện ở nhà cho tôi nghe: Nhờ chú Hồ Sĩ Thản gọi Ban Tuyên huấn đến cho nhận hai thùng ngô hạt, nếu không thì cũng kẹt. Số ngô này Ban Kinh tế Mặt trận 7 thu mua ở Ba Lòng, thanh niên xung phong mới vận chuyển vào để cứu đói. Một số đơn vị ở gần biết được đến đưa mũ vào: “Thưa thủ trưởng cho chúng em mỗi đứa một mũ về rang ăn, tối nay vắc súng cối đi “giã” ở Cồn Tiên,

Dốc Miếu thủ trưởng ạ!”. Toán khác đến lại: “Thưa thủ trưởng” cho chúng em vài nỏ về nấu ăn kẹo dẻo quá, vắc B40 đi không nổi nữa thủ trưởng ơi! Chú Hồ Sĩ Thản nói với anh Hoán:

- Đồi tao đã qua nhiều năm lãnh đạo, từ huyện đội, tỉnh đội trong hai cuộc kháng chiến mà chưa bao giờ xúc động và đau lòng với cấp dưới mình như lúc này. Nay lãnh đạo một tỉnh mà lại ngồi trên một đồng ngô để trực tiếp phân chia không đủ - Anh Hoán vấn một điều thuốc lá to bằng ngón tay châm lửa hút một hơi rồi kể tiếp - Có một sinh viên Đại học Tổng hợp Văn năm thứ hai, mới 20 tuổi tình nguyện vào Nam đánh Mỹ, mới vào chiến trường Quảng Trị tham gia chiến dịch Tết Mậu Thân xong lên căn cứ gặp trận đối “phủ đầu”. Anh ta sợ khủng khiếp, rồi viết một lá thư để trên tảng đá, lấy viên sỏi dằn lên: “Kính thưa đồng chí chính trị viên đại đội, em tên là... sinh viên tình nguyện vào Nam chiến đấu, có thủ thách một hai trận ban đầu; em không sợ gian khổ ác liệt bom đạn, song hiện nay gặp cơn đối “phủ đầu” em không chịu nổi, em xin đào ngũ trở về miền Bắc. Em không phản bội Đảng, phản bội nhân dân bằng chính trị, mà chỉ vì em không chịu nổi đối, kính mong thủ trưởng thông cảm cho em!”.

Hai ngày sau, anh Hoán phân công anh Thu Hoàn, anh Khâm, chị Thuận và tôi đi lấy sản ở Hướng Hóa.

Đi khẩn trương một ngày đường, đến 7 giờ tối thì đến một bản làng gần sông Trại Cá, gặp trời mưa lũ. Suốt đêm và mấy ngày sau nước đổ như trút, nước sông lên cao, phải ở lại 5 ngày. Lúc này chị Thuận và tôi ngày nào cũng ra rẫy của dân bỏ hoang mót củ chuối, rau lang, ớt về nấu ăn, thỉnh thoảng dân cho sắn tươi là quý lắm. Ở đây lâu ngày sợ ở nhà cơ quan đói. Anh Thu Hoàn cho họp tổ đảng bàn biện pháp vượt sông, hỏi ý kiến anh chị em trong tổ đảng.

Chị Thuận hăng hái phát biểu:

- Ở đây anh Thu Hoàn bơi giỏi, Thuận hồi trước ở nhà đi chăn trâu, nhưng sông ở dưới ta nước lặng dễ bơi, nước ở trên nguồn hỗn quá, nhưng em cũng bơi được.

Cả bốn anh em ra bờ sông Trại Cá, tuy trời nắng ấm nhưng nước vẫn đục, chảy xiết. Chị Thuận và tôi rủ nhau đi gội đầu trong khe nước trong hơn. Tôi lấy lược ra chải tóc cho chị Thuận, cứ vuốt ve mái tóc, khen tóc chị xanh dài mượt mà. Chị Thuận nói:

- Hai đứa miêng (mình) ở với nhau như ri, rui có một đứa chết thì thương lắm Liên hý?!

- Đừng nói đại, mần răng mà chết được! Thôi hai chị em miêng đi hái lá lốt về chấm muối để ăn với sắn cho dễ nuốt chị Thuận hê!

Bốn anh em ăn trưa xong, thấy tình thế chưa có gì lạc quan, đợi đến 3 giờ chiều thì anh Hoàn quyết định:

- Bây giờ ngủ lại giữa bãi cát trắng này thì đói và rét băng giá, ta cùng nhau vượt qua sông. Để Hoàn lội qua trước bên kia sông, thì Thuận bơi thứ 2 đến đợt 3 thì Khâm và Liên. Liên lấy dây dù cột võng cột vào cổ tay rồi nằm lên bọc bơi hai chân quẫy mạnh, Khâm lấy một đầu dây kia buộc vào cổ tay bơi trước kéo Liên sau.

Đã nhất trí rồi vì không có con đường nào khác. Song trong lòng tôi linh cảm một điều gì đó sẽ xảy ra, nếu nước đẩy anh Khâm đuối sức, kéo tôi không nổi thì cả hai sẽ chết đuối!

Anh Thu Hoàn thả bọc bơi chồm ra giữa sông trôi xa độ 500 mét thì bơi tới bờ được. Tiếng anh Hoàn gọi:

- Thuận ơi! Anh sang được rồi, em bơi sang đi!

Chị Thuận thả bọc bơi xuống sông, nằm đuối chân, hai tay túm chặt đầu bọc bơi, nước đẩy chị văng ra khỏi bọc bơi nhưng hai tay vẫn cầm được đầu dây bọc bơi, chị chồm lên lặn xuống như con ếch nhảy, được 50 mét chị gọi:

- Anh Hoàn ơi! Tuột bọc bơi, em không đạp được vào bờ! Răng nó cứ trôi dọc sông anh Hoàn ơi!

Anh Hoàn gọi to:

- Thuận ơi! Cố gắng đạp mạnh vào đây, anh ra đón!
Thuận ơi! Em nghe không?

Tiếng chị Thuận ơi ới và cuối cùng thì không còn nghe tiếng chị Thuận trả lời nữa! Anh Hoàn ở bên kia sông hét lên:

- Khâm! Liên ơi! Thuận trôi rồi, Thuận chìm rồi, Liên ơi!

Tôi nghe tiếng anh Hoàn ở bên kia gọi chị Thuận trong nước mắt. Ở bên này sông anh Khâm và tôi vạch lau lách chạy dọc theo bờ sông gọi chị Thuận. Tôi cứ khóc hu hu như một đứa trẻ, chân vấp cây rì rì cản đường ngã lăn giữa đá rồi đứng dậy chạy độ hai cây số. Đến 5 giờ chiều, nhìn từ bên kia sông anh Hoàn mượn bè tre của đồng bào dân tộc chèo qua đón tôi và anh Khâm. Lúc này đói mệt lả người, từ sáng đến giờ trong bụng chỉ có mấy khúc sắn.

Bỗng tôi nhìn lên vách đá thấy có một cây dâu sây quả, chín mọng. Tôi hái xuống một mũ, bảo hai anh cứ ăn nhiều vào, vì dâu có chất vitamin C và đường giúp ta tăng lực. Chú Thản nói rằng, nếu ai tìm được hạt sót, hạt dẻ thì càng quý, đem rang ăn thơm như đậu phụng, lại có chất béo, chất bột nữa. Nhưng tôi nghe đồng bào dân tộc nói, muốn có nhiều hạt sót, hạt dẻ thì phải gặp được một đồng phân cọt thải ra, ta hốt được nhiều. Vì cọt khoái ăn hạt sót, hạt dẻ chất đầy cái dạ dày thì cũng được một thúng hạt, nó nuốt vào chỉ tiêu hóa cái vỏ lụa bên ngoài, còn vỏ cứng bọc hạt sọ bên trong thì còn y nguyên. Ta đem về ngâm dưới suối, tẩy rửa trắng phau, đem nấu chín, hoặc rang ăn bụi lấm.

Chỉ còn lại ba anh em tối nay ở nhờ nhà dân, anh Thu Hoàn nói tiếng dân tộc Vân Kiều sôi nên dân dễ thông cảm tiếp thu về cái chết của chị Thuận. Còn tôi nhớ chị Thuận nên cứ ngồi thút thít khóc mãi. Có lẽ chị Thuận chết thay tôi, vì khi chuẩn bị bọc bơi, tôi đã linh cảm nước sẽ cuốn tôi vì sức yếu lại không biết bơi!

Một bà mẹ đến bên tôi xoa đầu an ủi: Ôi Acay ơi! Thuận cu chít lú (chết) cũng vì Mỹ - Diệm nó bành (bắn) khắp nơi, không có cái ăn, Thuận đi tìm cái ăn cho dầu bấy (anh em) mà cu chít lú! Nín đi Acay ơi!

Ba anh em quyết định ở lại đây để chờ xác chị Thuận nổi lên vớt đem mai táng, làm dấu mộ rồi đi tiếp. Khổ một nổi dân ở đây còn mê tín, nên họ chỉ cho tôi ở trên sàn, còn anh Khâm, anh Hoàn ở dưới sàn, họ nói hai anh này vớt xác chị Thuận nên con ma Thuận nó về theo hai anh này, miêng sợ con ma hung!

Hằng ngày tôi thực hiện cùng ăn, cùng ở, cùng làm với dân. Đến bữa phân chia phần rồi tôi đem xuống dưới sàn cho hai anh ăn.

Ba anh em đi về chuyến này mất 15 ngày. Mới về đến cơ quan biết tin anh Hoàn đã bị bom tọa độ Mỹ thả, hy sinh trên đường đi công tác. Số ở nhà thấy vắng mặt chị Thuận ai cũng hỏi dồn dập. Chỉ trong một tháng mà cơ quan có hai cái tang...

Lần đầu tiên cơ quan ăn cơm miền Bắc. Bưng chén cơm ai cũng rưng rưng nước mắt. Những ngày ăn rau, ăn cháo thì có đông đủ, nay có được bát cơm tình nghĩa của miền Bắc đưa vào thì anh Hoán và chị Thuận không được ăn.

Từ nay cơ quan đã có nguồn gạo bình trạm 46 ở miền Tây Hướng Hóa là chỗ dựa vững chắc, nên nhìn anh em có phần thay da đổi thịt.

Khắp các xã Abung, Ango, Húcngì, Atúc, Tà Rụt, Trại Cá... có nhiều bộ đội, cán bộ và thanh niên xung phong đã ngã xuống vĩnh viễn ở lại với núi rừng Quảng Trị vì cơn “Lốc đói” của năm Mậu Thân (1968) hoặc cơn sốt ác tính và bom đạn, chất độc Mỹ thả xuống trên mảnh đất đau thương này.

Mỗi lần xem mục nhấn tìm đồng đội trên truyền hình, nhấn tìm những đồng chí hy sinh tại mặt trận Quảng Trị, tôi cảm thấy lòng xót xa, có lẽ các đồng chí ấy vẫn nằm lặng lẽ ở đâu đó dưới lòng đất các vùng giáp ranh, miền núi, hay đồng bằng mà chưa ai tìm thấy để đưa về quy tập tại nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn. Đây là một điều đau thương còn dai dẳng đã hơn 20 năm qua bạn bè, đồng đội vẫn mãi tìm người thân mà chưa về đủ mặt.

HẢI DƯƠNG ĐI NHỚ MÃI NHỮNG NGÀY

Trên rừng xanh, đoàn chúng tôi hành quân từ lúc 5 giờ chiều, đi mãi đến đồi trọc giáp ranh gần xóm Búng Thượng Nguyên, thì đã 10 giờ đêm. Trong lòng mọi người háo hức, chuyến này sẽ được ăn Tết Mậu Thân (1968) với nhân dân ở thị xã Quảng Trị.

Các chú trong đoàn cho dừng lại để bắt liên lạc thì được tin cánh quân từ Cầu Ga đánh thọc về Tòa Tỉnh trưởng gặp quân Mỹ - ngụy phục sẵn đánh trả quyết liệt. Cánh quân từ xã Triệu Thành tiến lên thì gặp lính áo đen ở thôn Trí Bưư, chúng ném lựu đạn tới tấp làm quân ta tổn thương. Cánh quân từ Hải Lăng tiến vào đã chiếm được Đài Phát thanh nhưng chưa bắt liên lạc được với hai cánh quân kia để phối hợp tác chiến.

Làng Trí Bưư trước đây là căn cứ ngầm của gia đình họ Ngô, làng này Công giáo toàn tòng nên Ngô Đình Cẩn chọn lựa đội quân “áo đen” có trang bị vũ khí, có hầm ngầm, để khi gia đình họ Ngô đến Quảng Trị kinh lý, tối vào ngủ ở làng Trí Bưư chứ không dám ở tại Tòa Tỉnh trưởng, sợ không an toàn. Lính áo đen là loại mệnh danh “chống cộng một trăm phần trăm”.

Các chú lãnh đạo đi trong đoàn quyết định cho phân tán đoàn ra nhiều tổ triển khai xuống các xã vùng sâu để củng cố các vùng mới được giải phóng.

Toán của tôi có chú Minh Tâm, Trưởng ban Tuyên huấn Tỉnh ủy và một số đồng chí tuyên huấn, báo Thông tấn xã vượt qua đường số 1, đến xã Hải Dương thì đã 6 giờ sáng, ai nấy mệt mỏi tay chân. Tôi sức yếu lại mang theo chiếc máy ghi âm nặng khoảng năm cân, chú Tâm giao nhiệm vụ đón binh lính, sĩ quan rã ngũ bảo họ kêu gọi đồng nghiệp bỏ súng binh biến quay về với nhân dân. Thu xong là đưa nhanh cho đài phát thanh phát liền, nhưng bây giờ tình hình đảo ngược 180°. Ta và địch đang giằng co quyết liệt, Mỹ cố lấn chiếm lại vùng ta đã giải phóng, quân ta cố đánh trả để giành lại từng tấc đất, để bảo vệ nhân dân không cho địch hốt dân đi. Chú Tâm viết giấy giới thiệu cho tôi đi gặp anh Nguyễn Bá Cầm, cán bộ tuyên huấn huyện Hải Lăng, để giúp anh Cầm xây dựng các tổ chức tuyên truyền cho các xã. Lúc này tìm gặp được cán bộ huyện cũng khó vì “văn phòng” làm việc khi thôn này mai thôn khác, cuối cùng tôi cũng gặp được Nguyễn Bá Cầm ở thôn An Nhơn để trao đổi công tác.

Có tiếng súng báo động Mỹ - ngụy đi càn, anh Cầm và tôi “chạy nổi” ra ngoài truông, nhưng vẫn chưa thấy dấu hiệu địch càn quét. Tôi hỏi anh Cầm:

- Anh hoạt động lâu năm ở đây không có hầm bí mật mà “chạy nổi” thế này có ngày “rọ” xúc mất.

Anh Cầm cười:

- Súc đầu mà đào hầm cho nổi, khi ở thôn này mai ở thôn khác, o có ưa đào thì tối đi đào với du kích thôn.

Tối ấy tôi cầm giấy giới thiệu của anh Cầm đến gặp thôn trưởng thôn An Nhơn. Bác trưởng thôn gọi hai du kích, một nam, một nữ đi đào hầm với tôi. Tối ấy, hai người du kích đào, còn tôi bưng đất đi đổ ra xa, rồi vợ cố tú lại che dấu đất mới.

Mới bê được vài rổ thì nghe có mùi khét khét, mùi khói thuốc lá và tiếng xì xào ở ngoài truông. Tôi vội chạy vào nói khẽ với hai du kích ra nghe, đúng là lính Mỹ phục kích, hai du kích ngụy trang lại chỗ đào, rồi cầm tay tôi rút chạy vào thôn.

Nhật ký tuần

Ngày thứ hai

Sáng thứ hai mới tỉnh mơ đã nghe tiếng trực thăng bay phành phạch ở trên đầu, xịt pháo hiệu xuống Hải Dương nhưng chưa thấy đổ quân. Có thể chúng nghi binh nhưng ai nấy đều sẵn sàng chống càn.

Tôi xin chiếc áo cũ của chị chủ nhà khoác vào, búi tóc cao, đội chiếc nón lá rách, tay cầm chơm, oi, ra ruộng bắt vài con ốc cho có “vốn” ban đầu - rồi nhảy lên bờ đến chỗ các cháu chăn bò hòa nhập cùng các cháu, nhìn lên trời thấy trực thăng quần sát vùng Hải Dương, Hải Thành, rồi kéo nhau xuống ruộng bắt ốc bỏ vào oi cho tôi,

tôi cũng xuống ruộng cầm cái chơm đi chụp, chụp cho ra vẻ “sinh động” tự nhiên.

Ngày này Kỵ binh bay không đổ quân vùng này chỉ có mấy chiếc rọ gáo (trực thăng) trinh sát quần miết tìm không thấy mục tiêu gì nên chúng bay thẳng, chỉ có bác sĩ Quyền, một người phẫu thuật giỏi ở Hà Nội mới vào phân công phụ trách đội phẫu tiên phương bị “rọ” xúc bay thẳng ra ngoài hạm đội. Bác sĩ Quyền đi công tác ra ngoài Hải Khê đã cải trang áo dài đen, đầu khăn đóng, đi dù đen, trong lưng có khẩu súng ngắn. Trực thăng quần miết trên đầu gió mạnh lật tung vạt áo dài lên để lộ khẩu súng, chúng liền hạ thấp, súng đại liên dí thẳng nòng xuống đất và xúc anh Quyền đi mất. Còn một đồng chí cán bộ địa phương cải trang bận quần áo tang trắng, đầu bịt khăn tang, nhưng trong lưng đeo khẩu K54, trực thăng quần thành phạch gió tung lên để lộ súng cũng bị xúc đi luôn.

Chiều nay anh Chính ở công an đến tìm tôi, thấy tôi anh rất mừng vì không bị “rọ” xúc, anh bảo em chạy “nổi” thì phải cải trang cho đạt, đóng kịch thì phải nhập vai!

Ngày thứ ba

Trong xã Hải Dương hiện có gần 100 thương binh nặng chưa đưa lên căn cứ được vì bọn Mỹ - ngụy “chốt” dọc vành đai vùng giáp ranh, y tá thiếu, bác sĩ thì bị “rọ” xúc, thuốc thiếu, các vết thương lâu ngày chưa được thay băng nên hôi thối, lại ở miết dưới hầm suốt ngày đêm, chỉ

chờ các mẹ, chị ở thôn nấu nước muối rửa vết thương, vận động nhân dân góp gạo, nấu mỗi ngày có trăm nắm cơm, gói trong mảnh dù pháo sáng để phục vụ thương binh.

Sáng nay các chị thiếu người, nên nhờ tôi đưa thương binh ra giậu ngoài ruộng, rồi dẫn ghe đi dọc kênh mương. Trên ghe có ba thương binh nằm, trên phủ rơm, tôi lội dưới nước hai tay đẩy ghe, trên trời thì trực thăng liệng rà sát, hai tên lính cầm đại liên cứ chăm chăm nhìn xuống ghe. Tôi ngẩng đầu lên trời cười với chúng để tỏ ra đây là dân “Quốc gia Sài Gòn” đi gặt lúa. Tôi nhớ còn chiếc đồng hồ đeo ở tay bất hợp lý, vội lôi ra cầm ở mép mạn ghe và nói khê: “Các đồng chí nằm yên, không thử mạnh sợ rơm đập lên người bị rung lên thì nguy”. Hai chiếc trực thăng lên phía Hải Thành, ghe đi thông suốt đã ra đến ngoài ruộng sâu.

Thấy giữa từng thửa ruộng có từng ụ đất cao, to như ngôi mộ tổ. Trong những “ụ đất” ấy đào sâu chứa đủ bốn người. Đây là hầm nhân dân đắp để cho thương binh nặng, tôi cảm động với lòng dân bao la như biển cả, có dân là có tất cả! “Để trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”.

Trưa hôm ấy tôi ăn cơm vắt cùng với ba thương binh, tôi nói:

- Các đồng chí ở Bắc vào đổ xương máu để bảo vệ nhân dân miền Nam, ở đâu sống chết đều có nhân dân che chở đùm bọc. Những ngày này, các mẹ, chị phân công

nhau từng tổ bảo vệ, chăm sóc thương binh - hằm bí mật từ trong lòng dân, từ trong lòng đất! Có anh rưng rưng nước mắt, hôn lên bàn tay tôi nói:

- Con gái Quảng Trị ngoan cường lắm, bọn anh trông vết thương chóng lành tìm đơn vị chiến đấu cho đến ngày giải phóng miền Nam.

Ngày thứ tư

Lặng tiếng súng “hòa bình” được một ngày, tôi đi các thôn tìm gặp anh Bá Cầm để bàn công tác. Gặp tôi, anh Bá Cầm bắt tay cười:

- Chà mấy ngày này “vạn sự bình an” chứ o? Tình hình ở lại vùng sâu chưa làm được chi, để tôi bắt liên lạc đường dây giao liên gửi o về căn cứ kéo ở đây tổn thất vô ích.

Ngày thứ năm

Lại có tiếng máy bay L19 và phản lực nhào lộn trên không rồi ném bom ở phía vùng giáp ranh. L19 thì chiêu hồi “cộng quân” trở về với “quốc gia”. Độ 10 giờ thì Kỵ binh bay đổ quân càn quét ba mặt: Kim Long, Kim Giao tiến lên Diên Khánh. Một cánh từ động cát Hải Khê thọc qua thôn Đồng Dương dọc lên ngoài Bàn Trũng (ven bìa làng).

Tranh thủ lúc sương tan, tôi và anh Tâm ở giáo dục, em Hồng, du kích thôn, con của bà chủ nhà tôi đang ở, ba người nhảy xuống ghe nan chống đi. Ra ngoài kênh lạch sát vạt dò ngã ba sông Vĩnh Định, tôi nhảy lên một chiếc

thuyền lớn, còn Hồng và Tâm chèo ghe đi lánh ở bờ kênh giả câu cá. Tôi nhìn trong thuyền của bác chủ đò có treo cái khăn tang. Tôi nói với bác chủ đò:

- Tôi là cán bộ ở chiến khu về còn lạ đường, bác cho tôi mượn cái khăn tang chít lên đầu và bông đĩa con nhỏ này. Nếu Mỹ - ngụy có càn ra vùng sông nước này, nó có hỏi thì tôi nhận là dâu của bác, chồng tôi đi quân dịch cho chính quyền Sài Gòn bị chết trận, nếu chúng có hỏi ở hòm thư nào, thì tôi nói KBC 1312, bác yên tâm và bình tĩnh là được. Còn khẩu súng ngắn thì bác giấu dưới thuyền.

Bác vội gọi hai đứa nhỏ con bác, lấy nylon bọc khẩu súng lại, nhét dưới đồng chài lưới rách, hai đứa trẻ làm xong nhiệm vụ vẻ hoan hỉ. Tôi đoán nó nhỏ mà đã góp vào một việc thiện, chính nghĩa nên rất vui. Suốt sáng ấy ba đứa nhỏ cứ ngồi quanh tôi, tôi tập cho ba cháu bài hát “Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn chúng em nhi đồng”. Bác chủ đò thì cấm sào nhìn vào phía Hải Dương để canh chừng địch có ra vùng sông nước hay không.

Độ một giờ chiều chị vợ của bác đi chợ bán cá về thấy trong thuyền có “khách lạ”; người chồng kể cho chị vợ nghe. Chị vui vẻ đi nấu cơm mời tôi ăn, rồi năm giờ chiều bác tìm ghe chở tôi vào thôn Xuân Viên.

Mới vào đến nhà, thấy bà con lối xóm khóc lóc, người bị bắt con, bắt chồng đánh đập, người bị mất lợn, gà. Máy tên lính thủy quân lục chiến tay lăm lăm súng dí vào người quát tháo rồi chạy đi đòi đàn vịt, cả toán

xúm lại vây bắt nhét vào hai túi quần thụng. Nhìn về phía Đồng Dương, Diên Khánh thì khói nhà cháy còn lên nghi ngút!

Ngày thứ sáu

Tình hình tạm dịu lại, trong cuộc họp của cán bộ huyện Hải Lăng, tôi gặp anh Chính và anh Bá Cầm. Anh Chính cười bắt tay tôi:

- Chà mấy bữa ni “đóng kịch” với Ky binh bay đạ chứ?

- Có đạ mới gặp mấy “eng” đây chớ! Nếu “đóng kịch” không đạ thì ra ngoài hạm đội như bác sĩ Quyền rồi, có mô chừ mà gặp mấy “eng”! Ở ngoài vạ đò sông Vĩnh Định họ thấy tôi đóng đạ nên thưởng cho ăn một bữa cơm với cá tươi thay cho “Tết Mậu Thân”!.

Bá Cầm nói chen vào:

- O Liên lém lắ, cán bộ tuyên truyền mà tuyên truyền cho mấy chiếc “rọ gáo” hạ cánh trên đồng Hải Dương nầy thì tôi cho o ăn một con lợn!

Tôi nói:

- Việc ấy để dành cho anh “B40” xịt!

Cả ba người gặp nhau vui cười một giờ thoải mái.

Ngày thứ bảy

Tôi đến thôn An Nhơn trình bày với bác thôn đội:

- Mấy bữa nay về công tác ở xã Hải Dương này, ban đêm thì giúp các thôn đi làm công tác quần chúng, ban

ngày địch càn, toàn chạy “nổi” quá vất vả, không có thì giờ để đi đào hầm bí mật. Chú bố trí cho tôi một hầm để công tác lâu dài.

Chú thôn đội nói:

- Ở đây hầm là ưu tiên cho thương binh, còn một số hầm chứa khách đột xuất ở trên về công tác, ra vào quá nhiều nên sợ không an toàn, nó đã giống như “khách sạn” ngầm rồi chị ạ!

- Thôi vậy cũng còn hơn “chạy nổi”, miễn là hầm chưa có ai bị bắt khai báo là được!

Thôn đội bảo một du kích dẫn tôi ra ngoài truông xa làng độ hai cây số. Anh du kích nhìn trước nhìn sau thấy không có ai, rồi bảo tôi:

- Chị xuống hầm xem có rấn không và tập thở vào ống thông hơi, tôi đứng trên đây nắp hầm, ở dưới chị lấy hai tay nâng nắp hầm lên và đẩy xuống lại, tôi xem có lộ miệng hầm không, không có tôi, chị cũng chủ động giải quyết.

Một đồng chí bộ đội địa phương huyện Hải Lăng chạy đến:

- Ê, hầm này của huyện đội đào cho trình sát chứ có phải của thôn đâu?

- Cái này của thôn An Nhơn đào!

Tôi đứng nghe hai người giành cái hầm, tôi nghĩ chú thôn đội nói lộ hầm toang hoang rồi là sự thật.

Cuối cùng cậu du kích làm sao giành nổi với bộ đội huyện nên đành hạ nước ra yêu sách:

- Thôi được! Tôi giao hầm này lại cho anh, nếu ngày này Mỹ càn thì anh cho nữ đồng chí này ở chung, đồng chí này ở trên rừng mới về lại địa bàn chưa đào hầm kịp!

- Được! Nhất trí!

Bàn giao xong, cậu du kích xách súng chạy đi mất hút, anh huyện đội bảo: “Chị ngồi đây em đi độ hai tiếng sẽ quay lại, nếu chị buồn ngủ thì xuống hầm, đây nắp lại mà ngủ”. Hai giờ sau tôi nghe tiếng chạy trên cát, đến sát miệng hầm gọi khê:

- Chị Liên ơi cho chị mấy thứ này “quà Tết Mậu Thân” đây! Tôi đội nắp hầm nhảy lên thấy cậu ta soạn ra trên cát: hộp thịt ba lát, kẹo cao su, thuốc salem... chị ăn đi, ăn đi kẻo đói bụng.

- Cậu làm sao có các thứ này?

- Ối chà! Lính địa phương và du kích mấy thứ này thỉnh thoảng có khối. Bọn Mỹ càn rồi rút đi, mình tiếp theo dấu chân nó lấy thực phẩm. Lính Mỹ qua đây mỗi ngày có nhận 5 cân thực phẩm đủ loại. Đi mệt mỗi chân nó phải vút bớt đó là bình thường, chưa kể đi ra trận gặp quân giải phóng tấn công thì nó chỉ lo cái thân kênh càng mà chạy chưa nổi giữa bãi cát, trũng, bầu, lạch, hói, ba lô đều vút cả.

- Ăn của Mỹ, đánh Mỹ - Lấy súng Mỹ giết Mỹ là chuyện thường ngày ở huyện... hà... hà!

- Ăn đi chị! Ăn đi kéo đói! Chiều tình hình yên lặng em đưa chị vào thôn, rồi em quay lại đi tìm đơn vị.

Hải Dương ơi! Nhớ mãi từng tên làng, tên xóm, những ao, bầu, sông lạch, những con người bình dị, thân thương, thấm mãi trong lòng tôi những năm tháng xa cách, biết bao giờ mới trở lại với Hải Dương.



CÂY BÀNG TRƯỚC NHÀ LAO QUẢNG TRỊ

(Hồi ký)

Tháng 2/1960, tôi bị bọn mật vụ của chính quyền Ngô Đình Diệm bắt về tra tấn rồi nhốt vào xà lim Ty Cảnh sát tỉnh Quảng Trị. Tất nhiên là việc của tôi làm chúng không bắt được quả tang, nên tôi kiên quyết không chịu chấp nhận ký cung theo mưu đồ của chúng vạch sẵn. Do đó mà tờ cung của tôi được trắng án, chúng đưa tôi về giam tại nhà lao Thành Cổ.

Mùa hè, nhà lao Quảng Trị trời nóng bức, hàng trăm tù chính trị, kinh tế, gái mại dâm, ma tuý đều nhốt chung một nhà lao, nhưng chia ra nam riêng, nữ riêng. Tôi ở phòng nữ, trong đó có nhiều cháu nhỏ mới sinh, có cháu một, hai tuổi phải đi ở tù cùng với mẹ. Do trời oi bức, phòng giam quá chật chội, các cháu bị u nhọt khắp mình mẩy, nổi to như những quả nho chín mọng. Thật tội nghiệp! Tôi bàn với các chị tìm một cây bàng trồng trước sân phòng nữ. Với hy vọng cây bàng lớn lên tỏa bóng mát cho các cháu ra chơi dưới gốc cây. Ý kiến tôi đưa ra được chị em tán thành.

Trồng xong cây bàng, tôi che chắn bao quanh sọt các cháu bứt lá, và sáng nào tôi cũng chăm sóc tưới nước,

tăng thêm niềm vui, dù nước ở nhà lao rất hiếm. Tất cả vệ sinh, giặt giũ đều chia giờ, chia phòng, tắm giặt theo thứ tự. Cây bàng đã lớn lên độ 3 mét, có ba tán nhỏ thì tôi “giải phóng” rào chắn. Chị trưởng phòng nữ “quyết định” từ nay đem thùng nước uống ra để dưới gốc cây bàng, ai uống nước thừa phải đổ dưới gốc cây để cho đất luôn có độ ẩm cây chóng lớn.

Cuối năm 1960, tôi ra tù, khi ngoái đầu nhìn lại cây bàng lần cuối mà thương các cháu nhỏ, vì cây bàng chưa tỏa tán rộng để che bóng mát cho các cháu!

Tôi về quê được ba tháng thì địch tổ chức “tố cộng”, tôi bị bắt lại. Trở lại nhà lao Thành Cổ Quảng Trị, tôi thấy một số cháu cũ đã ra tù cùng với cha mẹ, chỉ còn lại một số cháu, và độ năm, sáu cháu mới vào tù cùng với cha mẹ. Thấy các cháu chơi đánh “mạng” tung tăng trước sân, vây quanh dưới gốc cây bàng, và lúc này tán cây bàng đã tỏa rộng cánh như ôm các cháu vào lòng, tôi vui mừng xuất khẩu bốn câu thơ:

Bàng ơi có thấu nỗi lòng ta

Thơ bé tay ta tự tưới trồng

Tái ngộ bất ngờ bàng hé nụ

“Đương nhiên, đúng tiết phải đơm bông”

Tôi đưa bốn câu thơ này cho bác Bội, cán bộ lão thành, quê ở xã Triệu Ái, bị ốm còn nằm điều trị tại trạm xá nhà lao xem để bác góp ý về vần “trắc bàng”, có cả

anh Ngô Sĩ, quê ở Quảng Ngãi, anh Mai Chiếm Lương, quê ở thôn Đồng Lai (Đông Hà). Cả ba người xem rồi nhìn tôi, tôi ghé tai vào nói nhỏ với các anh rằng: Tình hình chính trị ở ngoài có tiến triển lạc quan, ông Xuphanuvông đã vượt ngục trở về tiếp tục lãnh đạo cách mạng Lào. Ở miền Nam ta hiện nay đã có khởi nghĩa vũ trang từng vùng, nay Trung ương cho dùng súng rồi chứ không phải đấu tranh “chính trị” với địch nữa đâu! Do tình hình lạc quan đó mà về thứ tư của bài thơ (đương nhiên, đúng tiết phải đơm bông) là như vậy, chứ không phải cây bàng trở bông đâu! Cả ba người nháy mắt rồi gật đầu!

Tờ báo tường mới treo lên được hai ngày thì có ý xì xào: “Bài thơ bút danh Mỹ Phi có ý ngấm, ý bóng”, đã thấu tai tên trưởng giám thị nhà lao. Rồi chúng bắt tôi đưa lên Ty Cảnh sát thẩm vấn. Tôi mới bước vào phòng hỏi cung tên cảnh sát đã “mở đề” liên:

- Chà nghe mày làm thơ hay, ai bảo mày làm?

Tôi trả lời:

- Dạ ông trưởng giám thị bảo làm báo tường ạ!

- Nhưng câu: “Đương nhiên, đúng tiết phải đơm bông” thì mày có ngụ ý gì?

- Dạ thưa ông! Năm 1960 tôi vào tù có trồng cây bàng xong thì tôi được “phóng thích” về quê. Năm 1961 này, do các ông đánh đập dân thôn, xã tôi quá đau, có người khai bậy, khai oan cho tôi nên tôi bị bắt vào lại.

Thấy cây bàng tôi trồng nay đã cao đẹp thì viết bốn câu thơ vui cho báo tường, chú tôi người nhà quê, ít học, có biết chi mô mà bóng gió!

Tên thắm vắn đứng dậy lấy khúc củi chẻ to bằng cổ tay đánh tới tấp, vừa đánh nó vừa dần từng tiếng một:

- Ứ! Ứ này! Ngoan cố này! “Đương nhiên” này! Ứ, ứ!
“Đúng tiết” này!, Ứ! “Đơm bông” này!

Nó còn nói mĩa mai:

- Còn lâu! Đến tết Maroc cũng chưa có “đơm bông”, mà ừm có mơ hồ, ảo tưởng cộng sản. Bắc Việt mà vào đây tao cũng nhốt xà lim cho mục xương chừ...

Đau quá tôi gạt lệ đi, nó gọi tên lính vào dẫn tôi trả về nhà lao Thành Cổ. Các chị em trong phòng nữ quây quần quanh tôi xoa đầu và cứ xuýt xoa: “Chà tội nghiệp con bé vì bài thơ cây bàng đã đăng báo tường mà nó bị đánh tím bầm thân xác, mặt mày sưng húp cả!”.

Từ đó, nhiều người tò mò đến xem báo tường ngày càng đông để đọc câu thơ của Mỹ Phi, nên bọn giám thị lột bài thơ thủ tiêu.

Còn tôi thì đau nằm liệt giường hai ngày không ăn nổi cơm cháo.

BA LÒNG - MỘT THỜI ĐỂ NHỚ

Ba Lòng

Hai tiếng “Ba Lòng” không biết có từ bao giờ? Nhưng thực chất nhân dân ở đây họ chỉ có một lòng trung thành với cách mạng. Những người dân sống trên mảnh đất này toàn là dân tứ xứ, từ Cam Lộ, Triệu Phong, Hải Lăng qua nhiều đời trước lên đây khai khẩn đất, lập làng, định canh định cư, sinh con đẻ cháu, hàng năm họ vẫn về quê gốc để chạp mả, thăm viếng nhà thờ họ, phái.

Trước thời Pháp đô hộ thì Ba Lòng thuộc huyện Cam Lộ quản lý. Từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở đây thành căn cứ địa kháng chiến chống Pháp. Để tiện việc giao lưu với thị xã Quảng Trị, chính quyền Việt Minh thành lập khu dân cư ở đây thành xã Triệu Nguyên, trực thuộc huyện Triệu Phong quản lý.

Mỗi lần ai nhắc đến “Ba Lòng” một thời hào hùng của căn cứ địa cách mạng chống Pháp, chắc nhiều người còn nhớ câu thơ của Lương An:

“Đò em lên xuống Ba Lòng

Chở người cán bộ qua vùng chiến khu”.

... Ban đêm, hàng chục chiếc đèn có mui lá che vòng cầu, xào xạc khua mái chèo. Những câu hò mái đẩy ngân xa xuôi ngược dòng sông Thạch Hãn, họ chào hỏi, dặn dò nhau: Ai về bến Trám thì lên - Về cho sớm sớm kẻo mưa đêm khó chèo!

Chợ bến Trám đông về ban đêm để tránh máy bay giặc Pháp. Chợ này là đầu mối giao lưu của ba vùng (giáp ranh, chiến khu và thị xã Quảng Trị). Trong kháng chiến chống Pháp tuy vật chất khan hiếm, song tinh thần sôi động. Những ngày lễ lớn như Quốc khánh 2/9, bộ đội, cán bộ từ các khe suối trong rừng tập trung về sân vận động Đá Nổi dự lễ, biểu diễn văn nghệ, thi bóng chuyền, đá banh. Nhân dân ở các thôn ven hai bờ sông Thạch Hãn đèn đuốc sáng rực đi biểu tình hô vang khẩu hiệu, khí thế hào hùng đi suốt đêm không biết mỏi mệt. Đặc biệt có số hàng binh Đức, Ý, Maroc được Việt Minh giáo dục cho về nước nhưng họ xin ở lại Việt Nam để đánh Pháp. Họ được hòa đồng sống trong tình thương yêu, dùm bọc của cán bộ, bộ đội và nhân dân như đi đá banh, văn nghệ và đã trở thành những cán bộ “binh địch vận” bám sát chiến hào cùng bộ đội vệ quốc đoàn để móc loa kêu gọi lính Pháp, lính thuộc địa bị bắt sang Việt Nam phản chiến bỏ súng trở về nước.

Ở Ba Lòng có phong trào “Mẹ chiến sĩ” nhận vệ quốc đoàn làm con đỡ đầu, thì mẹ Thiệp đã xung phong nhận

ba người Đức, Ý, Maroc làm con đỡ đầu để giúp đỡ vật chất, cũng như động viên tinh thần sau mỗi chuyến công tác trở về để có hơi ấm gia đình, họ bó thuốc, nhổ sắn, phát rẫy lao động thật giỏi và bà Thiệp đã hỏi vợ cho cả ba đứa con đỡ đầu.

Đặc biệt trong kháng chiến chống Pháp, bộ đội đi đến đâu là tối ấy đều có nhảy lửa trại tập ca múa cho thanh thiếu niên suốt đêm.

Những đoàn dân công từ Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình mỗi lần vận chuyển hàng vào cho phân khu 4 - Đoàn dừng chân ở đâu là nghe những câu hô hò: “Đèo cao thì mặc đèo cao, tinh thần yêu nước vẫn cao hơn đèo...”. Thế là hàng chục thùng nước chè của các mẹ, các chị ở các thôn đã để sẵn dọc đường làng chờ đón các đoàn dân công của tỉnh bạn đến uống.

Kể sao hết được những niềm vui một thời để nhớ mãi của những người đã từng sống và chiến đấu bảo vệ căn cứ địa cách mạng trên mảnh đất thân thương, hiền hòa, giản dị này!

Tranh giành căn cứ địa

Năm 1955, sau khi cán bộ và bộ đội đi tập kết ra Bắc thì nhân dân ở đây chơi vui như đêm đen ngoài biển cả! Cảnh buồn ảm đạm, không còn bóng dáng anh vệ quốc đoàn vào ra gọi mẹ mẹ, con con nữa, ôi nhớ thương da diết

trong lòng bao hình bóng của một thời, và từ đây chỉ biết một lòng mỗi mòn trông đợi: “Hai năm là bảy trăm ngày, chỉ hai mùa lúa là ngày gặp nhau” (Tố Hữu).

Chiến khu “Ba Lòng” là một lợi thế về mặt quân sự, do đó trong khi chính quyền Ngô Đình Diệm chưa ổn định thì Đảng Đại Việt lên chiếm giữ Ba Lòng làm căn cứ chống Diệm; làm cho nhân dân ở đây đắm chìm trong nước mắt và máu!

Ngô Đình Diệm liền cho lính chốt từ thôn Như Lệ trở lên thôn Tân Mỹ để chặn dò thị xã lên Ba Lòng, và không cho dò Ba Lòng về mua bán ở thị xã Quảng Trị. Mục đích Diệm bao vây kinh tế Đại Việt. Nhân dân cũng gặp khó khăn, không đưa gỗ, trầm, mây, ngô, đậu về thị xã mua bán trao đổi hàng hóa được.

Bọn Đại Việt bế tắc lương thực, vả lại không có hậu phương ủng hộ chẳng khác nào cây không có rễ. Chúng bắt vận dò Đá Nổi về Quảng Trị chở lương thực cho chúng. Nhân dân đấu tranh không đi, chúng lấy báng súng đánh đập bác Còi gãy xương sườn và một số người khác. Tin đồn lan ra, các chi bộ Đảng bí mật bám dân phát động quần chúng đi đấu tranh. Chỉ hai giờ sau là từng đoàn người, gậy gộc, giáo mác kéo về vận dò Đá Nổi hô vang khẩu hiệu: “Chống bắt dân đi làm bia đỡ đạn. Phải chữa lành vết thương cho những người bị đánh đập”. Cuộc đấu tranh lần đầu giành được thắng lợi, nhân dân giải tán ra về.

Bọn Đại Việt trong thế bị bao vây cho nên chúng tỏ ra độc ác hơn. Chúng cho lính đi bắt một số cơ sở cách mạng hoạt động hợp pháp như ông Thí, ông Bính rồi đưa vào rừng mổ ruột moi gan rồi treo lên gốc cây thủ tiêu nhưng nhân dân đi tìm thấy được xác.

Bọn chỉ huy triệu tập một cuộc họp toàn thể sĩ quan và binh lính tại Đá Nổi trên tường có treo cờ Đảng Đại Việt, giữa bàn để một thau rượu có huyết người, một đĩa gan luộc chín. Bọn thủ lĩnh tuyên bố: Các chiến hữu ai muốn trung thành đi theo con đường của Trịnh Minh Thế và Nguyễn Văn Hình để chống Ngô Đình Diệm thì vào nâng cốc ăn gan uống huyết xin thể trước cờ Đảng Đại Việt. Nếu ai không theo, muốn trở về đầu hàng Ngô Đình Diệm thì xin để đầu lại đây. Bọn lính trẻ nghe tuyên truyền dụ dỗ đi theo tưởng sung sướng không ngờ bị mắc lừa. Một số thanh nữ thì sợ xanh mặt khóc nhớ nhà và tưởng là đi theo để được làm y tá, văn công không ngờ Đại Việt đi chiêu binh lên đây lập căn cứ chống Diệm.

Hai ngày sau lính của Ngô Đình Diệm tiến vào theo ba mũi (một mũi từ xã Triệu Ái lên, một mũi từ Cửa vào, một mũi cây số 41 đường 9 về), nhưng Đại Việt biết tin liền cho chốt trước đỉnh dốc đánh địch tiến công cả ba mũi. Đánh một ngày quyết liệt, lính Diệm bỏ lại 5 xác chết, số bị thương chạy rút ra Cửa về Quảng Trị, vớt lại nhiều vũ khí, đạn dược, lương thực. Bọn lính Đại Việt

hồ hào “chiến thắng” trận đầu để động viên binh lính, nhưng chúng chỉ bám trụ ở đây được hai tháng thì lương thực cạn kiệt, chúng xin dân không cho, chúng mua dân không bán, nên phải tìm đường chạy qua Lào, Thái lưu vong, đó là ý đồ của bọn tướng lĩnh. Trên đường đi đến làng Trại Cá và Tà Rụt, chúng vợ vét lợn, gà, ngô, gạo, sản của đồng bào dân tộc Vân Kiều ở miền Tây Quảng Trị và bắt dân dẫn đường qua Lào, đồng bào nói không biết, chúng dí súng vào tai hạ sát tại chỗ.

Dã man hơn, chúng đi lùng vào các làng bắt được 92 người dân tộc Kinh ở các xã đồng bằng lên đây thu mua trầm, nấm, thuốc lá, mật ong về bán. Chúng kéo ra tập trung một chỗ lột hết tiền bạc, tư trang rồi hạ sát chôn chung một hầm, chỉ còn một người trong lúc lộn xộn trốn thoát được.

Bọn lính ngày càng thấy sự dã man của mấy tên tướng lĩnh nên rủ nhau xé quần áo làm cờ trắng móc lên cây vác về đầu hàng Ngô Đình Diệm. Một đoàn gần 100 tên áo quần tả tơi, mặt mày hốc hác, súng quay nòng xuống, mặt cúi gằm không dám nhìn nhân dân đứng xem hai bên đường.

Một số thanh nữ bị lừa đi theo chúng chỉ làm đồ giải trí cho bọn chỉ huy, các cô khóc lóc xin về nhà thì chúng đem ra cưỡng hiếp rồi giết vứt xác lại trên rừng mất tích. Chỉ còn lại một số ít chỉ huy đầu sỏ thì xem như đã mất phiên hiệu lưu lạc ở đâu không ai biết.

Trong vòng kẽm kẹp...

Sau khi Đại Việt tan rã, chính quyền Ngô Đình Diệm lên củng cố bộ máy chính quyền ở đây. Chúng thành lập quận lỵ, có chi công an, chi thông tin, hai đại đội bảo an, hai trung đội dân vệ thường xuyên tuần tra chặt chẽ. Về dân cư chúng chia ra 5 xã gồm: Xã Ba Lương, xã Ba Xuân từ thôn Vân Vận đến tận thôn Xuân Lâm toàn là người Kinh, xã Ba Thành từ thôn Phú Thành đến làng A Ròng sát đường số 9 - xã này có người Kinh, người dân tộc Vân Kiều, và hai xã Ba Hy và Ba Đăng toàn người Vân Kiều ở các thôn A Bung, Tà Rụt, Trại Cá, v.v.. Chúng thành lập nhà thờ Thiên Chúa giáo và hết sức mị dân, thỉnh thoảng chúng chở lên cho số tín đồ Công giáo ở đây vài chục bao bột mì, vài bao áo quần “đồ bành” mà gọi là “hàng Mỹ quốc viện trợ” để những kẻ tham ăn chạy theo Công giáo hưởng của bố thí.

Ngô Đình Thục thỉnh thoảng lên đây tổ chức cho nhân dân toàn quận học “Thuyết duy linh” của Công giáo là chỉ có linh hồn. Đả phá “Thuyết duy vật biện chứng” của cộng sản và chống “Thuyết duy tâm”. Nếu ai đi vào Công giáo thì cha Thục sẽ cho đi làm việc này việc nọ. Lúc bấy giờ ai thờ ông bà là tình nghi cộng sản. Do đó đa số nhân dân tự góp tiền xây dựng chùa tụng kinh niệm Phật để che mắt địch. Chúng thấy phong trào vào

Phật giáo ở đây mỗi lúc càng đông nên tìm cách đàn áp Phật giáo và nói Phật giáo cũng theo cộng sản!

Chúng tuyên truyền Luật 10/59, lê máy chém đi khắp miền Nam. Đặt Việt cộng như con cá nằm trên thớt, rồi tảo thanh, thanh lọc phân loại dân, lập ấp chiến lược. Bắt cơ sở cách mạng tra tấn buộc ly khai Đảng, tố giác Việt cộng nằm vùng nhưng đa số thà chịu chết một lòng không khai báo. Điển hình như em Nguyễn Thị Minh Cơ, 18 tuổi, chúng đổ nước xà phòng vào miệng, mũi, bịt chặt khăn lại không cho em thở, túm đầu dận vào thùng phi nước bọt chúng gọi “tao cho mày đi tàu lặn”, đổ ớt vào mũi, quỳ trên mẻ chai hàng giờ, ngắt xỉu ngã xuống nó lôi lên quỳ tiếp, đóng đinh bạc vào đầu 10 ngón tay máu phun ra, nhưng chỉ một câu “Tôi chưa hề thấy Việt cộng” chỉ tiếc anh bộ đội vệ quốc đoàn mà họ kéo ra Bắc tập kết hết rồi!

Còn anh Lê Thuyết, Công an tỉnh Quảng Trị ở lại hoạt động bị địch phục kích bắt do một cơ sở phản bội “bắt cá hai tay”, địch tra tấn đánh anh võ đầu, lột áo quần lôi anh như lôi kéo con lợn. Chúng dùng đủ mọi cực hình tra tấn vừa hỏi: “Mày có bao nhiêu cơ sở, ai nuôi mày ăn”. Anh Thuyết chỉ nói một câu: “Tôi không có cơ sở, tôi mới ở Bắc vào bị lạc đường và tìm cây lá ở rừng ăn chứ không có ai tiếp tế cả...”. Thế là tin lan từ miệng mấy tên lính là: “Gặp hai đối thủ kiên cường ngoan cố

của Việt cộng đánh cho chết đi sống lại mà không khai một lời”. Nhân dân nghe vậy đi báo cho nhau biết để yên tâm. Mặt khác hai gia đình bới cơm đến nhẩn về với cơ sở phải vũng vàng đừng mắc mưu địch để cho nhân dân tin tưởng cách mạng. Có nhiều người nói: Chà!, có làm được cách mạng như Minh Cơ và Lê Thuyết thì làm để dân nói theo chứ loại mới bị một roi là khai bậy cả làng đi ở tù thì đừng có làm nhân dân thêm ghét.

Chúng bắt hai người dân tộc Vân Kiều về tra tấn dã man, hai người cũng kiên quyết không khai báo chỉ van “A Khôi, Cu chít, Cu chít” (Ôi chết chết). Bọn công an tra tấn lui tới chỉ nghe tiếng Cu chít, chứ không tìm ra được một cơ sở nào nên chúng lấy hai tấm ván để lên bụng của hai người dân tộc rồi bốn tên công an đứng lên, nước xà phòng trong bao tử trào ra, vỡ dạ dày, hai người chết liền tại chỗ. Chúng bỏ hai người vào bao tải bỏ gạch đá vào thêm cho nặng rồi bắt một chiếc đòn nhỏ đi thả hai bao tải này xuống vực sâu lúc 10 giờ đêm để thủ tiêu. Chúng nói với người lái đò: “Tao làm gì, mày không cần biết, tiết lộ ra thì tao cắt lưỡi mày!”. Giai đoạn này nhân dân cực khổ, chúng không cho nhân dân đi làm gỗ trong rừng sợ tiếp tế cho cộng sản. Nhân dân thì tập trung học tập bỏ đồng ruộng càng thêm đói khổ. “Dân với Đảng như cá với nước”. Dân đói thì cán bộ nằm vùng cũng bị đói.

Địch thường chú ý từng bước đi, từng lời nói của mọi người dân ở đây, tên chi trưởng công an thường nói: “Dân Ba Lòng, ăn cơm quốc gia, thờ ma cộng sản” nên chúng cố truy tìm diệt cơ sở cách mạng tận gốc như nhổ cỏ cú. Mà thật vậy trong mỗi gia đình ở đây đa số đều có chồng con theo cách mạng ra Bắc, ai cũng mong chờ một ngày về đoàn tụ, họ cất những tờ bạc tín phiếu có in ảnh Bác Hồ, bỏ vào ống tre, giấu trên mái nhà, hoặc bỏ vào mặt gối để làm vật kỷ niệm, họ ôm ấp một niềm tin sắt đá, vì vậy mà “điện giật, dùi đâm, dao cắt, lửa nung” cũng không khuất phục, không khai báo cho địch một lời.

Chúng bắt dân phải bỏ phiếu cho Ngô Đình Diệm và truất phế Bảo Đại, chi thông tin in câu ca dao bắt dân học thuộc lòng:

... Cự Ngô phiếu đổ bỏ bì

Bảo Đại phiếu trắng ta thì vứt đi.

Có lần bầu cử “quốc hội”, các liên doanh đi tuyên truyền vận động tranh cử, quận trưởng cho lính bảo an đi từng làng bắt dân tập trung về quận lỵ. Sáng ấy ông Hồ Duy Tình bước lên khán đài nói:

- Thưa bà con! Trăm hay không bằng tay quen, tôi đã trúng cử vào quốc hội một nhiệm kỳ rồi, lần này biệt danh ứng cử viên của tôi là “con trâu” - con trâu tượng trưng chăm lo đời sống nhân dân ấm no hạnh phúc!

Ở dưới sân có tiếng xầm xì, giơ tay xin nói:

- Tôi có ý kiến: Con trâu siêng cày bừa thì nông dân có ăn, còn trâu mà lười biếng thì làm chi có ấm no? Tiếng cười rộ lên trong đám đông, còn bọn mặt vụ thì mặt hầm hầm chú ý quan sát “thủ phạm”. Còn Hồ Duy Tình thì ú ớ! À! Im lặng! Bà con yên tâm, nếu bà con bỏ phiếu cho tôi đắc cử, tôi sẽ đệ trình lên Tổng thống Diệm mua máy cày Nhật đem về cày thay trâu cho bà con!. Hồ Duy Tình chào rút lui thì bà Lê Thị Ngô nhảy lên khán đài nói châm chọc ông Tình: “Xin thưa bà con! Biệt danh ông Tình là con trâu, còn biệt danh của tôi là con “bồ câu trắng”! Bà con nên nhớ rằng, con trâu ở đây là con trâu tra (già). “Trâu tra” bò béo ai ơi! “Bồ câu” tung cánh dựng xây hòa bình!”. Nếu bà con bỏ phiếu cho tôi đắc cử, tôi sẽ đấu tranh cho hòa bình thống nhất đất nước”.

Khi bà Ngô bước xuống thấy ông Tình mặt đỏ hầm hầm chửi tục “Đồ con lợn nái”, bà Ngô đáp lại: “Lợn nái còn sinh sản có lợi cho mọi nhà, còn trâu tra thì vút chứ không ăn thịt được!”.

Trò hề bầu cử của chính quyền Ngô Đình Diệm đã lộ rõ tranh giành quyền lực trắng trợn và lối bịch để lại một trận cười cho nhân dân Ba Lòng nhớ mãi.

Nhân dân ở đây sống trong ba giai đoạn nhưng không phải vì vậy mà gọi “Ba Lòng”, họ chỉ trung thành

một lòng một dạ đi theo con đường Bác Hồ, 9 năm kháng chiến chống Pháp, rồi bí mật, rồi công khai, đưa sức người sức của để che giấu, nuôi dưỡng đùm bọc cho cán bộ, bộ đội tiếp tục đánh thắng giặc Mỹ xâm lược để thống nhất đất nước.

Nhân dân ở đây thường bí mật truyền khẩu cho nhau học thuộc lòng:

Qua cầu khéo để gió trúc “Ngô”

Nước trăm khe cũng chảy vào “Hồ”

“Người cộng” gian nan đang vững bước!

Gió lửa trăm nẻo khó mà xô!

Nhân dân nói bốn câu này không có tên tác giả, thì đây là lời “sấm dạy”, tất là sẽ có niềm tin ông Ngô Đình Diệm sẽ bị truất ngôi; thế giới ủng hộ Bác Hồ, người cộng sản sẽ tất thắng! Đất nước sẽ thống nhất, độc lập.

TỔ CÔNG TÁC ĐẶC NHIỆM VÀ “NGỌC VOI”

Sau hiệp định đình chiến ở Việt Nam năm 1954, Bắc - Nam tạm thời bị chia cắt. Chú Tâm, chú Hiền là cán bộ trong Ban lãnh đạo của Ty Công an tỉnh Quảng Trị được bố trí ở lại để xây dựng đường dây nội tuyến trong lòng địch. Cùng ở lại với hai chú có anh Thuyết, anh Chính là cán bộ dưới cấp. Cũng từ đó, các chú giáo dục đưa tôi vào tổ chức. Ban đầu tôi được giao nhiệm vụ móc nối với hai cơ sở buôn bán ở trong thị xã để chuyển thư từ chiến khu vào thành phố và ngược lại theo đường hợp pháp. Từ năm 1957 trở đi, địch kiểm soát gắt gao, do đó phải chuyển bằng hộp thư mật. Tôi chọn một gốc cây to gần bờ sông, chỗ thuận lợi đò cập bến được, đặt dưới gốc cây một hộp sắt nhỏ, đáy miếng nilon và trên đặt cục đá rồi ngụy trang lại, sau đó hướng dẫn tọa độ hộp thư cho cơ sở biết để giao “hàng” và nhận “hàng”. Tài liệu thường được gói trong một cái bánh chưng, hoặc có khi cuốn nhỏ chỉ bằng điều thuốc lá. Hai bà cơ sở đi buôn đò chuyển thường có hai thùng đan hai đáy, ở dưới giấu tài liệu còn phía trên để hàng bán.

Những chuyến dò xuôi ngược trên dòng sông Thạch Hãn làm chiếc cầu nối đưa tin, dần dà cũng không còn nữa vì địch ngày càng kiểm soát nghiêm ngặt. Các chú rút tôi đi móc nối trực tiếp với một đường dây đơn tuyến khác. Hai bà cơ sở lại đi theo đường dây khác. Mật hiệu bắt liên lạc ban đầu của tôi với cơ sở mới là chiếc khăn tay trắng, bên góc khăn có cái kim băng và thêu dòng chữ: “Trăng thanh gió mát bao la, mong anh phát triển tài Ba anh hùng” (Ba là tên của anh cơ sở nội tuyến). Khi tiếp cận, tôi cột cái khăn vào cổ tay, để cái kim băng lên trên, cơ sở thấy cái khăn có kim băng và đọc thấy chữ Ba, nhận đúng mật hiệu, anh niềm nở bắt tay tôi.

Những năm 1955-1956. Tổ công tác đặc nhiệm còn đi lại hợp pháp, ăn ở trong dân, làm buồng hai ngăn trong nhà để làm việc, đi đâu thì cải trang. Chú Tâm luôn bận bộ vét tông, đội mũ phớt, đeo kính đen, tay cầm gậy mây cong, chân đi giày, nhân dân cứ tưởng là mật thám của địch đi dò la tin tức. Chú Hiền người cao, gầy nên luôn đóng vai ông thầy cúng, bận áo dài đen, quần trắng, đầu đội khăn đóng (khăn xếp) đen, chân đi đôi guốc mộc, đeo kính trắng, nách kẹp ô đen. Có lần chú đi ngang qua phố gác trong thị xã, tên lính gác thấy ông thầy cúng liền reu chọc: “Cốc cốc, cheng cheng, con gà mô béo để riêng cho thầy, cháo chè thì múc cho đầy, múc lưng mà ít tính thầy không ưa”. Chú Hiền cứ cúi đầu đi thản nhiên.

Anh Chính là người cao to, đẹp trai nên thường đóng vai sĩ quan quân lực Việt Nam Cộng hòa (lính chủ lực Diệm), anh thường bận bộ quân phục Torede, đội mũ lưỡi trai, vai đeo quân hàm đại úy, quân lính địa phương gặp không dám hỏi bậc đàn anh. Còn anh Thuyết có dáng vóc thấp và mập nên thường cải trang thành người lái trâu, hoặc có khi anh xâu một vài cái lưỡi cuốc cũ móc vào cây rựa vác trên vai giả thợ lò rèn đi mài giữa đồ cũ.

Những ngày đêm đen tối

Thời kỳ 1957-1959 là thời kỳ cách mạng miền Nam đen tối nhất. Ngô Đình Diệm áp dụng Luật 10/59 và lê máy chém khắp nơi, luôn tổ chức “tố cộng”, thanh trừng, tảo thanh. Chúng bắt dân đi phát quang các lùm cây, lũy tre, để “đặt Việt cộng như con cá nằm trên thớt, không có nơi ẩn náu” hoặc “Việt cộng không có dân như cây không có gốc sẽ bị chết”. Thời gian này Tổ công tác đặc nhiệm phải rút vào rừng lập cứ và có thêm anh Trình - vốn là một cơ sở của cách mạng ở trong dân. Anh Trình thành thạo đường rừng, đồng thời làm nhiệm vụ thu mua lương thực dự trữ. Từ đây trong tổ đặt cho anh cái tên mới là Ngọc - Bùi Văn Ngọc. Anh Ngọc là một thanh niên con cố nông, cha mẹ chết sớm, đi ở chăn trâu cho nhà phú nông để sinh sống, nay được các chú, các anh giác ngộ cách mạng,

được đứng vào hàng ngũ của Đảng, nên rất phấn khởi, hăng say công tác, không ngại gian khổ. Có lần anh Ngọc cắt dây thép gai bỏ vào trong áp chiến lược gặp mấy cơ sở nòng cốt, anh kể: “Mấy ông ở trong căn cứ sốt rét, đau ốm mà không có chi bồi dưỡng, địch bao vây kinh tế gắt quá không mua được thực phẩm”. Các chị hỏi: “Mấy ông có ăn được thịt chó thì mi bắt vào rừng làm thịt bồi dưỡng cho mấy ông, nhưng đừng để chó sủa lộ ra thì chết cả làng”. Thế là Ngọc lần lượt đi theo các điểm hẹn để bắt chó. Các mẹ, các chị khen Ngọc có biệt tài chi mà bắt chó không kêu nên hỏi bí quyết Ngọc cười hề hề nói: “Có phép tà chi mô, tôi hốt tro bếp bỏ vào bao tải, lừa chó lòn đầu vào cột túm bao lại, nếu chó sủa thì bột tro bay vào mũi, vào miệng rất khó chịu nên phải nằm im nín thở”. Hôm ấy, tổ công tác được cơ sở nội tuyến báo tin: Sắp có bão lớn đổ bộ về hướng tây, cơn bão có khả năng kéo dài, gia đình ta chuẩn bị “chống bão”.

Chỉ một tuần sau, lính Ngô Đình Diệm ùn ùn đổ quân lên phía tây Quảng Trị, pháo 105 ly sắp hàng kéo lên chốt ở các điểm cao bắn yểm trợ dọn đường cho bộ binh đổ quân xuống giữa rừng xanh đi càn - gọi là chiến dịch Phụng Hoàng. Địch mới càn được 10 ngày, tổ công tác đã cạy lương thực, bàn tính vào rẫy của đồng bào dân tộc tìm rau, sắn nấu cháo với muối ăn qua ngày.

Đang bàn thì chú Hiền nghe tiếng thở phì phì, nghi có biệt kích Mỹ! Chú ra hiệu trong tổ im lặng đi quan sát. Bất ngờ chú phát hiện cách chỗ lán ở độ 20 m có một con trăn gấm thật to đang quấn một con hươu. Chú phân công hai người cầm rựa xông vào chém con trăn, còn hai người cầm hai cây gỗ đập mạnh vào đầu con trăn. Con trăn chỉ kịp quật đuôi vài cái rồi “đầu hàng” để cho tổ công tác lôi xuống suối lột da, chặt từng khúc đem về luộc chấm muối ớt. Ngày đầu ưu tiên bồi dưỡng, nên anh em ăn thịt trăn thoải mái, các ngày sau ăn có kế hoạch, lấy xương hầm với sắn củ ăn trừ bữa. Một tổ trứng trăn, thơm ngon như trứng gà, bỏ muối vào luộc, cất ăn dần. Da trăn phơi khô cắt may bao dao găm và bao đựng thuốc hút, mỡ trăn để bôi ghê, mật trăn làm thuốc. Còn con hươu bị con trăn quấn cũng được tận dụng tối đa, da và ruột bỏ đi, lấy thịt băm nhỏ bỏ muối vào làm mắm ăn dần trong mùa mưa lụt, gọi là *thùng mắm chiến lược*.

Thế là trong lúc gặp khó khăn nhờ có con trăn mà Tổ công tác đặc nhiệm chống đói được một tuần. Vượt qua đợt càn chiến dịch Phụng Hoàng của Mỹ - ngụy.

Anh Ngọc lấy vợ

Gia đình Hoa là một cơ sở nòng cốt ở thôn, có ba người con lớn đều ra Bắc tập kết, chỉ còn Hoa là con út

nên để ở nhà. Ngọc thường vào nhà để lấy gạo và thực phẩm, thấy Hoa dễ thương nên yêu thầm nhớ trộm, nhưng ngại Hoa là con nhà giàu (cỡ trung nông khá), so với hoàn cảnh Ngọc thì “bì bì mà đòi leo nhà ngói”. Ngọc xấu trai, nhưng tự hào có thể mạnh là “người của cách mạng” nên mạnh dạn nói: “Eng muốn tìm hiểu út (em) nhưng không biết út có bằng lòng hay không?” Hoa then đỏ mặt nói: “Tui còn nhỏ mà eng nói rứa tui mắc cỡ. Lần sau mà nói rứa nữa là tui cắt đứt liên lạc với eng!”. Ngọc vội phân bua: “Rứa thì thôi! Eng xin lỗi, út đừng nói với ai biết chuyện ni nghe”.

Một hôm họp tổ Đảng trong rừng, chú Hiền động viên Ngọc: “Cuộc cách mạng miền Nam còn khó khăn gian khổ, bọn Mỹ từ chỗ núp sau lưng Ngô Đình Diệm với vai trò cố vấn đặc biệt nhưng nay đã trực tiếp đưa quân sang miền Nam chuyển qua “chiến tranh cục bộ”, do đó cách mạng miền Nam có thể kéo dài, “trường kỳ mai phục”. Nếu trong vùng địch, cán bộ hoạt động bất hợp pháp mà yêu một cơ sở sống hợp pháp, dần dà bọn mật vụ sẽ phát hiện ra và bắt bớ đánh đập cơ sở thì chúng ta mất chỗ dựa trong dân”. Ngọc liền giơ tay xin nói: “Tui đã gần ba mươi tuổi rồi mà không cho tìm hiểu ai hết, cứ ở mãi như ri theo “trường kỳ mai phục” thì biết khi mô mới có tương lai? Ý của tui tìm hiểu rồi để đó,

chờ khi mô thống nhất đất nước rồi cưới cũng được! hề... hề... hề!”. Thế rồi trong tổ phân công Ngọc ra công tác ở hai xã Cam Chính và Cam Nghĩa. Anh gặp các mẹ, các chị ở đây tâm sự: “Cha mẹ chết sớm, cũng không còn anh em bà con để nương tựa, chiến tranh thì còn dai dẳng, ăn bụi ngủ bờ mãi. Tui muốn xây dựng gia đình, có một tổ ấm, thỉnh thoảng đi công tác ghé lại thăm nhà để có niềm an ủi động viên nhưng thấy khó quá!...”.

Các mẹ, các chị nói: “Khó chi mô! Mi ưng rứa thì để tau xây dựng vợ cho mi, kiếm một đứa con để lại bọn tau nuôi, rui mi có hy sinh thì cũng còn một chút giống để lại mai sau”. Thế rồi, thật bất ngờ, các mẹ hẹn ngày gặp Ngọc ở trong rú Sim và dẫn cô X đi theo giới thiệu, tạo điều kiện cho hai người gặp nhau đều đều. Cô X mới đi mót củi, hái sim vài tháng mà thấy cái bụng cứ nổi dần lên, các mẹ biết chuyện nên dặn: Nếu bọn công an Diệm có đánh hơi, hoặc xóm làng xầm xì thì mi cứ kiên quyết một câu: “Tui là gái lỡ thì kiếm một đứa con nuôi, tui lấy chồng người ta mà bảo khai tên cha đứa bé ra thì vợ họ ghen đánh chết tui à!”.

Thế là Ngọc có hai cái được. Một là được vợ, thứ hai là được thêm một đầu mối liên lạc tiếp tế lương thực vững chắc đầy tin tưởng. Anh Ngọc bảo vợ: Tui đi công tác vắng, ở nhà nếu sinh con trai thì đặt tên là Trường Kỳ, Bùi Trường Kỳ! Nếu là con gái thì đặt Mai Phục,

Bùi Mai Phục!. Gặp chú Hiền và anh Chính, các mẹ, các chị kể: “Ôi chao thằng Ngọc nó tranh thủ chớp thời cơ rứa mà để lại cho bà con ở đây một đứa con trai rất kháu, nó giống cha như khuôn đúc”.

Gặp nạn

Tình hình chiến trường mở rộng, từ chỗ một tổ chỉ có 4-5 người, nay phát triển thêm nhiều tổ. Nhiệm vụ trước mắt là khâu lương thực, thực phẩm chủ yếu là muối hạt và bột ngọt phải có dự trữ mỗi người đủ ăn ba tháng luôn chuyển, do đó anh Ngọc có nhiệm vụ giám sát vùng giáp ranh để ban đêm về các xã lân cận đưa tiền vào trong nhân dân mua lương thực, thực phẩm. Cứ thường lệ vừa đi vừa rà mìn định hướng, nếu không có địch thì độ 9 giờ đêm mới vào được thôn, lấy hàng thật nhanh, không được làm rơi một hạt gạo để tránh bị lộ. Hai giờ sáng phải rút khỏi thôn, đi 2-3 cây số đến đồi trọc ngủ lại chờ sáng gùi lên căn cứ.

Một hôm, Ngọc gùi nặng quá, mệt mỏi vồng gủ say. Một con voi lạc đàn đi qua chỗ Ngọc đang nằm, khịt khịt ngửi có hơi người nó đưa vòi quấn cái vồng giật thật mạnh, cây gãy, vồng đứt, Ngọc bị rơi xuống đất. Con voi đưa vòi quấn thân hình anh đưa lên hạ xuống mấy lần rồi bỏ rơi xuống đất. Con voi không buông tha, nó đưa

chân hất qua, hất lại, lật nghiêng lật ngửa. Anh Ngọc nằm bất động không dám rên, thấy cái chết đang cận kề, anh thầm kêu trong đầu đón: “Vĩnh biệt các đồng chí!”. Con voi khịt khịt hàm hừ một lúc rồi bỏ đi. Anh Ngọc nằm thở thoi thóp, nghiến răng chịu đựng chỉ sợ con voi nghe tiếng động quay trở lại.

Trời tối, sương mù bao phủ dày đặc, người Ngọc lạnh cứng. Mới tờ mờ sáng anh cố gượng bò dậy sờ tìm cái võng nhưng con voi đã xé nát từng mảnh, còn gùi gạo thì nó chà đổ tung toé ra đất. Thân thể đau buốt, chân tay như bị xé nát, anh bò lên hốt từng nắm gạo bỏ vào miếng võng rách cột túm lại, còn chỗ nào không hốt được thì lấy đất và lá khô phủ kín để khỏi bị lộ con đường huyết mạch. Một hạt muối, một hạt gạo lúc này phải đổi bằng xương, bằng máu, mồ hôi, nước mắt. Khoảng 8 giờ sáng, nghe có tiếng bước chân đi lại gần và tiếng nói thì thầm. Ngọc bò vào một góc cây ẩn núp để quan sát ta hay địch. Thấy người quen của đơn vị bạn đi lấy gạo, anh gọi lại. Anh em biết Ngọc bị nạn liền lấy võng, chặt cây khiêng về hậu cứ điều trị. Ngọc bị gãy bốn cái xương sườn và dập mấy đốt xương sống. Từ đấy anh em trong tổ đặt cho anh biệt hiệu là “Ngọc Voi”. Câu chuyện giai thoại anh Ngọc có phép nên voi chà mà không chết được lan ra khắp khu căn cứ.

Chiến trường ngày càng ác liệt, đội vết thương của Ngọc lành hẳn thì rất khó, các chú bàn cho anh ra miền Bắc điều dưỡng và học văn hoá, anh nói: “Tui ở trên căn cứ cũng làm phiền anh em, vì ở đây ai cũng phải phát rẫy trồng sắn, ngô và đi về đồng bằng gùi gạo lên mới có ăn mà công tác. Tui nay đi khòm lưng không gùi công chi được, mà ra Bắc thì cũng buồn nhớ quê hương. Thôi cho tui về sống với nhân dân để tham gia du kích đánh Mỹ, tui dựa vào dân mà sống. Nhân dân đã nuôi tui khôn lớn, tui phải bám dân như cây bám đất”.

Ý kiến của Ngọc được chấp thuận. Anh em đi bẻ măng, câu cá bỏ vào một ít mì sợi làm một bữa liên hoan nhẹ tiễn chân Ngọc về sống với một gia đình cơ sở ở Phú Thành. Được sống trong dân có bát cơm ngon, canh ngọt nên vết thương cũng khá dần nhưng cái lưng vẫn bị còng. Một hôm được tin Mỹ - ngụy đi càn, anh xách súng chạy theo mấy cậu du kích xã để phục kích bọn Mỹ. Thấy bọn Mỹ - ngụy quá đông, anh bảo anh em du kích rút lui bảo tồn lực lượng để anh ở lại giết cho được tên Mỹ rồi rút sau. Súng của anh đã bắn hết đạn, tên Mỹ phát hiện mục tiêu xông vào bắt sống, anh lấy hết sức lòn thẳng xuống dưới bộ hạ tên Mỹ, nghiêng răng bóp... tên Mỹ đau quá kêu la như bò rống. Bọn Mỹ - ngụy chạy đến tiếp cứu, thấy Ngọc và tên Mỹ đang vật lộn, chúng nó bắt anh kéo ra đường và bắn tại chỗ.

Hết cuộc càn, bọn lính kéo về nghỉ chân ở thôn Phú Thành, có một tên lính ngụ kể lại với dân làng: “Tôi không biết người ấy là Việt cộng hay du kích mà thật dũng cảm, anh bị gãy một chân, người nhỏ con, còn tên Mỹ thì to cao, lênh kênh mà anh dám xông vào bóp bộ hạ tên Mỹ. Anh ấy có hai “bàn tay sắt” thật khủng khiếp, đáng khâm phục!”. Rồi người lính ấy chỉ chỗ anh Ngọc nằm để nhân dân đi khiêng xác anh về chôn cất. Hằng ngày, nhân dân ra mộ thắp hương, đặt cơm cúng, cầu nguyện cho linh hồn anh luôn về với dân thôn Phú Thành.

Đồng đội thân yêu

Nhiều đêm tôi nhớ lại những gương mặt đồng đội trong thời kỳ đầu cách mạng miền Nam còn khó khăn, gian khổ nhưng dũng cảm, bất khuất, xứng danh người chiến sĩ Công an nhân dân. Trước hết nói về chú Tâm, người lãnh đạo, tính tình điềm đạm, nghĩ sâu, luôn lắng nghe ý kiến cấp dưới, tỉnh táo lúc gặp khó khăn, đặc biệt về nghiệp vụ điệp báo thì chú rất sắc sảo.

Chú Hiền tính nóng nảy nhưng vui nhộn, kiên quyết trấn áp bọn phản cách mạng. Chú viết cho mỗi tên “ác ôn” mỗi tờ cáo trạng ngắn gọn gửi đến tận nhà, hoặc đón đường cảnh cáo chúng. Chú bảo lần này tha tội cho về với vợ con, nếu lần sau chỉ điểm cho địch hại dân là tôi quay trở lại “mượn cái đầu ông đem đi”. Ở đâu “cơ sở trắng”,

phong trào cách mạng không lên, chú đến đó vài tuần là khí thế quần chúng lên cao, nhân dân tin tưởng cách mạng xây dựng được cơ sở nòng cốt. Ai cũng khen chú Hiền có tướng đặc biệt.

Anh Thuyết bị địch bắt do một cơ sở phản bội. Tên Đương hẹn anh Thuyết tối ra nhà nó lấy gạo và bắt gà. Đúng hẹn anh vào nhà lấy gạo đổ vào guì, rồi nó bảo để nó đứng canh gác, còn anh Thuyết thò tay vào chuồng bắt gà. Con gà kêu oang oác, bọn công an Diệm ập vào, anh Thuyết không kịp trở tay đối phó.

Bọn địch cởi hết quần áo của anh rồi cột bốn tay chân khiêng đi như khiêng lợn. Chúng dùng đủ mọi cực hình tra tấn dã man để hòng moi ra cơ sở cách mạng tiếp tế cho anh hoạt động nằm vùng. Nhưng anh chỉ nói một câu: “Tôi mới vượt tuyến vào Nam thì gặp tên Đương đi làm trong rừng, nó bảo tôi ra nhà nó lấy gạo và thực phẩm mà ăn, tôi quen nó cùng ở một thôn từ thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Không ngờ nó bắt cả hai tay phản bội tôi. Ngoài nó ra tôi chưa quen một ai cả”. Bọn địch vừa đánh vừa hỏi: “Thế còn khẩu súng Vonte mới toanh ai trang bị cho mày?” Anh Thuyết nói: “Tôi ở Bắc vào chỉ có cây rựa, khẩu súng Vonte là tôi nhặt được giữa rừng, lúc rảnh việc tôi đem ra lau chùi thường xuyên nên nó sáng vậy chứ không ai trang bị súng cho tôi cả”. Địch tra tấn mãi, tờ cung của anh cũng chỉ chừng ấy, không

thêm không bớt. Bọn địch buộc phải tống anh vào xà lim. Ở tù 6 năm, được giải phóng nhà lao, anh trở về tiếp tục công tác và hy sinh năm 1969.

Hình ảnh anh Chính luôn khắc sâu vào ký ức tôi. Mẹ tôi bảo: “Tau thương thẳng nó nhất, trời mưa rét ở bụi ở bờ, thể mà thấy nó lòn vào nhà là cười tươi như hoa!”. Một hôm có tin mật báo nên anh ra tìm tôi dặn: “Hiện nay bọn mật vụ bám sát theo dõi em rất chặt, em đi đâu phải chú ý chúng “bám đuôi”, nếu có sa vào tay giặc thì em phải giữ vững khí tiết của người cộng sản, bất khuất trước mặt kẻ thù, bây giờ anh đi nhận súng về trang bị cho anh em gấp. Báo cho em biết là nay Trung ương cho sử dụng vũ trang, gấp địch là bắn chứ không chỉ ngồi đấu lý với chúng, mà phải đánh 3 mũi giáp công” (chính trị, quân sự và binh vận). Anh vội vàng bắt tay tôi từ giã. Tôi đứng nhìn theo cái bóng đen đi khuất dần trong đêm tối. Tin mật báo rất sát, chỉ một tuần sau công an Diệm đưa lệnh mời tôi về quận. Trận phủ đầu là một thùng nước xà phòng, bốn tên công an trói tay chân tôi lại đặt nằm trên cái đòn băng, hai tên giữ hai chân, hai tên đè đầu tôi đổ nước vào mũi, miệng cho ngạt thở. Chúng nói: “Tau cho mày đi tàu lặn”. Tôi ngạt thở đập cái đòn băng bị lật, cả bốn tên công an cũng té lộn nhào, nó dỡ đòn băng dậy tiếp tục đổ nước, tra hỏi, tôi vẫn trả lời: “Không biết Việt cộng là ai cả”. Hôm thứ hai, chúng

bắt tôi quỳ lên đóng mảnh chai và gạch vụn, nó bảo: “Mấy ông Huyện ủy mà tao bắt quỳ hai giờ chịu không nổi phải khai tuốt, hưởng chi mi!”. Tôi nói: “Ai biết thì khai, tôi còn nhỏ, không biết thì không khai!”. Đêm thứ ba chúng tiếp tục tra tấn bằng cách “bấm huyết” ở sau cổ, mọc xương sườn, ấn xương ngực, móc cuống họng. Bọn nó nói: “Tao cho mày một viên đạn thì dễ nhưng tao bấm huyết để cho mày chết dần chết mòn”. Cuối cùng chúng đưa tôi vào nhà lao Quảng Trị giam đến hai năm.

Nhân chuyến đi gửi gạo ở vùng giáp ranh lên, có người bạn hỏi tôi: “Mày biết tin gì chưa?” Tôi hỏi tin gì? Người ấy nói: “Anh Chính bị địch bắt rồi!”. Tôi lặng người đi, và chưa rõ việc này sẽ ra sao nên tôi xin đi một chuyến công tác ở địa bàn vùng ven thị xã để kết hợp dò hỏi xem anh Chính có khai báo gì không, thì cơ sở cho biết: Đi theo anh ngày ấy có thêm một đồng chí cán bộ huyện, địch càn bắt được một du kích thôn, chúng tra tấn quá đau, chịu không nổi nên anh ta chỉ hầm bí mật chỗ anh Chính đang ngồi. Địch bao vây hầm, móc loa chiêu hồi, hai người cứ nằm im dưới hầm. Địch bắn M79 xung quanh hầm để áp đảo, rồi tiếng loa cứ lặp đi lặp lại luận điệu tâm lý chiến: “Các anh hãy trở về với chính phủ quốc gia sẽ được khoan hồng!” M79 cứ tiếp tục nổ! Một nửa hầm bị sập, anh Chính bị thương một tay và một chân, đầu tóc bị cháy sém, cả hai anh đội nắp hầm

tung hai quả lựu đạn về đối phương để mở đường máu. Chạy được một đoạn thì đồng chí cán bộ huyện hy sinh, còn anh Chính bị đạn vào chân, bọn địch xông đến bắt anh đưa về Ty Cảnh sát. Chúng thấy anh cao to, khôi ngô nên lầm tưởng bắt được bí thư huyện ủy nên không tra khảo mà chỉ dùng các đòn tâm lý để mua chuộc. Hằng ngày, chúng bung cho anh cơm cao cấp, có bia hoặc rượu. Anh Chính bảo: “Tôi là tù binh của các ông thì tôi chỉ ăn cơm tù như mọi người, và tôi cũng không quen uống bia, rượu”. Bữa ăn nào cũng có tên cảnh sát ngồi đối diện để nói xấu cộng sản. Anh Chính trả lời: “Cộng sản ở Việt Nam đuổi Nhật, đánh Tây rồi chống Mỹ, cứu nước, còn các ông nói chế độ Sài Gòn tốt đẹp sao cứ bám theo Mỹ để chúng đem bom đạn, chất độc da cam vào triệt hạ, san bằng xóm làng Việt Nam”. Tên cảnh sát khiêu khích nói: “Cộng sản có nghĩa là cộng tài sản của dân lại đưa vào tập thể, không cho dân ăn, mất tự do!”. Anh Chính đáp lại: “Ông nói chế độ của ông tự do sao hốt dân vào áp chiến lược rồi rào thép gai bao quanh? Tự do sao đi đàn áp Phật giáo để cho mấy ông nhà sư tự thiêu? Tự do sao mấy ông lê máy chém đi khắp miền Nam để hù dọa những người yêu nước?”. Tên cảnh sát đuối lý, nên bày mưu đưa anh đi bệnh viện để chữa vết thương. Chúng bí mật bàn với tên bác sĩ tay sai là phải cưa một tay, một chân của anh để hủy nòi giống “cộng sản”.

Ngày đầu, tên bác sĩ đó nói với anh Chính là bị nhiễm trùng ăn vào xương tủy nên phải cưa để cứu lấy sinh mạng. Anh Chính tưởng thật nên để cho nó cưa. Ba ngày sau bọn chúng bàn nhau cưa thêm một chân nữa của anh. Nhờ có chị y tá tốt bụng mật báo cho anh biết âm mưu của bọn chúng, nên khi tên bác sĩ đó đến bảo anh phải cưa nốt chân nữa, anh liền chỉ vào mặt hắn, nói: “Ông làm bác sĩ mà vô nhân đạo, làm thầy thuốc là cứu người từ chỗ chết trở về cuộc sống, chứ không phải cầm dao kéo để buộc người không tàn phế trở thành tàn phế, ông nên rút cái bằng bác sĩ vào sọt rác thì tốt hơn!”. Những người nằm viện tập trung lại nghe người tù chính trị đấu tranh, họ càng khâm phục. Và anh đã thắng. Bọn địch đưa anh vào xà lim biệt giam. Các đồng chí trong tù thấy anh không có áo quần và đồ dùng nên đã vận động góp tiền, cuộn nhỏ bằng ngón tay để dưới tô cơm đưa vào xà lim cho anh để anh có tiền nhờ lính gác mua hộ bàn chải, kem đánh răng và khăn mặt. Chúng giam anh ở đây một thời gian rồi đưa anh ra Côn Đảo và anh được trao trả năm 1973 trên sông Thạch Hãn theo Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam (1973). Trước ngày trao trả, tất cả các tù chính trị trong nhà lao đã bí mật may sẵn nhiều lá cờ đỏ sao vàng. Chờ khi phía Sài Gòn lần lượt gọi tên từng người trong danh sách trao trả thì đồng loạt cởi hết áo quần tù

ném về phía cảnh sát ngự quyền rồi giơ cao những lá cờ nhỏ đồng thanh hô vang: “Tổ quốc Việt Nam độc lập muôn năm, Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh muôn năm!”. Người cụt tay, người cụt chân khập khiễng dìu nhau xuống thuyền. Mọi người được nhìn lại sông Thạch Hãn trong xanh như được ôm cả quê hương vào lòng... Nghĩa tình đồng đội ngày giải phóng vẫn thấm đượm như hồi gian khổ.



ĐOÀN VĂN CÔNG B

Sau đồng khởi toàn miền Nam (7/1964), Quảng Trị được giải phóng 3/4 đất đai gồm nhiều xã đồng bằng và trung du. Đặc biệt trong đó có Ba Lòng chiêm ngòi nổ đầu tiên - gây tiếng vang cả nước bằng việc hai trung đội dân vệ làm binh biến vác súng trở về thoát ly theo cách mạng. Tình hình mới mở ra trước mắt thật lạc quan.

Tết năm 1964 qua năm 1965, tỉnh tổ chức một ban đón tiếp sinh viên, học sinh, trí thức, tôn giáo và binh lính, sĩ quan nguy trở về ăn Tết ở vùng giải phóng. Điềm đón tiếp lấy hai xã Triệu Ái và Triệu Thượng làm trọng điểm, đồng thời tuyển chọn một số con em rút lên Ba Lòng thành lập đoàn văn công để sau này đưa về phục vụ nhân dân vùng giải phóng, Tết năm 1964 là một cái Tết lịch sử, phong trào cách mạng lên cao đã phá bỏ ách kềm kẹp của Mỹ - nguy gom dân vào áp chiến lược.

Lúc bấy giờ chú Công, Bí thư Tỉnh ủy, chú Văn, Trưởng ban N75 (Tuyên huấn) đang phân vân là nên đào tạo văn công hay là đội tuyên truyền văn nghệ xung kích - vì văn công là phải chọn thanh sắc nhưng ở vùng mới giải phóng thấy cách mạng về thì đòi đi theo, nhiều

cháu ở nhà chăn trâu bắt ốc, vừa đi học vừa giữ em, văn hóa thì còn thấp, nếu không nhận các cháu đi đào tạo thì sẽ ảnh hưởng đến khí thế vùng giải phóng đang lên.

Cuối cùng hai chú quyết định cứ nhận các cháu rồi gửi ra vùng Vĩnh Linh đào tạo, sau này thành văn công cũng tốt mà thành văn nghệ tuyên truyền cũng hay, cái gì cũng cần.

Có em Cảnh ở thôn Nhan Biểu nói cảm động: Các anh chị cho em đi theo cách mạng là đời em sướng rồi, thoát khỏi cuộc đời đi chăn trâu cho chủ để kiếm cơm. Em là con bần cố nông cực khổ đen điu, cho em đi xách đèn và kéo phông màn cho văn công cũng được. Thế mà sau này cảnh đóng vai xã trưởng nịnh hót, chỉ điểm, em đóng rất đạt.

Việc đi rút người do anh Bá Cầm, anh Phong, anh Thu Hoàn chịu trách nhiệm.

Nhận quyết định

Ngày 15/2/1965, tôi nhận quyết định do chú Trương Chí Công ký giao nhiệm vụ, tôi phụ trách đưa 32 em mới rút ở các huyện, xã lên Ba Lòng đưa ra Vĩnh Linh đào tạo. Trước mắt phải lo chỗ ăn ở và liên hệ Đoàn văn công Tổng cục Chính trị giúp thủ phát âm, thủ tiếp thu trường độ, cao độ, thủ sắc thái nhập vai một vài tiểu phẩm... Đoàn Tổng cục tách ra chỉ có 16 người, anh Tinh ở

Tập Thạch - Trưởng đoàn, anh Thành ở Nam Bộ - Chính trị viên và anh Thuận Yến nhạc sĩ (3 người này trong ban lãnh đạo).

Hằng ngày, tôi cho các em vào rừng tránh máy bay và sơ tập. Tối ra ngủ tại thôn Na Năm, xóm Tò Rèn. Ba Lòng lúc này dịch hốt dân về thị xã bao vây kinh tế do đó việc ăn uống rất kham khổ.

Độ cuối tháng 2 thì chú Công, chú Soạn, chú Văn, chú Lương Bình ra thôn Na Năm gặp tôi. Chú Công trao thư đã viết sẵn bảo tôi ra Vĩnh Linh đưa cho chú Hồ Sĩ Thản - Bí thư đặc khu Vĩnh Tĩnh và chú dặn thêm tôi mấy ý để biết chủ trương của Tỉnh ủy:

- Cháu đưa đoàn đi cố gắng giữ bí mật an toàn vì đây là đứa con đầu lòng của tỉnh được gửi đi đào tạo thành văn công cũng tốt, nếu thấy khả năng yếu thì chuyển thành đội văn nghệ tuyên truyền xung kích. Vĩnh Linh nay bắt đầu có chiến tranh phá hoại, cũng có khó khăn, cháu nói với chú Thản: Nếu Vĩnh Linh không đào tạo được thì nhờ chú Thản gửi các cháu ra Quảng Bình, nếu Quảng Bình cũng chiến tranh phá hoại ác liệt thì nhờ Ty Văn hóa Quảng Bình gửi các cháu ra Bộ Văn hóa đào tạo. Nhớ khi trở về, ngoài ấy cho phục trang, nhạc cụ thì nhận hết vì vào chiến trường miền Nam còn nghèo không có đâu. Nghe chú Công dặn dò, tôi rưng rưng nước mắt.

Đã đến giờ xuất phát thì có 2 em sốt rét nóng 40 độ phải cho ở lại, chú Lương Bình đưa đi bệnh viện Cà Mau điều trị, còn 30 em.

Anh giao liên hỏi tôi độ tuổi trong đoàn, tôi nói: nhỏ nhất 14, lớn nhất 18. Anh bảo tôi kiểm dây dù buộc vào cổ tay trái đi theo hàng dọc có lớn, có nhỏ, cứ 3 em một dây, đi đêm đề phòng địch phục kích, chạy lạc thì cả 3 em không sợ.

“Hành quân” từ 4 giờ chiều ngược theo đường chiến lược đến thôn A Ròng, dừng lại nghỉ để tập ám tín hiệu. Anh giao liên bảo: Nếu phía trước gặp địch súng nổ thì phía sau nằm sát đất; nếu chạy lạc nghe hô 3 thì trả lời 1; nếu tắc đường không vượt qua đường số 9 được thì trước hô “tiến”, phía sau nhẹ nhàng rút lui, không được nói chuyện, ho thì nhét khăn vào miệng.

- Đợi đến 12 giờ đêm thì vượt được đường 9 băng qua làng Tân Lâm, leo lên ngọn đồi thật cao, hết dốc, gập con suối, dừng lại ăn cơm sáng, mỗi em có sẵn 3 vắt cơm, muối ăn đủ 3 ngày, trên đoạn đường địch thường phục kích không nấu được cơm.

Đoàn đi mãi, đi mãi tối đến trạm giao liên mắc võng ngủ. Từ Ba Lòng ra Vĩnh Linh theo đường rừng mất 13 ngày đêm.

*“Cách nhau chỉ một mái chèo
Mà đi trăm núi vạn đèo tới đây”.*

(Thanh Hải).

Đất lửa Vĩnh Linh

Tôi gặp chú Hồ Sĩ Thân và trao thư chú Công gửi ra, tôi nói thêm mấy ý của chú Công dặn trước lúc lên đường.

Chú Thân nói: Vĩnh Linh và Quảng Trị là con một nhà dù có đói khổ ăn rau cháo cũng đào tạo cho tỉnh hình thành một đoàn văn công, chưa đến nỗi phải đưa các cháu ra Quảng Bình hoặc Hà Nội. Vì chiến tranh phá hoại của Mỹ đánh ra miền Bắc thì chỗ nào mà chẳng có. Lần đầu tiên tôi nghe câu nói ấy chứa chan tình cảm, ấm áp vô vàn với quê hương ruột thịt.

Đoàn chúng tôi vừa học nghiệp vụ vừa đào hầm cá nhân, ngày sơ tán rải rác các xã Vĩnh Quang, Vĩnh Giang phân tán vào các hầm hào, bụi tre làng để tự học, tối về ngủ tại nhà thờ Vĩnh Tân và lên lớp học chung.

Thầy dạy thì có các cô chú ở Bộ Văn hóa vào như cô Thu Hồng, anh Minh dạy múa, chú Cầm dạy cổ nhạc, anh Đình Nghi đạo diễn, cô Ngọc Anh và cô Minh Tâm dạy các làn điệu dân ca, cô Quỳnh Giao dạy thanh nhạc (nhạc lý và luyện thanh) và một số đồng chí ở Ty Văn hóa Vĩnh Linh dạy nhạc cụ, tân nhạc...

Tuy thanh sắc chưa đạt tiêu chuẩn quy mô nhưng đặc biệt em nào cũng nhiệt tình phấn đấu chăm học và tiếp thu rất nhanh, mới học độ 8 tháng mà đã có 2 chương trình tổng hợp ca múa nhạc và ca cảnh - Tiêu đề của đoàn đề ra: “Học ngày học đêm, học vì quê hương đang chờ”!.

Năm 1996 địch bắn ra Vĩnh Linh mật độ dày hơn, Ty Văn hóa Vĩnh Linh cử chú Xuân Hoàn, Phó ty về trực tiếp chỉ đạo và liên hệ Bộ Văn hóa về các mặt nghiệp vụ. Tăng cường anh Niên, cán bộ ty lo ăn ở giao dịch, anh Thanh Tùng ở công an và tôi thành lập một tổ đảng và ban lãnh đạo đoàn.

Lần này đoàn sơ tán vào gần chợ Do Vĩnh Tân, hàng ngày pháo ở Cửa Việt bắn ra cấp tập ở các xã Vĩnh Quang, Vĩnh Giang, Vĩnh Sơn ven sông Hiền Lương vĩ tuyến 17. Có ngày cả tọa độ B52, phản lực bổ nhào, đất Vĩnh Linh anh hùng vẫn đất trâu đi cày cấy, ai đi làm ở ngoài ruộng bị chết vì bom đạn Mỹ đều được truy tặng liệt sỹ.

Đoàn chúng tôi lúc này tạm nghỉ một tháng để đào địa đạo chiều dài 50 mét, sâu chính giữa tâm là 5 mét, ở hai đầu có cửa xuống và lên. Mỗi lần các chú ở trong Nam ra đều có đến thăm động viên đoàn và xem địa đạo của văn công. Lúc này sức khỏe của đoàn sa sút, có tiền nhưng không đi chợ được vì ngày nào cũng có tiếng pháo, tiếng bom rền vèo vèo. Nhân dân cũng thiếu thốn về mọi mặt nhưng rất anh hùng ngày đêm quần quật với bom và rất nhiệt tình giúp đỡ đoàn chúng tôi về mọi mặt.

Có lần một đoàn bộ đội chủ lực lưng dắt đầy lá ngụy trang và lựu đạn chày (lựu đạn có cán) áo quần, mặt mày lấm lem cả, đang chạy dọc lưới giao thông hào tiến ra

phía Vĩnh Quang để chặn đánh địch vượt qua giới tuyến (“Chiến dịch Bắc tiến” của Mỹ - ngụy). Tôi huy động một số em xách nước đi dọc theo giao thông hào mời bộ đội uống nước. Thấy một anh bộ đội còn rất trẻ độ 17-18 tuổi chạy rách tuột quần dài, chỉ bận quần đùi, thấy mấy cô văn công thì thẹn liền gọi: Thủ trưởng ơi em bị mất quần nếu em có hy sinh thì thủ trưởng nhớ đắp cho em chiếc quần dài kéo lạnh nhé! Đang còn cười hí hớ với nhau thì đồng chí chỉ huy bảo:

- Thôi các em văn công rút nhanh về địa đạo kéo pháo địch chuyển làn về hướng này thì nguy! Vừa nói xong thì đúng y một loạt pháo cấp tập dội về Vĩnh Tân phát quang hết các lũy tre làng. May sao pháo nổ tràn trên đọt tre nên văn công và bộ đội nằm dưới chiến hào không sao cả.

Được đi phục vụ

Tết năm 1966 qua 1967 theo yêu cầu của Huyện ủy Gio Linh cử đồng chí Hiền ra Vĩnh Linh xin đoàn vào phục vụ cho đồng bào hai xã Gio An, Gio Sơn. Cả đoàn háo hức sôi nổi chỉ trông chờ có vậy. Được “vượt tuyến” lần này biểu diễn, thực tập, rút kinh nghiệm, tập thao tác nhanh gọn để chuẩn bị cho đợt vượt tuyến luôn sâu dài ngày.

“Đánh thắng trận đầu” được nhân dân và bộ đội giới tuyến khen ngợi đoàn rút về lại hậu cứ địa đạo Vĩnh Tân ôn luyện. Rồi được lệnh đi vào phục vụ các xã vùng sâu như xã Gio Hà, Gio Hải... Đi vùng sâu sát nách địch thì đêm biểu diễn, ngày sẵn sàng chống càn, phân tán ẩn núp trong dân, nếu quá kẹt thì chạy nổi, chứ văn công đồng làm gì có hầm bí mật.

Sau đợt phục vụ này, đoàn trở lại Vĩnh Tân ôn tập nâng cao bổ sung thêm tiết mục mới và chia đoàn thành hai đội để chuẩn bị về miền Nam đánh lẻ để cơ động, khi phân tán, lúc tập trung, lần này chế độ ăn được nâng lên 32 đồng/người trong tháng (ăn 25 đồng, còn kem, bót đánh răng, khăn mặt, đường, sữa 7 đồng) trường hợp những buổi đi phục vụ hoặc biểu diễn thực tập thì chú Xuân Hoàn đề nghị tài chính cho chi bồi dưỡng thêm ngoài phụ cấp hàng tháng.

Đoàn con trở về

Cuối 1967 đầu 1968 là giai đoạn ác liệt, có nhiều thắng lợi và cũng nhiều gian nan, thử thách. Tỉnh ủy điện ra cho đoàn vào chiến trường. Mỗi em tối hôm ấy lo soạn đạo cụ phục trang, nhạc cụ phân chia thật gọn và mỗi em gửi thêm 4 ngày cơm vắt, nước uống hết sức tiết kiệm vì giao liên cho biết phải vượt qua nhiều đoạn

đường Mỹ thả bom cháy, rải chất độc da cam, do đó không nấu được, vả lại nếu có khói trực thăng và LI9 sẽ phát hiện dập pháo đến. Lại còn mỗi em phải đeo thêm gạo, áo quần cá nhân nữa, có nhiều em yếu đi không nổi thì nhờ giao liên gùi hộ gạo.

Trên đường vào, đoàn dừng lại phục vụ hai xã Cam Chính, Cam Nghĩa. Các điệu múa rong chiêng, ong vò vẽ, múa bướm, múa chàm rông, màu sắc rực rỡ óng ánh. Các cụ, các mẹ nói: Suốt cuộc đời nay thấy văn công cách mạng có chết cũng thỏa lòng, điệu múa nào cũng đẹp như tiên sa. Bích Đào đọc bài về binh vận, các chị các mẹ khóc. Xong buổi biểu diễn là cam, quýt, bưởi, mít chín đem chất đầy, đặc sản của xứ Cù Tha hồ ăn không hết.

Tiếp tục vượt đường chiến lược Cù vào Ba Lòng, Đảng ủy Ba Lòng yêu cầu đoàn phục vụ cho nhân dân Phú Thành và Đồng Đồn, cho du kích hỏa tốc về báo cho nhân dân hai thôn Xuân Lâm, Na Năm lên xem luôn thể.

Có trăng sáng, dựng sân khấu ngoài trời, đèn măng sông vừa thấp lên thì có tin bàn tán địch về làng Cát, có hai phát súng nổ... cách chỗ biểu diễn độ hai cây số. Tắt đèn! Phục trang gọn gàng vào ba lô (trưởng đoàn ra lệnh). Xã bố trí một tổ du kích đi nắm tình hình, độ một giờ sau trở lại báo tin “hoà bình”, 2 phát súng nổ là do du kích thôn Làng Cát bắn nài. Đoàn tiếp tục biểu diễn,

nhân dân thì đã đứng chờ sẵn đầy sân. Màn mới mở ra, có tiếng ồn ào ở giữa dân: Ê! Con Hồng, con Hằng đó, chà nay bọn nó đẹp ghê. Tiếc quá hồi đó đi văn công thì nay cũng như nó rồi. v.v.. Có người nói 14 năm nay mới thấy văn công cách mạng về.

Xong buổi biểu diễn các chị đã múc cháo ra ngồi chờ đoàn đến ăn, hôm đó nhân dân ủng hộ cho đoàn một con lợn, biết đoàn đi đường vất vả, ăn cháo xong các chị phát cho mỗi người mỗi vắt cơm thật to và một gói thịt lợn khô khô bảo đem đi ăn đường. Bí thư Ba Lòng nói với đoàn: Ba Lòng đã được tôi luyện hai cuộc kháng chiến, thấy văn công cách mạng về là quá mừng nhưng vì Mỹ - ngụy bao vây kinh tế Ba Lòng nên dân khổ có lúc thiếu muối gạo ăn. Ba Lòng là chiếc nôi của cách mạng qua hai cuộc kháng chiến do đó Mỹ chú ý bao vây kinh tế và đánh phá chiến khu Ba Lòng trọng điểm.

Gặp lại các chú trong N75

Đoàn về đến trường Đảng, Tỉnh ủy lấy đây làm căn cứ cho đoàn ở để tiện việc biểu diễn báo cáo cho các cơ quan trong tỉnh xem. Đoàn được các chú trong Thường vụ Tỉnh ủy đến thăm, chúc mừng đoàn đi và về an toàn; biểu dương tinh thần học tập khẩn trương của đoàn, chưa đầy hai năm vừa học vừa phục vụ mà có hoàn chỉnh

hai chương trình ca, múa, nhạc, kịch, ca kịch tổng hợp và xác định cho đoàn là cuộc chiến đã lên đến đỉnh cao. Mỹ tiếp tục đưa quân vào miền Nam ngày càng đông và gay go quyết liệt. Ở chiến trường có 2 cái cần là: Cần dũng cảm và cần có gạo. Các cháu mỗi lần đi biểu diễn ở đồng bằng là phải gửi gạo về hậu cứ để có ăn, gạo muối là hàng đầu, các cháu có làm được không? Cả đoàn hô to: Dạ được! Dạ được chú ạ!

Biểu diễn báo cáo được 3 đêm thì bộ đội nghe tin, liền cho một chiến sĩ cầm thư của ban chỉ huy lên yêu cầu đoàn về phục vụ K14 xong thì đến K10, đội phẫu tiên phương và xã Thượng Nguyên luôn thể. Cả đoàn vẫn công vui mừng vì được về giáp ranh phục vụ, hy vọng sẽ gặp được nhiều người quen thân hỏi tin tức gia đình. Đoàn để ba lô xuống thì bộ đội đã chuẩn bị cơm sẵn sàng rồi. Có hai món thức ăn là canh môn vóc và cây chuối rừng xắt nhỏ xào với thịt hộp ba lát, thu chiến lợi phẩm của Mỹ, bộ đội để dành chiêu đãi “khách quý”.

Chúng tôi mới ăn được một bát thì nghe pháo nổ, quả đầu chỉnh mục tiêu và sau đó pháo cấp tập đổ xuống quanh chỗ K14 đóng. Ban chỉ huy nói có gián điệp chỉ điểm. Sau loạt pháo, cơm canh đổ hết, may trong đoàn vẫn công không tổn thất. Tối ấy không biểu diễn được, bộ đội nhường công sự cho văn công phân tán ăn núp

còn bộ đội thì ngồi trên miệng công sự, thỉnh thoảng pháo cầm canh dội lai rai suốt đêm. 5 giờ sáng hôm sau tiếp một loạt B52 pháo cấp tập dội đến phát quang cho trực thăng đổ quân, LI9 bay vò vò gọi loa rải truyền đơn chiêu hồi.

Lúc này K14 chặn địch vòng ngoài còn đoàn văn công nằm vòng trong, một số diễn viên nam xin nhận súng, lựu đạn để tăng cường các điểm chốt với bộ đội nhưng Ban Chỉ huy K14 không cho. Đồng chí Tham mưu trưởng nói với chúng tôi: Đợi 6 giờ tối lặng tiếng súng cho đoàn rút, nếu tình hình quá căng thẳng thì bằng giá nào cũng phải mở đường máu cho đoàn thoát vòng vây địch.

Độ 5 giờ chiều thì lặng tiếng pháo, súng bộ binh cũng im bật cả hai bên. Đồng chí Tham mưu trưởng cầm bản đồ, la bàn đi trước với các đồng chí trinh sát tìm đường rút. Phía sau cứ một văn công bám sau thắt lưng bộ đội đi dò từng bước ban đêm giữa rừng già. Nhờ ánh sáng của những con đom đóm và lá khô, gỗ mục có nhiều chất lân tinh phát sáng thấy được thắt lưng bộ đội mà đi đỡ vấp ngã, cứ độ 30 phút lại có pháo nổ chặn theo đường rút.

Tôi nói với anh bộ đội đi trước: Nếu nghe pháo nổ gần xẹt xẹt thì tôi lôi thắt lưng anh nằm xuống nghe! Anh bộ đội cười rúc rúc: Ra thế! Khi nào chị kéo thắt lưng tôi thì

tôi cùng nằm xuống với chị. Tôi đấm sau lưng anh thùm thụp, cười bịt miệng, trượt ngã, dậy đi, đi mãi suốt đêm, đến 10 giờ sáng hôm sau ra trận địa, đồng chí Tham mưu trưởng xem lại bản đồ, la bàn định hướng cho nghỉ tạm. Các em kêu đói quá xin tôi cho nấu ăn, thấy thương đồng đội đói lả hai ngày hai đêm tôi sợ các em đi không nổi nên đồng ý phân công em thì vo gạo, em tìm củi, em khăn trương đi tìm rau rừng về nấu canh với muối, mì chính, cơm sôi nước cạn thì hai quả pháo nổ đúng giữa đôi, một anh bộ đội bị thương nhẹ ở cánh tay, một em vẫn công bị mảnh pháo cắt đứt dây võng rồi xuống đất may không hề gì cả.

Đồng chí Chính trị viên đại hội quát tôi một trận, tôi xấu hổ vô cùng: Chị lãnh đạo đoàn mà lại cho nấu cơm trong tầm pháo địch, khói lên nó phát hiện dập pháo đến sẽ tiêu diệt hết đoàn thì sao?. Đói 3 ngày chưa chết! Tôi then thùng nhận khuyết điểm.

Sau đó đồng chí động viên đoàn đi tiếp độ 5 giờ chiều sẽ đến căn cứ tha hồ mà nấu ăn!

Lúc này đoàn trở về đi phục vụ miền Tây Quảng Trị cho bộ đội các viện quân y, dân y (Cà Mau) liên tục.

Miền Nam đánh mạnh, địch ở Quảng Trị co cụm lại để bảo vệ đồn bốt không nống ra như trước. Anh Bá Cầm, Huyện ủy Hải Lăng phụ trách tuyên huấn xin đoàn về

phục vụ cho bộ đội K10, KI4, đội phẫu tiên phương và xã Thượng Nguyên, đợt này phục vụ cho các đơn vị ban ngày trong rừng giáp ranh thoải mái.

Nhưng khi vào được địa phận xã Thượng Nguyên để đến được thôn Mai Đàn thì khá vất vả vì phải qua đò ngang, những gia đình có con là sĩ quan, binh lính nguy cũng nhiều mà bọn gián điệp chỉ điểm cũng không thiếu, cơ sở bí mật của cách mạng cũng nhiều nhưng chưa dám công khai, lộ diện. Anh Bá Cầm nói với đoàn: Bám địch ở sát đường số 1 thì đã nhờ bộ phận “đào lộ”, còn ngoài bìa thôn thì có du kích, phía trong thôn đã có cơ sở chuẩn bị lo đò ngang v.v..

Đội đến 9 giờ đêm đoàn đã qua được đò và cho phân tán ngồi dọc bờ tre làng, đội cán bộ huyện, xã và thôn mượn nhà làm sân khấu, tôi, anh Miên, anh Tùng cùng đi theo vào nhà một cụ già nói Mặt trận về xin nhờ cụ để họp. Cụ đồng ý và tháo các cửa xung quanh theo ý của đoàn. Cụ nghi ngờ hỏi: Họp Mặt trận thì tháo cửa nhà rường làm chi? Dạ, thưa cụ lần này họp đông cụ ạ! (cụ có một người con là thiếu tá nguy, chọn nhà này để biểu diễn không sợ gián điệp chỉ điểm bắt dân). Chúng tôi cho đoàn vào đứng sau nhà hóa trang, số cán bộ móc phong màn thì đi gọi dân “đến họp”, cụ già xuống bếp gọi: Văn công của Mặt trận về mà mi ơi không phải họp mô!

Nhân dân đã lần lượt kéo đến họp, thấy có phong màn ai cũng nói xầm xì: Văn công không phải họp mô, các em nhỏ chạy mừng ríu rít về báo cho bạn bè kéo đến càng đông, lúc đầu sợ còn ngồi ngoài sân, sau thấy hay lết vào tận thêm nhà, không có chỗ cho đoàn diễn.

Các tiết mục vào ra khẩn trương không chậm một phút, phải diễn xong độ 12 giờ thì phải rút ra khỏi thôn và đi sau 5 giờ sáng phải đến bìa rừng giáp ranh thì an toàn được.

Bài ca “Giải phóng miền Nam” hùng tráng mở đầu, tiếp đến các điệu múa y phục óng ánh màu sắc hoa mắt mọi người dưới ánh sáng của cây đèn măng sông. Bích Đào dứt bài về bình vận chào lui phía sau, các chị lại bắt tay: Ôi, em nói hay quá trúng tim đen của các mẹ, chị ở đây lắm! Em ở mô về đẹp rứa! Lần sau nhớ về phục vụ đồng bào nghe! Rồi các chị về nhà hái cam đem đến 2, 3 rổ bảo gửi đi theo mà bồi dưỡng! - Dạ các cháu gửi gạo là chủ yếu, còn cam thì ăn, còn lại nay mai về lại ăn! Cán bộ cơ sở thì đã chuẩn bị gạo, cơm vắt cho đoàn sẵn sàng bỏ vào ba lô là “chuồn gấp”.

Phục vụ lần này thắng lợi - anh Bá Cầm đúc kết tình hình báo cáo về N75. Đoàn văn công vào diễn một đêm ở thôn Mai Đàn bằng cán bộ tuyên truyền và dân vận nói rất cổ hàng năm, vì thấy màu sắc của các điệu múa mà đánh giá cách mạng mạnh và tin tưởng, còn cán bộ đi

nói có người chưa tin sức mạnh cách mạng. Lâu nay vận động thu mua và nuôi quân ở đây ì à ì ạch, mà nay khí thế sôi nổi, chỉ một tuần mà nhân dân đóng góp và thu mua được hàng chục tấn gạo và xung phong gửi lên tận vùng giáp ranh. Đây là thắng lợi về mặt văn hóa và có tác động đến mặt chính trị và kinh tế hiện tại.

Thừa thắng xông lên, đoàn tiếp tục luồn sâu hơn về các xã Hải Thượng, Hải Vĩnh, Hải Trường, Hải Ba, Hải Quế, v.v..

Chuyển giai đoạn

Cuối năm 1968-1969 tình hình trở nên căng thẳng, địch nống ra chốt khắp vành đai vùng giáp ranh để phòng ngự, tỉnh Quảng Trị thành lập khu Trị - Thiên Huế. Quảng Trị lúc bấy giờ gọi mặt trận 7, khu trực tiếp chỉ đạo xuống huyện.

Đoàn văn công không ở tập trung mà chia ra 6 đội đưa về Triệu Phong, Hải Lăng, Quảng Hà, Phong Điền, Phú Vang, Phú Lộc. Anh Niên, Trưởng đoàn và tôi về Ban Tuyên huấn khu để theo dõi hoạt động của 6 đội, còn anh Thanh Tùng về Ban Tuyên huấn Cam Lộ.

Từ ngày 5 đội về huyện, có đội thuận lợi, nhưng nhiều đội gặp không ít khó khăn, mất mát, tổn thất nhưng nói chung đều anh dũng, như Nguyễn Hữu Du,

quê ở Hải Lệ vừa là tuyên truyền vừa làm mìn tự tạo (mìn loong) diệt nhiều lính Mỹ, được tặng nhiều danh hiệu dũng sĩ diệt Mỹ.

Lê Văn Trâm, quê Long Quang, Đội trưởng tuyên truyền xông xáo gan dạ do đó địa phương giao làm xã đội trưởng; Phương Lan là diễn viên hò mái nhì hay nhất của đoàn làm đội phó. Cả Trâm và Lan đánh trả hai đợt chống càn đều đã anh dũng hy sinh.

Cứ trong một tuần hay một tháng các đội báo cáo lên khu có em ở tù, bị Mỹ càn quật nấp hầm, có em hy sinh, em thì mất tích, em thì bị thương. Có em khi trút hơi thở cuối cùng còn nhắc lại với đồng đội: “Cho mình vĩnh biệt chị Liên và anh Niên!”. Ôi! Tôi khóc suốt suốt vì sự mất mát quá nhiều đối với một đoàn văn công lúc sống với nhau như gà một mẹ.

Tiếp đến Ban Tuyên huấn khu phân anh Niên về công tác Quảng Hà đồng thời cho anh Niên về thăm gia đình sau 15 năm xa cách. Tối ấy, anh Niên đi cùng với một du kích xã để về Lập Thạch thăm nhà, đi ngang qua Triệu Ái thì bị Mỹ phục kích hy sinh tại chỗ. Ba ngày sau địch thông báo cho gia đình đến nhận xác “Việt cộng”. Ôi! 15 năm mẹ xa con, vợ xa chồng, nay chỉ ôm chiếc quan tài vào lòng mà không dám khóc ra tiếng.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, tôi hỏi thăm và tìm gặp lại một số người còn sống sót, biết trong

tổng số đoàn văn công 32 người, nay chỉ còn 19, hy sinh 13, số còn sống sót nay đã trưởng thành, trở thành cán bộ chủ chốt của một số ban, ngành.

Tôi ghi lại những dòng chữ này mong sao những người còn sống sót của đoàn văn công B Quảng Trị biết được đoàn đã tròn 30 tuổi (15/2/1965 - 15/2/1995) để thấp nén hương tưởng nhớ đến đồng đội của mình đã ngã xuống cho quê hương Quảng Trị.



TẾT HÒA HỢP DÂN TỘC

Thú Tô Đình Cơ, Vụ trưởng Vụ Tôn giáo vận và dịch vận thuộc Ban Thống nhất Trung ương vào Quảng Trị nghiên cứu tình hình trên tuyến giáp ranh giữa ta và quân ngụy Sài Gòn. Năm 1973, Hội nghị Pari đang còn đàm phán để thống nhất Bắc - Nam, nhưng quân ngụy Sài Gòn vẫn ngoan cố đánh lấn chiếm vùng giải phóng, cấm cò, giành đất gọi là “Chiến tranh cài da báo”. Bên nào cấm nhiều cò, giành được nhiều đất thì bên ấy thắng.

Chú Tô Đình Cơ mắc võng nằm ở trong nhà dân tại một thôn Đông Hà cách các điểm chốt không xa. Chú tính nhảm: “Chuyến này ra Hà Nội đề xuất với Ban Thống nhất Trung ương cho Quảng Trị mấy trạm truyền thanh, máy nổ để phục vụ trên tuyến tiếp giáp từ Trám về đến Triệu Trạch”.

Tôi đang sốt đắp chăn nằm co quắp trên chiếc giường tre, nghe chú Cơ nói, tôi như bị điện giật hất chăn ra khỏi đầu nói trống:

- Ai vào Quảng Trị cũng hứa cho đủ thứ này thứ nọ, mà chưa thấy chi. Còn hai tháng nữa là đến Tết.

Muốn tổ chức một cái Tết “hòa hợp dân tộc” có ý nghĩa lịch sử mà trong tay không có cái loa, cái máy ghi âm để thu tiếng nói của gia đình binh lính ngự ở vùng giải phóng phát ra trước tuyến, kêu gọi chồng và con họ trở về với gia đình; một bộ ấm chén trà để bỏ trong nhà hòa hợp mà không có. Muốn có vài cây đàn ghita để hai bên cùng ngồi cùng hát gọi nhớ “vị ngọt hòa bình”, giảm bớt đau thương mà không có. Chú Tô Đình Cơ nghe chột dạ, liền đứng dậy khởi văng, tìm đến chỗ chú Lê Như Hành làm việc (chú Hành, Chủ tịch Mặt trận tỉnh kiêm Trưởng ban Bình vận).

Chú Cơ hỏi chú Hành:

- Cái cô đang sốt rét nằm ở bên nhà dân, cô ấy làm gì mà khi cô ta nghe tôi dự tính chi viện cho Quảng Trị hệ thống máy truyền thanh thì cô ấy “đớp liền” có vẻ bất mãn với cấp trên?

Chú Lê Như Hành nói:

- À cô nó tên là Thúy Liên, làm công tác binh địch vận của tỉnh rất giỏi, xông xáo, nhiệt tình, bám sát địch trên tuyến cả ngày đêm cùng với quân giải phóng, quá cực khổ mà vật tư không có nên nó bực, rồi nổi cáu đó thôi!

- À ra thế! Vậy sáng mai báo cô ấy đi với đoàn chúng tôi ra Hà Nội luôn. Chăm theo giấy giới thiệu và bản dự trừ yêu cầu các mặt hàng.

Tôi mong được ra Hà Nội, tôi sẽ báo cáo với chú Chính Hiệp, Cục trưởng chi viện miền Nam thuộc Ban Thống nhất Trung ương về tình hình Quảng Trị. Bất ngờ chú Lê Như Hành gọi tôi đến giao nhiệm vụ đi Hà Nội “khẩn”. Chú nói: “Cháu làm bản dự trù gấp để đi với đoàn chú Cơ, đồng chí Tuấn, đồng chí Lê, đồng chí Kiên (cư sĩ tại gia) và linh mục Nghiêm...”.

Tôi rất mừng, lần đầu tiên được ra Hà Nội sẽ xin viếng lăng Bác, xin hàng vào kịp phục vụ Tết Nguyên đán là đạt nguyện vọng ngàn ngày có một.

Đến Hà Nội tôi ở Nhà khách 103, Quán Thánh. Hằng ngày cuộc bộ đến Ban Thống nhất xin hàng. Tôi trình tờ giấy xin hàng cho chú Chính Hiệp, xem xong chú hỏi:

- Làm binh vận thì chú cấp cho mười cái ly đồ, mười cái loa, 20 mêca phon cầm tay, vài chục tá pin, hai máy ghi âm và một số băng. Còn các thứ như 50 bộ ấm chén trà, 200 khăn rằn Nam Bộ, 200 cái khăn tay in chùa Một Cột, thuốc lá Thăng Long, Điện Biên, kẹo Hải Hà để làm gì? Tôi trả lời:

- Thưa chú! Làm binh địch vận trên tuyến toàn là lính thủy quân lục chiến và biệt động quân, hầu hết quê ở Nam Bộ mà trên vai người cán bộ binh địch vận không khoác cái khăn rằn Nam Bộ và nói giọng Nam Bộ để gợi nhớ quê hương thì khó thuyết phục. Ai nói giọng Bắc, chúng cho “Cộng sản Bắc Việt” khó tranh thủ chúng.

Còn làm nhà hòa hợp dân tộc, hai bên ngồi nói chuyện mà không có một bộ ấm chén trà, điều thuốc để mở đầu câu chuyện thì không hấp dẫn. Trên toàn tuyến chỉ có hố bom, cây cối bị san bằng không có tiếng chim hót, do đó cần có một số đàn ghita cho đôi bên đánh đàn ca hát thêm sinh khí hòa bình “xóa bỏ hận thù”. Nếu có thêm bánh kẹo thì càng tốt. Chú Chính Hiệp nói:

- Chà! Con bé Quảng Trị lý luận với Ban Thống nhất cũng ghê nhỉ - chú Hiệp nhìn tôi cười: Thôi để chú hỏi lại các tiểu ban còn hàng như cháu yêu cầu thì chú bảo họ xuất tập kết một chỗ rồi cho xe chở vào kịp phục vụ Tết nhé.

Kết quả bước đầu, song tôi tính số lượng chưa đủ trọng tải một chiếc xe lãng phí. Tôi về báo cáo lại với đồng chí ở Vụ Tôn giáo vận và địch vận. Các đồng chí ở đây gợi ý: Xe đạp Farôrit Tiệp Khắc mới nhập về còn nguyên kiện, em qua bên chú Chính Hiệp xin 5, 10 chiếc đem vào mà đi công tác. Chú trên tuyến chiều dài ba, bốn cây số mà đi bộ đêm ngày miết chi nổi. Từ gợi ý đó, sáng mai tôi xin thêm xe đạp, mũ tai bèo, quần phục, ba lô, v.v., về trang bị cho cơ quan đi công tác luôn.

Thế là chỉ trong 12 ngày mà tôi có đủ một chuyến xe tải hàng kịp phục vụ Tết. Xe bon bon vào đến bến phà sông Gianh thì có súng lệnh báo phà hỏng. Một đoàn xe nối đuôi nhau dài đến 50 chiếc, toàn là xe chở hàng chiến

lược vào chiến trường miền Nam cả. Chờ lâu, bụng đói, giữa đường vắng không có nhà dân, không có một quán ăn. Tôi và cậu lái xe phải đi nấu cơm. Song cơm mới sôi, thì ba phát súng lệnh thông phà - cả đoàn xe chen lấn nhau, một xe chạy húc vào đít chiếc xe của tôi làm nó đâm đầu xuống hố bom, chổng đít lên trời. Lúc này tôi hoa cả mắt, không biết ai là thủ phạm gây ra sự cố. Chỉ có một mình tôi và cậu lái xe còn quá trẻ đứng bơ vơ giữa đường. Ở lại đây ba ngày đêm. Đến sáng ngày thứ ba, tôi nhìn về phía xa có một đoàn xe đang tiến lại gần. Tôi chạy ra đứng giữa đường, dang hai tay ra hô to: - Các đồng chí ơi! Đoàn xe chạy trước họ húc vào xe hàng tôi trúc xuống hố bom rồi họ bỏ chạy. Bây giờ thân gái giữa đường vắng không làm sao được. Hãy vì “miền Nam ruột thịt”, các đồng chí giúp tôi mỗi người một tay!

Tất cả mọi người xuống xe quan sát rồi uể oải “phán”. Kéo không được đâu vì không có xe ba cầu. Rồi người khác nói: Ở đây không có dây cáp lớn làm sao mà kéo được!

Tôi đến bên một đồng chí, đoán chắc là chỉ huy đội xe, tôi nói. Nhờ đồng chí động viên các chiến sĩ giúp tôi mỗi người một tay. Tôi ở chiến trường Quảng Trị lần đầu tiên ra Bắc xin hàng về phục vụ công tác binh địch vận, nếu xe hàng này để đây lâu, ban đêm bọn cướp sẽ lấy hết, tôi làm sao chống trả nổi. Ở trong cơ quan, từng ngày đang trông chờ vào chuyến hàng này để tổ chức các

cụm Tết hòa hợp dân tộc trên tuyến tiếp giáp giữa ta và địch. Tôi thấy đồng chí chỉ huy đang do dự tính toán, tôi liền quay sang các chiến sĩ lái xe:

- Các đồng chí ơi! Khi bước vào trận đánh mới biết thắng bại, chúng ta chưa hành động thì làm sao nói làm không được. Hãy vì trách nhiệm chung. Tôi khẩn thiết kêu gọi các đồng chí hãy cứu xe hàng cho Quảng Trị. Đến lượt đồng chí chỉ huy động viên anh em tìm ra sáng kiến để đưa xe hàng lên khỏi hố bom. Một chiến sĩ lái xe đề xuất ý kiến: Lấy dây cáp sẵn có của mỗi xe, móc xích liên hoàn lại, lấy một sợi khác móc vào đít xe đổ. Đồng chí chỉ huy hô 2-3 là cả đoàn xe nổ máy kéo giật lùi, thì chiếc xe đổ sẽ bật lên khỏi hố bom. Tất cả lái xe tán thành ý kiến ấy. Đồng chí chỉ huy đề nghị các chiến sĩ làm thật khẩn trương, móc dây cáp xong, các đồng chí vào buông lái chuẩn bị hành động. Tôi hồi hộp và chờ đợi đồng chí chỉ huy hô lần đầu, cả đoàn xe làm chưa nhịp nhàng do đó chiếc xe đổ chỉ lắc lư chuyển động chứ chưa nhấc đít lên được. Đồng chí chỉ huy hô lần thứ hai, cả đoàn xe nổ máy kéo giật lùi, chiếc xe dưới hố bom từ từ bò lên được trên đường, đất bùn lấm lem. Tôi mừng chảy nước mắt. Đồng chí chỉ huy bảo trong đội xe dồn hàng lại để một chiếc xe không, bốc hàng trong chiếc xe đổ qua. Còn chiếc xe đổ móc dây cáp vào cho chạy không vì bùn nước ngấm vào dầu máy, không thể chở hàng được.

Một quyết định tôi cảm động vô cùng, thể hiện trách nhiệm, mối tình Bắc - Nam như ruột thịt. Hàng chờ vào đến Đông Hà, các chiến sĩ phụ nhau bốc xuống để giải phóng xe. Tôi không kịp nói lời cảm ơn, thì cả đoàn xe đã nổ máy tiến về phía nam. Tôi không biết đội xe ấy thuộc binh chủng nào.

Nói nhà “hòa hợp dân tộc” chắc ai cũng tưởng đẹp. Thực chất ở các điểm chốt, bom Mỹ san bằng làng xóm, chẳng còn cây xanh, chỉ sống sót vài bụi lau lách, vài cành tre còi mọc, nhờ bàn tay bộ đội khéo lượm nhặt bện lại mái che. Ở trong dùng cành tre kết lại làm bàn ghế đặt bộ ấm trà ngồi nói chuyện uống nước, ăn kẹo.

Hàng xin Hà Nội đem vào, phân phối cho binh vận xã, huyện và bộ đội đóng trên các chốt. Ban đêm đổi gác chốt, lính Sài Gòn tìm đến nhà hòa hợp để nói chuyện. Ban ngày chỉ đứng xa hàng rào thép gai nói chuyện rất ít vì sợ bọn sĩ quan tâm lý chiến bắt gắp đưa về phía sau phạt giam nắng không có uống nước. Gặp mùa gió Lào khắc nghiệt ở Quảng Trị thì lính thủy quân lục chiến và biệt động không chịu nổi. Suốt ngày chúng cởi trần áo xuống nằm tránh nắng dưới công sự. Chiều độ bốn giờ hết nắng thì bò lên trên hầm đánh bài văng tục luôn mồm. Đặc biệt quân giải phóng dù mưa nắng quân phục luôn nghiêm chỉnh, đóng ở chỗ nào thì cây xanh vươn lên mườn mượt như bí, rau muống, thả gà để cải thiện

bữa ăn. Mỗi lần hái rau ăn cũng không quên cất vài bó ném qua bên kia hàng rào cho lính Sài Gòn dùng. Nhiều chiến sĩ ta nói đùa: Rau muống, rau cải cũng làm binh địch vận. Tết năm 1973-1974 bộ đội ta ở trên chốt cũng gói bánh chưng, mổ lợn ăn Tết, lại có thêm trà, kẹo, bánh tét của mẹ, chị ở hậu phương chuyển đến ủng hộ quân giải phóng, làm cho cái Tết thêm phong phú, ấm áp hơn các năm trước chiến tranh ác liệt. Các đại đội liên hoan chung chiều 30 Tết. Mỗi chiến sĩ có khẩu phần riêng để đến ngày mùng một Tết, nhưng các chiến sĩ giải phóng không ăn mà để đem lên chốt nói chuyện vui với lính Sài Gòn rồi ném qua hàng rào cho lính Sài Gòn gọi là “một chút quà đầu xuân” vui Tết hòa hợp dân tộc, xóa bỏ hận thù, đó là bản chất của dân tộc Việt Nam.

Có một lính Sài Gòn kể: Tôi có vợ và bốn đứa con chỉ dựa vào lương đời lính không đủ sống, tôi xin cấp chỉ huy cho vợ tôi lên trên chốt bán cháo vịt, nhưng lính thủy quân lục chiến và biệt động quân nó ăn chịu, ký sổ miết chò cuối tháng trừ lương, thằng nào chết trận hoặc đổi quân đột xuất, thì xem như mất sạch vốn. Có lúc con ốm không có tiền mua thuốc. Một chiến sĩ giải phóng nghe vậy liền chạy về lán trại lấy một lon sữa, một hộp thịt, một cặp bánh chưng đem lên chốt trao cho người lính Sài Gòn ấy và nói: Tôi gửi món quà nhỏ anh đem về cho các cháu nói quà đầu xuân của quân giải phóng!

Người lính Sài Gòn cảm động đánh giá: Ở bên quân giải phóng sướng, không bị áp bức, các anh yêu đòi ca hát suốt ngày; ở bên chúng tôi toàn là lính chán đòi bị bắt đi quân dịch, do đó nhiều thằng lấy mìn kíp nhỏ tự sát thương ở tay, chân để được đưa về tuyến sau có lý do “chuồn” về nhà. Chúng tôi cảm sung vì bắt buộc, có thằng vì đồng lương nuôi sống vợ con, chứ không phải vì lý tưởng nào cả. Do đó, lính chúng tôi thường than thở:

Khi tôi chết ai người xây nấm mộ

Cố quan tài ai khóc tiễn đưa tôi!

Hoặc:

Tình chỉ đẹp khi quả mìn vừa nổ

Đòi chỉ vui khi nhận cố quan tài.

Tết năm 1973-1974 trên toàn tuyến tổ chức nhiều điểm rất tốt, như các chốt ở Tân Mỹ, Tân Lệ, không làm được nhà hòa hợp thì hai bên gặp nhau giữa bãi cỏ, cùng ăn kẹo, hút thuốc, uống nước ngọt rồi chụp chung mấy pô ảnh kỷ niệm. Tối ấy hai lính Sài Gòn bí mật báo cho quân giải phóng biết để đón họ trở về với gia đình đem theo hai quả mìn định hướng, hai súng AR15, hai lựu đạn. Các chốt Như Lệ, Tích Tường, Triệu Thành có làm nhà hòa hợp, hai bên đàn hát, uống trà, ăn mút kẹo vui vẻ cũng như các chốt ở Triệu Trạch, Long Quang, Linh Yên. Thỉnh thoảng có vài lính trốn về với quân giải phóng. Có những thằng hiếu chiến, ngoan cố, lợi dụng Tết để đánh

lấn chiếm, cấm cờ giành điểm chốt cũng căng thẳng. Riêng các chốt Triệu Thành thuận lợi, có cánh đồng rộng nên phía giải phóng đưa các đoàn văn công vào phục vụ liên tục. Mỗi lần có văn công là chỉ huy hai bên gặp nhau bàn quy ước chung như: Hai bên xếp súng lại để phía sau cách chỗ biểu diễn 50 mét hai bên không được đưa chất nổ vào chỗ biểu diễn. Một trong hai bên vi phạm điều ước thì phải chịu hoàn toàn trách nhiệm. Lính Sài Gòn cũng lên hát xen kẽ vài bài để góp vui trong cái Tết hòa hợp dân tộc xóa bỏ hận thù năm ấy.



CHUYỆN TÌNH ANH LÍNH “ĐẶC NHIỆM”

(Truyện ký)

Năm 1955, Ty Công an tỉnh Quảng Trị bố trí ở lại một tổ “đặc nhiệm” (không đi tập kết ra Bắc) để xây dựng “nội tuyến” trong lòng địch. Trong đó có chú Tâm, chú Hiền, hai chú là cán bộ phản gián xuất sắc.

Cấp dưới có anh Chính, anh Thuyết. Lúc bấy giờ tuy đã phân chia giới tuyến 17, chia cách 2 miền nhưng còn thời hạn 300 ngày được đi lại tự do để 2 bên tập kết quân và chính quyền dân sự. Năm 1956, chú Hiền và chú Tâm đi vào thành phố thì bận comlê, thắt caravat, đội mũ phớt, cầm gậy batong, đi giày đen. Còn anh Thuyết và anh Chính thì cải trang công chức của chính quyền Bảo Đại. Việc ăn ở đều bố trí nhà cơ sở mật.

Đến năm 1957 thì Bảo Đại bị truất phế, Mỹ đưa Ngô Đình Diệm lên nắm chính quyền miền Nam, chúng cho lính đi tảo thanh tìm cán bộ ta ở lại miền Nam hoạt động. Lúc này trong tổ “đặc nhiệm” rút thêm anh Ngọc (con nhà bần nông) rất trung thành với cách mạng, siêng năng thành thạo đường đi lại trong rừng. Nhiệm vụ anh lo “hậu cần”, liên hệ các cơ sở bí mật mua gạo, muối, v.v.,

vào cát trong hang đá ngụy trang lại, tránh lính Diệm đi lùng sục phát hiện “Việt cộng” ở lại miền Nam hoạt động.

Lúc này các tổ công tác của các huyện và tổ đặc nhiệm của tỉnh đều phải thuộc câu “đi không dấu, nấu không khói, nói không có tiếng”.

Riêng tôi (tên thật là Liên) là cơ sở được chú Tâm đặt cho tên “Thùy Diệu” để liên lạc hộp thư bí mật giao dịch với “nội tuyến” S.T chi trưởng thông tin quận B. Mật hiệu liên lạc: Tôi cột cái khăn trắng ở cổ tay đến nhà S.T, tôi vẫy khăn 2 vòng, S.T nhìn thấy liền rút khăn trắng trong túi áo ra lau miệng và nói “trời thanh gió mát bao la”. Tôi đáp: “Mong anh phát triển tài ba anh hùng”. Thế là nhận được tín hiệu, tôi lấy bao thuốc cô táp trao cho S.T và dặn “Trong vỏ bao có chữ... rồi bước nhanh ra khỏi nhà”.

Hoạt động được ba năm lúc này tôi đủ 20 tuổi nhưng khai với chính quyền thì chỉ 16 tuổi (khai thật tuổi để chúng nói nhỏ không nghi...).

Chú Tâm phân công chú Hiền và anh Chính bồi dưỡng phát triển Đảng. Hôm gặp tôi tại cây sung sau nhà anh hỏi em có biết là cờ Đảng không. Tôi nói: Lá cờ có cái búa, cái liềm ôm nhau. Anh Chính cười khúc khích, bưng miệng sợ cười sẽ lộ...

- Búa, liềm 2 cái vẽ nằm chéo nhau là tượng trưng cho giai cấp công nhân và nông dân, chứ không phải ôm nhau đâu.

- Thế em chọn ngày nào thích hợp để kết nạp?

- Em chọn ngày 19/5 sinh nhật Bác kết nạp cho dễ nhớ!

- Anh bảo Diệu đúng 8 giờ ngày 19/5/1958 đi lên mảnh vườn nhà cũ của em, nhìn trước nhìn sau không có ai thì em giơ cao nón xoay 3 vòng, ở trong rừng anh leo lên cây thấy, anh gõ 3 tiếng vào gốc cây cộp, cộp, cộp nhận được tín hiệu em đi nhanh vào rừng chỗ anh hẹn...

Sáng ấy mẹ tôi dậy sớm nấu 3 lon nếp làm 1 con gà xé bóp tiêu muối bỏ vào cái xác cối, tôi bận chiếc áo dài nâu đội nón giả đi thăm cháu ngoại ở thôn Xuân Lân.

Đi đến vạt đất hoang vắng tôi làm y lời dặn liền nghe 3 tiếng “cộp, cộp, cộp”. Tôi vén vạt áo dài cúi đầu đi một mạch vào chỗ đã hẹn bất ngờ thấy anh Chính nằm thở..., chú Hiền ngồi xoa dầu cù là cho anh Chính.

Chú nói ngày này kết nạp Đảng cho cháu mà Chính tý nữa chết. Khi nó leo lên cây làm tín hiệu xong khi bước xuống đạp phải nhánh củi khô nó rớt xuống đất, nếu Chính có mệnh hệ gì cháu có thương không?

- Dạ cháu thương và hối hận lắm! Nằm độ 30 phút anh tỉnh dậy ôm bụng cười khúc khích.

Ba người ngồi trên 3 cục đá, giữa khe có nước chảy róc rách, xung quanh có đàn bướm bay lượn đi hút mật me rừng. Chú Hiền tuyên bố lễ kết nạp Đảng. Đúng ra phải có nghi thức nhưng bây giờ cờ cất trong kết nạp,

giấu trong hang đá xa quá không đi lấy kịp, chủ yếu cháu nhớ lời thề và tôn chỉ mục đích là được...

Chú nói xong thì đã 11 giờ, tôi lấy gói xôi thịt gà ra đưa cho anh Chính và chú. Tôi bắt tay từ giã ra về, anh Chính đi theo dẫn tôi ra bìa rừng nhìn xung quanh không có ai, Chính nắm chặt tay tôi: Em về cẩn thận!

Độ đầu tháng 7, tôi đi lấy tin ở hộp thư “chết”. Được tin báo, 20/7 cháu vào tọa độ X để họp tổ đảng và nhận nhiệm vụ mới. Khẩn!

Sáng nay mẹ tôi dậy sớm nấu cơm lặn vào ni lông to bằng cổ tay và dài như đòn bánh tét. Ruốc rang với sả ớt, tôi bảo mẹ vo 2 cục ruốc tròn bằng 2 quả chanh.

Độ 8 giờ tan sương, tôi vác cây rựa, đội chiếc nón cời cột lẩn cơm vào lưng quần, 2 cục ruốc thì nhét vào “cóc sê” trong ngực. Đến bìa rừng nhìn xung quanh không có ai, tôi rẽ lau lách đi thẳng vào chỗ hẹn, rồi xoay lưng lại không cho anh Chính thấy liền lôi lẩn cơm ra và 2 cục ruốc... Tôi nói, mẹ tôi bán khoán nhà nghèo, chợ xa, không có chi đem cho chú Hiền và anh Chính ăn, mẹ tôi khóc! Tôi cầm cái rựa nếu ai hỏi thì nói đi chặt lá vàng về cho chị tôi uống sinh em bé. Anh Chính vít đầu tôi xuống, nhặt rác móc vào tóc rồi để chú Hiền giao nhiệm vụ cho tôi, còn anh Chính cầm rựa đi chặt lá vàng bó lại để tôi đem về cho “hợp pháp”.

Tết năm 1959 mẹ tôi đang ngồi nấu bánh tét, nghe tiếng động ai ném cục đất vào gần bếp. Mẹ tôi đoán chắc là người của ta, liền mở cửa ra xem, thấy anh Chính cười, mẹ tôi nói thằng ni cục khổ mưa rét rứa mà thấy mặt là cười tươi như hoa nở.

Anh gọi tôi ra sau vườn chuối để bàn công tác. Mẹ tôi dặn khi mô nó gần đi thì con chạy vào lấy mấy đòn bánh ra cho nó ăn Tết!...

Có tin cơ sở nội tuyến báo địch nghi em liên lạc với Việt cộng, chắc sau Tết chúng sẽ thực hiện bắt em. Em chuẩn bị tinh thần, tuy tình nghi nhưng không có bằng chứng thì dù tra khảo mấy em cũng đừng nhận chi cả, không nghe, không biết, không thấy! Nếu em mà nhận một câu thì chúng “moi” miết đó là nghệ thuật khi hỏi cung. Em là đảng viên thì bảo vệ Đảng đến cùng. Đảng tin em nếu em khai bậy, nhân dân sợ nên xa lánh cán bộ nằm vùng, lòng dân là sự sống còn của Đảng trong lúc đen tối này.

Anh thương em và yêu em thật sự. Nếu em bị tra khảo thì anh đau lòng lắm! Em là cô gái thông minh, chú Tâm, chú Hiền khen em hoài.

Anh có hỏi ý kiến 2 chú, nếu yêu tôi công khai với tổ chức lúc này được không? Hai chú nói Chính là cán bộ công an hoạt động “bất hợp pháp”, tôi hoạt động “hợp pháp” nếu lộ ra địch bắt tra tấn thì tội cho nó! Thôi!

Cứ yêu thâm kín vậy để động viên nhau công tác, đợi ngày thống nhất sẽ công khai.

Lúc này anh Chính hơi bức xúc nói với 2 chú, “ông Mao Trạch Đông” gợi ý với đồng chí Lê Duẩn khi sang thăm Trung Quốc là: “Cách mạng miền Nam Việt Nam là phải trường kỳ mai phục” còn anh em cán bộ nằm vùng quá cực khổ nên thêm “trường kỳ dai dẳng” để cười hô hố với nhau cho vui. Anh Chính nói thêm Hiệp định Giơnevơ nay đã 5 năm rồi, trong ban ủy hội quốc tế có Ba Lan và Ấn Độ giám sát nhưng nay cũng bó tay vì Mỹ đưa cố vấn vào miền Nam Việt Nam để truất phế Bảo Đại. Dựng Ngô Đình Diệm lên nắm quyền ở miền Nam. Nay Mỹ chuyển qua chiến tranh cục bộ rồi. Mà cán bộ nằm vùng của ta thì đi đâu chỉ được cầm cây rựa gặt hổ vồ không có súng cũng chết. Nếu gặp lính Diệm đi càn lòng sục thì ta chạy trốn thật là vô lý!

Nhân dân miền Nam quá khổ bây giờ ai cũng ưa dùng đòn bẫy quân sự, chứ không chịu ngồi chờ Hiệp định Giơnevơ nữa. Nay Diệm đưa Luật 10/59 ra hù dọa, “tố cộng”, thanh trừng những cán bộ kháng chiến chống Pháp 9 năm còn ở lại miền Nam, chúng đưa ra trước hàng trăm dân, bắt xé cờ Đảng để ly khai làm nhục chí đấu tranh.

Tôi đề nghị anh Tâm đi họp ngoài Trung ương xin súng đạn vào tổ chức từng đội công tác đầu tiên là diệt ác

trừ gian, sau đó ta tiến đến thành lập bộ đội địa phương đánh vào các đồn bót, giải phóng các trại tập trung để bung dân về làng cũ làm ăn.

Chú Tâm và chú Hiền nhất trí ý kiến của Chính là xác đáng, việc cấp bách hiện nay ta đã có từng đội tàu đánh cá không số đưa súng đạn vào Nam Bộ và Nam Trung Bộ rồi, chỉ có Quảng Trị là chưa có nhiều, chỉ mới trang bị súng ngắn, nếu mình làm ồ ạt địch biết được thì chúng tố cáo “Bắc Việt” xâm nhập vào vĩ tuyến 17. Anh Chính nói thêm: Đề nghị cấp trên trang bị súng tiểu liên AK của Trung Quốc viện trợ, nếu lính Diệm đi càn thì ta quét một “băng” cũng hạ gục được mấy thằng, chứ súng von te của Đức chỉ cấp cho cán bộ hoạt động trong thành phố bỏ túi, nếu khi lộ ta ám sát địch để mở đường máu thoát thân, chứ ở rừng mà dùng súng von te chỉ bắn chôn, cộp thì được chứ đánh địch thì không ăn thua.

Tháng 1/1960, địch cho 2 tên cảnh sát đi 2 chiếc xe đạp lên chỗ tôi về quận. Tối đó chúng trói chặt 2 tay, 2 chân, 2 tên lính gác gác 1 thùng xà phòng vào phòng thẩm vấn, chúng để tôi nằm trên cái đòn băng dài, đắp khăn lên mặt đổ nước xà phòng, 4 tên cảnh sát đứng 4 bên, 2 tên đề, 2 tên đổ nước, tôi ngột đạp mạnh cái đòn băng trúc nghiêng, 4 thằng té 4 góc phòng, chúng đỡ tôi dậy và chửi tục: Đéo mẹ con này mạnh ghê! Tiếp tục đổ nước, chúng dặn: Khi nào mi muốn khai thì lúc lắc

cái đầu tau lấy khăn ra cho mà thở kéo ngộp. Chúng đổ nước, tôi lúc lắc đầu... ê nó khai, nó khai tháo khăn ra.

- Mày liên lạc với ai, người Bắc hay Nam?

- Tôi còn nhỏ, con nhà nghèo ai tin tôi mà giao việc. Tôi không biết Việt cộng là gì, tôi chưa thấy Việt cộng bao giờ! Chỉ biết anh vệ quốc đoàn bận áo trấn thủ trước kháng chiến chống Pháp nay họ đi tập kết ra Bắc hết rồi. Chúng thấy cũng mệt mà chưa ghi được lời nào trong tờ cung liên gọi lính đưa tôi về đồn lúc 9 giờ đêm.

Sáng hôm sau chúng bắt lính đập gạch vụn và mẻ chai trộn lại đổ một đồng bắt tôi quỳ thẳng dơ 2 tay lên:

- Mày khai đi, Huyện ủy mà quỳ 2 giờ là khai liên hướng gì mày?

- Huyện ủy họ có làm thì họ khai, còn tôi không làm thì không khai. Lúc này tôi bị choáng, đói, áo quần bị nước xà phòng thấm ướt nên tôi gục xuống, nó đỡ dậy bắt tôi ngồi trên ghế đối diện với tên thẩm vấn rồi lấy 10 cái đinh bạc, cái búa đóng trên 10 ngón tay tôi phun máu... Thấy tôi quá yếu nên chúng đưa về gửi ở đồn lính lúc 10 giờ đêm.

Sáng hôm sau mẹ tôi đem áo quần và 10 quả trứng gà luộc, tôi lấy 10 quả trứng đem cho 10 tên lính “ngoại giao”. Các anh ăn trứng cho vui, gà nhà mẹ tôi đem xuống đây. Mấy tên lính ăn trêu chọc cười hô hố,

thừa lúc tôi kéo tay mẹ ra một nơi nói: Mẹ về nói với các chú các anh địch tra tấn 2 ngày 1 đêm mà con không khai chi cả, nói bà con quanh xóm yên tâm đừng nghe chúng hù dọa mà hoang mang dao động.

Một tuần sau anh Thuyết cũng bị tên Đương cùng thôn phản bội, địch cởi hết áo quần trói anh lại như con lợn, tên cảnh sát đánh đập, hỏi tại chỗ: Súng von te ai cấp cho mày mà mới ri?

- Khẩu súng tôi nhặt được giữa rừng, rảnh không làm chi tôi chùi lau luôn nên nó sáng vậy chứ không ai cấp cả!

- Cơ sở của mày có bao nhiêu người?

- Tôi ở Bắc mới vào đi lạc đường thì gặp tên Đương ở cùng thôn với tôi, chứ tôi không có cơ sở nào cả.

- Thế mày không có cơ sở thì lấy chi ăn mà sống?

- Tôi ăn cây trái giữa rừng mà sống qua ngày.

- Nói láo mày ngoan cố! Khai thật tao cho về thăm vợ con, không khai! Tao bỏ xa lynch mục xương!

Tra tấn đủ mọi cách mà anh vẫn không khai gì cả. Mấy ngày sau các trung đội lính đi dã ngoại về các xã, chúng nói với nhân dân: Chà ông Thuyết ấy không biết thật sự là dân hay là Việt cộng mà tra tấn đủ cách ông không khai gì cả, thật gan góc kiên cường.

Thằng lính khác chen vào: con Diệu cũng bị đổ nước xà phòng vào mũi miệng và đóng một “cái đinh to” vào

chỗ kín mà nó không khai, thật anh hùng, bọn lính cười hô hố...

Nhân dân nghe bọn lính nói, vừa khen, “vừa nói nghịch” nhưng nhân dân rất tin nên nói: có làm cách mạng như anh Thuyết và con Diệu thì làm, chớ có người mới bị đánh vài roi thì khai ra để cho mọi người liên lụy thì đừng làm cách mạng.

Chúng đưa anh Thuyết và tôi về giam tại nhà lao Thành Cổ Quảng Trị. Hai anh em thỉnh thoảng xuống nhà bếp ăn ra dấu hiệu cho nhau: “Kiên quyết không khai”!

Đến tháng 12/1960, địch thả tôi về, anh Thuyết còn ở lại. Mới về được vài tháng thì địch tổ chức “tố cộng”, bắt dân chỉnh huấn, thanh trừng náo loạn các thôn xã, đi rừng làm gỗ chúng kiểm soát gắt gao lục tìm từng gói cơm của thợ rừng đem đi ăn trưa. Có người chịu không nổi nên quá sợ liền khai ra tên tôi, nên tháng 3/1961, tôi bị bắt lại, do tên P khai đem thơ miền Bắc vào cho nó.

Tên thẩm vấn hỏi tôi: Mày đem thơ miền Bắc vào cho P mấy lần, mày liên lạc với ai mà có thơ miền Bắc?

- Tôi ở tù mới về lo làm ăn chớ đi mô mà có thơ miền Bắc, mấy ông đánh đau hoảng quá nó khai bậy cho tôi.

Tên thẩm vấn lấy cây gỗ đánh tôi tới tấp và nói mày ngoan cố, tao biết nhà mày có một thằng anh, nhà P có chú và cô nó đi tập kết ra Bắc mà mày giấu à, tao biết hết,

đừng nói láo. Tao đưa thằng P đến cho 2 đứa đối chất thì phải khai ra thôi. Nhân cơ hội tên thám vấn đi nghe điện thoại, tôi xích lại gần P nói khẽ, anh phản cung đi, nó đánh một lần chịu đau, anh nói: Vì các ông đánh tôi đau tôi sợ quá nên khai bậy cho nó chứ không có thơ gì cả. Anh cứ nói một câu vậy thôi, chứ anh không phản cung thì nó sẽ cho anh đi Côn Đảo.

Tên thám vấn hết nghe điện thoại trở lại hỏi P, P run rẩy nói như lời tôi đã dặn. Nó lấy cây gỗ đánh P mấy cái rồi cho lính giải tôi và P về lao. Trước đây bọn lính phao tin thủ tiêu tôi. Lần này anh Chính được tin bọn lính nói: Diệt sắp đi Côn Đảo, bạn bè, bà con góp lại được 200 đồng cho mẹ tôi đi xe về lao tìm tôi để biết thực hư ra sao. Mẹ tôi vào đứng trước cổng nhà lao, thấy tôi mẹ khóc, nghe lính đồn con sẽ đi Côn Đảo, Chính nó gửi cho con 300 đồng và “điều thuốc” đây. Tôi nói khẽ, chúng phao tin cho nhân dân sợ chứ ở đây không nghe chi cả. Tôi nhận quà mẹ giao và đi nhanh về phòng ở lòn xuống dưới sạp ngủ nằm sắp giữa nên xi măng bóc điều thuốc ra đọc:

Em!

Từ đó anh đi khắp nẻo đời

Đau lòng anh lắm hồi người ơi

Từng thu chết, ôi từng thu chết

Luôn nhớ trong tôi, bóng một người!

Tôi vò câu thơ nhai nuốt vào miệng cho ấm hơi thở.

Lúc này ở trong tù tôi đã học thêu, đan thành thạo rồi và gửi mấy người nhà bếp đi chợ mua 1,2 mét vải trắng về thêu 2 mặt gối, nhờ anh Mai Chiến Lương vẽ một mặt có 2 bông hồng và chữ niêm tin vĩnh cửu, một mặt vẽ 2 con chim trĩ, chữ hạnh phúc trăm năm! Tôi ước một ngày về sẽ khoe với anh Chính “quà” đợi ngày thống nhất thành hôn.

Mỗi lần tôi bị bắt là ở ngoài mẹ tôi cũng bị bắt đi chỉnh huấn cải tạo 5-10 ngày không làm ăn chi được. Chúng lấy cái ống điện thoại bàn gõ lên đầu mẹ tôi nói: Mụ ni để con cho làm cộng sản, chừ gõ lên đầu cho mụ chết luôn là “quốc sách” hết tư tưởng cộng sản. Chúng đưa mẹ và chị tôi vào khu tập trung Phú Thành.

Năm 1962, tôi được thả về, ở Phú Thành với mẹ rồi tìm cách liên lạc với các chú để báo tin, tôi đã ở tại khu tập trung Phú Thành với mẹ.

Một buổi sáng tôi đang ngồi may áo quần có anh “Ốt”, người dân tộc Cơ Tu đến hỏi may áo quần nói chuyện thân mật: Rồi anh thò tay xuống khố lấy ra một miếng thuốc lá bằng ngón tay đưa cho tôi nói: “Aem mật”! Tôi mừng quýnh và cảm động liền lấy ly rót rượu mời “Ốt”, anh uống và nói “Êm lứ” (là rượu ngon). Anh bước nhanh ra khỏi nhà. Tôi vào buồng bóc miếng thuốc ra đọc: Cháu về các chú, các anh đều mừng, tình hình nay tươi sáng. Sinh viên Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng đấu tranh chống

gia đình trị Ngô Đình Diệm, Phật giáo và Công giáo thân Diệm khích bác nhau. Binh lính rục rịch sẽ có đảo chính, về phía ta thì nay có vũ trang toàn miền và đồng khởi rồi! Chú giao nhiệm vụ cho cháu vẽ sơ đồ quận B ghi cụ thể, nhà quận trưởng làm việc, đồn cảnh sát, chi trưởng thông tin, đồn lính bảo an, v.v.. Vị trí nhà dân xung quanh quận, gửi gấp cho chú, chúc cháu khỏe, chú T+H!

Sáng hôm sau tôi đi chợ quận bán gánh rau muống, bán xong tôi vào nhà một cơ sở tin cậy ngồi vẽ sơ đồ, đánh dấu cẩn thận rồi về.

Đến chiều tôi gánh rượu, ruốc, cá khô già đi trong làng dân tộc Cơ Tu đổi mây, nấm trâm, v.v., tìm gặp được “Ốt” tôi mừng đưa cuốn giấy vẽ sơ đồ cho “Ốt” và dặn: “Đưa tận tay người đưa thư hôm nọ gấp! Nếu gặp địch hỏi thì nói miêng đi mót củi, có tra hỏi thì đừng khai cho miêng nghe!”.

- Ồ, ở miêng biết Aem 2 lần tù rồi, miêng có “cu chít” (chết) cũng không khai mô đừng sợ!

Tết 1963, bọn lính và ngục quyền phân nhau về nhà ăn Tết chỉ để lại một số trực cơ quan. Đúng 1 giờ sáng quân ta bao vây quận lỵ bắt một số lính và ngục quyền đem đi cải tạo. Một đại đội vào phá kềm cắt giây thép gai ở 2 thôn Tân Trà, Thạch Xá đưa cả gia đình ông thợ Sĩ và bê lò rèn lên chiến khu (ông Sĩ là cơ sở), các cơ sở mật

đã thu mua được 5 tấn gạo, ngô, đậu và thực phẩm, bộ đội gùi đi trong đêm, còn Chính và 3 tiểu đội đi tập trung dân xung quanh quận lại, anh Chính lên diễn thuyết rất hùng hồn, đồng dạc và rút đi nhanh lúc 3 giờ sáng. Trận này mở màn thắng lợi, nhân dân vui mừng! Còn mấy tên ngụy quân, ngụy quyền thì sợ xanh mặt.

Sau vụ này tôi nhận được thư chú Tâm khen: “Cháu vẽ sơ đồ chính xác, các anh gửi lời thăm và chúc mừng. (Chú T)”.

Năm 1964, tên chi trưởng S.T là “nội tuyến” của tôi đi xe vấp mìn chết. Tôi hết nhiệm vụ hoạt động trong lòng địch, tỉnh rút tôi lên rừng nhận nhiệm vụ mới, tôi bỏ 2 mặt gối vào trong ba lô gùi đi khắp núi rừng hoặc xuống vùng đồng bằng 2 chiếc gối luôn trên vai, xem đây là “Hạnh phúc, là tình yêu vĩnh cửu đời tôi!”.

Năm 1970, được tin ở đồng bằng báo lên cơ quan anh Chính ở hầm bí mật bị lộ, địch bao vây gọi loa đầu hàng. Địch bắn M79 làm sập nắp hầm, anh Chính bị cháy tóc và bị thương 1 cánh tay, 2 người nhảy lên khỏi hầm ném 1 quả lựu đạn về đối phương để mở đường máu “chạy thoát”. Địch vừa bắn tiểu liên vừa hô: bắt hai tên Việt cộng, bắt 2 tên Việt cộng! Một đồng chí hy sinh tại chỗ, anh Chính bị ngã, máu ở tay chảy quá nhiều, bọn địch chạy lại đè trói anh giải về Ty Cảnh sát.

Anh Chính bị bắt tôi đau lòng lắm. Xin cơ quan đi một chuyến công tác về đồng bằng, đồng thời liên lạc tìm tin anh hiện giam ở đâu. Cũng may có một chị ở tù mới được thả về thoát ly ra vùng ven ngoại ô thị xã cho biết, chị kể: anh Chính tuyệt vời lắm, anh chị em trong tù kính phục. Đến bữa ăn tên cảnh sát đem 2 chai bia, thuốc cô táp, thức ăn 3, 4 món để dụ chiêu hồi. Anh Chính nói tôi là tù thì ăn như anh chị em sao tôi được đặc ăn sướng để phản bội Tổ quốc, phản bội nhân dân à? Tên cảnh sát nói: Tôi thấy anh khôi ngô, tuấn tú, thì chắc là bí thư huyện ủy mới phải, anh khai thật để được ra tù sớm, hoặc ở đây tôi bố trí cho anh một việc có lương cao, sống cuộc đời sung sướng, tự do, chứ ở chi bên cộng sản. Cái chi cũng vào hợp tác xã không cho làm ăn riêng lẻ mất tự do.

Anh Chính đập bàn, ông nói láo, quốc gia tự do sao xây hàng trăm nhà tù, hàng vạn ấp chiến lược rào quanh 3, 4 lớp dây thép gai nhốt dân tập trung vào đó để ăn cơm bố thí, họ bỏ ruộng hoang nhà trống làng mạc tiêu điều. Tự do sao người Việt da vàng máu đỏ không thương nhau mà rước Mỹ vào đốt phá xóm làng, thả bom cày xới mồ mả cha ông, trong đó có làng xóm của ông.

Tên cảnh sát đuối lý liền dẫn anh vào phòng thẩm vấn tra tấn nói: Mày chưa một tay rời nay mà ngoan cố tau chặt thêm 1 chân để hủy nòi cộng sản. Hết môn du đạo, tâm lý, chiêu hồi không khuất phục được anh, chúng đây

anh ra Côn Đảo đến năm 1973 anh được trao trả tù binh trên sông Thạch Hãn. Đoàn tù binh của ta đứng chờ gọi tên mỗi người giấu một lá cờ đỏ sao vàng bí mật cất dán bằng giấy giấu trong áo. Khi gọi tên đồng loạt cởi áo vút về phía chính quyền Sài Gòn, đồng loạt giơ cao cờ hô to “Tổ quốc ơi chúng con đã về”.

Tôi ước đến được bờ sông Thạch Hãn đón và khoác tay lên 2 bờ vai gầy gò của anh để thỏa nước mong bao năm xa cách, nhưng buồn thay tôi có quyết định đi công tác Hà Nội đột xuất xin hàng vào làm công tác binh địch vận trên tuyến tiếp giáp giữa ta và địch (chiến tranh càn quét). Bao điều trặc trở anh và tôi như mặt trăng, mặt trời không gặp nhau, bạn bè ai cũng ví tôi là “Thúy Kiều chờ Kim Trọng”.

Ban đón tiếp đã chuẩn bị trang phục và 1 đoàn xe chở đoàn tù ra an dưỡng tại Đồ Sơn. Ông anh con bác ruột ra Đồ Sơn tìm thăm anh và khuyên anh lấy vợ để kiếm chút con nối dõi tông đường, vì nhà anh có 3 anh em trai đã hy sinh 2 người em rồi, nay còn một mình anh thì thương binh.

Anh Chính nói: Em có yêu một cô gái cùng công tác ở trong Nam, cô ấy ở tù nghe địch nói thủ tiêu mất tích nhưng nay mới được tin cô còn sống và hiện đang công tác trong tỉnh. Để điều dưỡng một vài tháng em sẽ vào tìm cô ấy...

Sáng nay trời nắng tốt, tôi đem 2 cái mặt gối ra giặt phơi rồi đi làm. Trưa về bỗng dưng tôi bàng hoàng thấy con lợn trong chuồng nhảy ra cắn xé 2 mặt gối thành 4 mảnh, tôi sững sờ linh cảm có điều gì chia ly hay sao?

Một tuần sau chú Tâm đi công tác Hà Nội có ghé vào Đồ Sơn tìm thăm anh Chính, ban lãnh đạo khu an dưỡng Đồ Sơn thông báo cho chú Tâm: Chính bị vết thương tái phát nhiễm trùng lên cơn sốt, huyết áp lên cao, đứt mạch máu não. Anh đã vĩnh viễn ra đi cách đây 2 tuần.

Chú Tâm vào Đông Hà tìm gặp tôi báo tin, tôi khóc suốt mướt. Thế là hết! Anh đã ra đi vĩnh viễn không bao giờ gặp lại!



Bây giờ Diệu đã già rồi, thỉnh thoảng ngồi buồn âm thầm hát câu:

“Sao anh hẹn mà anh không đến

Để em chờ, chờ hết cả tuổi xuân”.

Anh ơi! Sao anh tỏ tình yêu em vào một đêm trăng khuyết.

Để bây giờ thâm tiếc một vầng trăng không tròn!

ĂN TẾT TRÊN VƯỜN CŨ

Thôn Thượng Phước nằm về phía tây của xã Triệu Thượng, gần vùng giáp ranh, nơi tranh chấp quyết liệt giữa ta và Mỹ - ngụy trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đối với cách mạng, vùng này là “bàn đạp” đứng chân để đưa các lực lượng “thọc sâu” vào đồn bốt địch quanh thị xã Quảng Trị và các vùng lân cận phía đông đường số 1.

Từ năm 1964, quân ta giải phóng hoàn toàn các thôn An Đôn, Nhan Biều, Xuân Yên và Thượng Phước. Đến năm 1969, địch nống ra lán chiếm, gom dân thôn Thượng Phước về tập trung ở sát đường số 1 thuộc địa phận thôn Nhan Biều để chúng dễ khống chế, quản lý dân, hòng cắt đứt mối liên lạc, tiếp tế lương thực, thực phẩm cho cách mạng. Nhân dân hằng ngày đấu tranh để được trở về vườn cũ làm ăn. Địch kiểm soát rất gắt gao, từ vất cơm trưa, bình nước uống, gánh phân đem đi bón ruộng, chúng đều xáo tung lên để kiểm soát. Bọn Mỹ - ngụy ở La Vang thường đặt ống nhòm quan sát về hướng Thượng Phước và đôi trọc phía trên dốc Cơn Thang. Nếu chúng thấy một hiện tượng khả nghi là gọi pháo “dọt” về liền. Nhân dân thả trâu, bò cho đi ăn cũng gặp nhiều khó khăn.

Địch rút kinh nghiệm Tết Mậu Thân (1968), do đó các ngày Tết của những năm 1969 - 1970 địch luôn đề phòng gắt gao hơn. Chúng nói vùng này là chỗ dựa cho Việt cộng ém quân để chờ tấn công đợt hai, nên chúng mở nhiều đợt càn quét lên phía tây thôn Thượng Phước và phía tây xã Triệu Ái để bảo vệ quân địch ở thị xã Quảng Trị ăn tết.

Cán bộ ta hoạt động bám địa bàn, bám dân, “một tác không đi, một ly không rời”, đó là khẩu hiệu và mệnh lệnh của Đảng, cho nên một du kích, một cán bộ bám địa bàn hằng ngày thấy bóng một người dân về làng cũ làm vườn là trong lòng vui phơi phới, biết chắc ngày ấy địch không đi càn (được hòa bình).

Nhất là ba ngày Tết, số cán bộ ở chiến khu về tăng cường ở địa bàn đều xa nhà cả, còn anh em du kích và cán bộ xã hằng ngày được gặp người thân đỡ buồn hơn. Tối lại móc võng ngủ ở các bụi tre, gốc mít, lùm cây, thỉnh thoảng nghe tiếng pháo cầm canh vọng lại, tiếng ếch nhái ở các thửa ruộng hoang kêu ộp oạp, ộp oạp gọi lên nỗi buồn da diết. Ở Quảng Trị vào các dịp gần Tết thường hay mưa rét liên miên. Suốt ngày áo quần ướt sũng, lạnh buốt xương tủy, ngày này qua ngày khác, tháng này qua tháng khác, mỗi người chỉ có một tấm ni lông đứng quanh gốc cây xoài, cây mít núp mưa. Trong các vườn của dân chỉ trơ trọi nền nhà trống vắng,

không có một tiếng chó mèo kêu, không có một tiếng gà gáy sáng, chỉ có những con chim cuốc lẻ đôi kêu nhau buồn bã.

Độ 6 giờ tối, trong tổ phân công nhau người xuống bờ sông Thạch Hãn múc nước, người nhóm lửa nấu cơm, người đi nhổ cải, hái rau của dân “thả lỏng” cho ăn thoải mái, nhưng cấm không ai được làm hư hoa màu của dân. Ăn xong, mỗi người đem xoong nồi phân tán ở các đám cỏ tranh, bụi tre và xóa hết dấu vết của bếp lửa, từng que củi cháy dở cũng ném thật xa, nhặt và lấp kín những hạt gạo, hạt cơm rơi trên mặt đất. Xong xuôi, mỗi người nhận một vắt cơm cho ngày mai. Tối hôm sau tiếp tục lặp lại công việc bình thường như chiều hôm trước. Có những đêm tôi móc ở đầu dây võng vắt cơm gói trong mảnh dù pháo sáng, đêm ngủ quên, “chú chuột mò đến ăn hết”, thế là vắt cơm “chống càn” mất toi, tôi phải nhịn đói cả ngày. Không phải mình tôi mà mọi người đều có lần vấp phải đó là chuyện thường ngày ở xã.

Chúng tôi thuộc loại “B trụ” nghĩa là không có một chế độ gì cả, chỉ có một ít phụ cấp sinh hoạt phí tính theo tiền Sài Gòn cũ tương đương với 45 long gạo/tháng, ai bám được dân thì no, ai không bám được dân thì đói. Nguyên tắc xã đề ra, ai về bám địa bàn hoạt động đều phải vào thôn ban đêm gùi gạo ăn và dự trữ được hai tháng; mỗi cá nhân có tối thiểu 2 cái vỏ đạn pháo 105 ly,

hoặc vài cái vỏ kết đạn đại liên để làm “kho chứa gạo”. Thế là tôi đi cùng hai anh du kích xā bò lên đồi pháo cũ của Mỹ phía trên dốc Cơn Thang để nhặt vỏ đạn, chọn được sáu cái không móp, có nắp, đủ dùng cho ba người, rồi cúi khom lưng cho vỏ đạn lăn xuống dốc, thao tác thật nhanh, nếu chậm, địch ở La Vang đặt ống nhòm thấy, nó “dọt” pháo thì nguy. Thế là đã có “kho chứa”. Tất cả “gia tài” nào gạo, mì chính, muối... đều tống vào hết ống đạn, rồi vác đi nhét xuống bờ ruộng cũ, lấy cỏ tủ lại thật kỹ, khi nào cần lấy lên dùng.

Tuy địch không chế ở vùng “trắng” như vậy nhưng từ sáng mồng 1, 2, 3 Tết, chúng tôi quan sát từ xa đã thấy từng nhóm người lũ lượt trở về làng cũ. Ông già đội khăn đóng, áo dài đen, quần trắng, tay ôm hoa, hương, còn phụ nữ gánh lễ vật tế cúng vườn. Tất cả các nền nhà cũ đều trải lá chuối hay chiếu. Các cụ đi cúng am miếu xong về cúng tại nền nhà cũ của mình.

Đúng giờ hẹn trước, anh Thành, Xã đội trưởng, chị Tám, Bí thư xã, phân công từng nhóm ba, bốn người đi các vườn chúc Tết nhân dân. Một địa bàn nhỏ mà đủ loại lực lượng “đứng chân”, nào là trinh sát, đặc công, công an, binh địch vận, dân vận, du kích và cán bộ xã... Chúng tôi đi lần lượt hết vườn này sang vườn khác, ngồi quây quần xung quanh “mâm lá chuối” ăn mút bánh, uống trà rất vui vẻ. Các mẹ, các chị nói:

- Đêm 30 Tết ngồi nấu bánh chưng thấy trời đổ cơn mưa, tao lo sáng mồng một Tết không đi cúng được để gặp tội bây là buồn lắm!

Tôi hỏi:

- Nếu các mẹ, các chị rủ gặp địch tuần tra thấy trong gánh có xôi gà, bánh thì sao?

- Chớ thiếu chi cách nói, thiếu chi con đường, nhưng tui đã nắm chắc tình hình rồi. Mặt trận Giải phóng miền Nam đề nghị hai bên ngừng bắn 3 ngày cho dân ăn Tết cổ truyền - Bọn lính mừng rơn, đại chi nó đi lòng sục đầu năm xui xẻo. Chúng cấm trại 100%. Có đứa đi phép về nhà thăm vợ con, cha mẹ ba bữa Tết. Còn nhân dân, cơ sở của cách mạng thì rủ nhau về cúng ở vườn cũ. Chủ yếu là cúng để cho mấy đứa bây ăn, chớ ông bà có ở mô trong cái nền nhà trống hoang này!

Đang nói, đột ngột mẹ dừng lại nhìn quanh:

- Này, nhìn xem có sót đứa mô chưa ăn để phân cho nó với kẻ tội nghiệp.

Chị Tám nói:

- Dạ phân tán đi các vườn đủ cả bác ạ!

Thơ ca cũng là vũ khí tấn công

Năm nào đến gần Tết, cán bộ binh địch vận lo sáng tác ca dao, hò để in truyền đơn đưa vào trong hàng ngũ địch bằng mọi hình thức, thả rộng rãi, gửi qua bưu điện,

và đưa cho vợ con, cha mẹ để đưa tận tay khi lính về ăn Tết. Nếu là cỡ tướng tá như Nguyễn Văn Giai, Hoàng Xuân Lãm, thì bỏ truyền đơn vào bì thư dán tem gửi qua bưu điện: Kính gửi “chú” Nguyễn Văn Giai - Tư lệnh Sư đoàn 3 bộ binh, hoặc: Kính gửi “chú” Hoàng Xuân Lãm - Tư lệnh Vùng 1 chiến thuật, v.v.. Nội dung trong là câu ca dao:

*Con gà nhỏ nhỏ
Xới cỏ vườn cam
Nghe tin Mỹ - ngụy đi càn
Gà toan chạy trốn, vườn cam hóa mìn!*

*

*Con gà nhỏ nhỏ
Xới cỏ vườn cam
Nghe anh binh biến về làng!
Gà vui vỗ cánh, cam vàng ngọt sao!*

Nếu là lính thì cũng bỏ truyền đơn vào bì thư đưa cho vợ con giao tận tay khi lính về ăn Tết, như các loại lính chủ lực cộng hòa, biệt động quân, thủy quân lục chiến, thiết giáp, pháo binh, giang thuyền chẳng hạn thì gửi câu:

*Gió xuân lay cánh mai vàng
Đón mừng binh lính tìm đàng về quê!
Gia đình sum họp đề huề
Hòa hợp dân tộc, mọi bề ấm êm*

Xóa chuyện cũ, càng vui thêm

Đời anh sáng lại, như đêm trăng rằm.

Nắm chắc từng loại lính về ăn Tết là khâu quan trọng. Nếu biết gia đình đó có người đi lính “địa phương quân” còn gọi là lính “nghĩa quân” thì gửi câu:

Gà vỗ cánh gọi bình minh

Đường quê vang tiếng nghĩa binh về làng

Xuân về chim hót lá đàn

Mùa cây sậy trái muôn vàn hương thơm

Lính về tốt họ đẹp thôn

Quê hương giải phóng ruộng vườn xanh tươi.

Mục đích là làm cho binh lính ngụy hoang mang, dao động, tấn công cả trên ba mũi giáp công: Chính trị, binh vận, vũ trang - yêu cầu là làm nội ứng, binh biến, rã ngũ, vác súng trở về với nhân dân.

Trao đổi nghiệp vụ

Hàng ngày các lực lượng của ta ẩn nấp ở đâu chẳng ai biết, nhưng khoảng độ 5 giờ chiều là đã thấy lù lù ra giữa đường cái để chuẩn bị đi vào thôn gửi gạo, làm công tác vận động quần chúng. Riêng mấy anh bộ đội đặc công thì lo bôi màu toàn thân (hóa trang) vằn vện như da báo để chuẩn bị bò vào sân bay Ái Tử.

Một anh hỏi tôi: - Chị làm công tác binh địch vận có cần nhờ anh em chúng tôi thì đưa truyền đơn đây chúng tôi vào rải trong sân bay Ái Tử giúp chị.

Tôi trả lời: - Để các anh lo việc quan trọng hơn, nếu để các anh rải truyền đơn, sáng mai địch thấy, sẽ biết “Việt cộng” bò vào sân bay, nó sẽ gác chặt chẽ hơn thì các anh khó hoạt động đấy. Tôi có cách riêng gọn nhẹ hơn mà cũng góp phần với các anh làm cho lính ngự hoang mang, dao động đi đến rã ngũ.

- Chà cũng ghê nhỉ! Phụ nữ Quảng Trị mà!...

- Trời rét mà các anh bôi màu, lại bận áo mỏng không sợ lạnh à?

- Chưa đến giờ “làm việc”, anh em tôi còn bận áo quần, chứ đến giờ “hành động” thì đâu có bận được áo quần! Một anh tinh nghịch cười phá lên làm tôi xấu hổ! Một anh khác chen vào thanh minh:

- Thật đấy chị ạ! Chứ không phải nó nói đùa đâu! Cái “nghề” này khi vào “trận” là phải cởi hết áo quần, chỉ được bận cái quần nhỏ hai mảnh thôi. Áo quần gói lại giấu ở ngoài, chỉ ở trần, bò vào không vướng dây thép gai. Địch rào hai, ba lớp dây thép gai bùng bùng, mỗi đoạn có treo một cái long làm như cái lục lạc đeo ở cổ ngựa. Nếu đụng một dây là sẽ phát ra tiếng kêu lách cách, leng keng theo hệ thống dây chuyên liên hoàn, bọn lính gác báo động tức thì một loạt pháo sáng bắn lên sáng rực cả bầu trời, lúc ấy anh em chúng tôi “treo niêu” chứ làm ăn chi được nữa.

- Thế thì dây thép gai nó cào cấu da thịt các anh đau lắm!

Các anh cười: - Đau hoặc chảy máu còn hơn nhiệm vụ chưa hoàn thành mà bận áo quần vào để vướng dây thép gai, địch phát hiện, đồng đội thương vong thì sẽ bị kỷ luật nặng hơn!

- Thế tại sao phải bôi nhiều màu, mà không bôi màu xanh hoặc đen?

- Chỉ một màu xanh, hoặc đen khi đèn pha địch chiếu vào dễ phát hiện hơn, còn nhiều màu mờ mờ ảo ảo dù có đèn pha chiếu thì tên lính gác bị hoa mắt không thấy rõ mục tiêu, khó phát hiện. Có lần tôi leo lên một cột điện, sơ ý phát ra tiếng động, địch bắn pháo sáng, tôi ép mình xoay theo chiều ánh sáng cho hợp với màu trên thân hình tôi, bọn địch không nghe động tĩnh gì, pháo sáng cũng ngừng bắn. Tôi từ từ tụt xuống đất bò ra ngoài tìm đồng đội, tìm gói áo quần bận vào, rút lệ!

Nhưng cũng có khi trời quá tối, lại gặp mưa to, gói quần áo giấu một nơi, khi ra mò tìm mãi không có phải ở trần rút về căn cứ mới có áo quần thay.

Cứ thường lệ, đến 7 giờ tối, chúng tôi chia tay nhau đi về các hướng, nhiệm vụ của ai nấy lo, đi mò mẫm trong đêm. Và hẹn gặp lại nhau chiều hôm sau để nhận nhiệm vụ mới, nếu có chút rảnh rỗi nói chuyện tếu vui vẻ như mọi ngày.

CHUYỆN BÂY GIỜ MỚI KỂ

Tháng 1/1973, tôi đi tuyên truyền về Hiệp định Paris và làm công tác binh địch vận. Đại khái nói cho nhân dân hiểu rõ sự ngoan cố của Mỹ - ngụy tại bàn Hội nghị Paris. Một ngày Mỹ chưa rút quân ra khỏi miền Nam Việt Nam thì nhân dân Mỹ còn biểu tình đòi trả con em họ về nước, vì đế quốc Mỹ kéo dài chiến tranh phi nghĩa hao tiền tốn của.

Hiện nay Mỹ là cái phao trôi trên biển để cho quân ngụy Sài Gòn níu kéo. Nếu Mỹ rút quân thì quân ngụy sụp đổ, Mỹ cắt viện trợ súng đạn, lương thực, tiền bạc thì quân ngụy lấy gì mà sống, v.v..

Quân ngụy Sài Gòn sắp sụp đổ và vẫn còn ngoan cố. Chúng khiêu khích tại Hội nghị Paris: “Sài Gòn là Thủ đô của Việt Nam Cộng hòa, còn Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam thì thủ đô ở chỗ nào?”.

Bà Nguyễn Thị Bình, Bộ trưởng Ngoại giao của Chính phủ cách mạng lâm thời đồng dạc trả lời trước bàn Hội nghị Paris cho cả thế giới biết “Thủ đô của Chính phủ cách mạng lâm thời là ở trong lòng nhân dân miền Nam!”.

Một ông cụ râu dài, tóc bạc phơ đứng dậy giơ tay xin nói: Phải rồi, phải rồi! Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam ở trong lòng dân là đúng. Ai lấy được lòng dân là người đó thắng. Tôi tâm đắc câu nói của bà Bình.

Lúc này cuộc họp trở nên sôi nổi. Tôi xin nghỉ vài phút để thay đổi không khí. Tôi đọc mấy câu thơ, ca dao, hò tôi đã làm sẵn để trong sổ tay đến họp chỗ nào tôi cũng đem ra đọc cho vui:

Giặc Mỹ bắt anh đi!

Theo lên ga em núu!!

Trời mưa chiều sông Hiếu!

Tàu “nuốt” anh đi xa!

.....

.....

Bên sông tiếng quân thù

Vẫn giục anh đi nữa

Giục anh đi vào lửa

Đi gây thêm oán hờn!

.....

.....

...Đất nước muốn hòa bình

Đừng nghe ai gây chiến

Hãy yên về quê ta

Có em đang chờ đợi.

.....

.....

Tôi đọc tiếp mấy câu thơ tôi viết năm 1972 để in truyền đơn nhờ mấy anh đặc công leo lên cột điện ném vào sân bay Ái Tử:

Con gà nhỏ nhỏ

Xối cỏ vườn cam

Nghe tin Mỹ - ngụy đi càn

Gà toan chạy trốn, vườn cam hóa mìn!

*

Con gà nhỏ nhỏ

Xối cỏ vườn cam

Nghe anh binh biến về làng!

Gà vui vỗ cánh, cam vàng ngọt sao!

*

Mẹ mừng nhìn súng anh trao

Giếng trong tắm mát, rửa bao lổ lằm.

Các anh chị vỗ tay rộp rộp rồi bảo tôi có chi nói thêm cho vui. Tôi bảo các anh chị vỗ tay bắt nhịp để tôi hò theo điệu hòa khoan giã gạo của Quảng Trị. Tôi hò hai câu binh vận xong tôi nói tiếp:

- Vây chị em chúng ta nên tìm cách vận động chồng con em rã ngũ, hoặc binh biến vác súng trở về với gia đình. Nếu chậm một ngày thì gây thêm nợ máu với nhân dân.

Xong buổi nói chuyện, cậu du kích đưa tôi về xã gặp anh Cường - Chủ tịch, cậu du kích kể lại cho anh Cường

nghe nhân dân họ bàn tán khen chị “cán bộ” ngó gầy, đen, ốm ai cũng tưởng nói không ra chi e chán lắm, nhưng càng nói chị càng sôi nổi, lại đọc thơ, hò bình vận vui ghê! Anh Cường nhìn tôi cười, tôi bắt tay anh Cường chào từ giã và tôi đi một mạch về Đông Hà tìm gặp chú Lê Như Hành, Thường vụ Tỉnh ủy kiêm Chủ tịch Mặt trận tỉnh, là chú “đỡ đầu” của tôi. Chú hỏi nghe cháu làm công tác binh địch vận giỏi lắm, mấy tiểu đoàn chốt ở trên tuyến tiếp giáp giữa ta và địch họ khen cháu lắm, chú cũng mừng. Rồi chú kể cho tôi nghe bác Lê Duẩn điện vào cho Quảng Trị tìm một địa điểm phía tây huyện Cam Lộ gần đường số 9 để xây Văn phòng Chính phủ cách mạng lâm thời của miền Nam, làm gấp nội hai tháng phải cho xong (xây nhà cấp 4).

Bây giờ tỉnh cho triển khai. Rút 3 đại đội, một số ra Quảng Bình, Vĩnh Linh xin sắt thép, xi măng, gạch ngói, chú ở Đông Hà, Mỹ rải B.52 san bằng không còn một cái mẻ chén lấy chi mà xây, các cơ quan của tỉnh cũng phải ở nhà vắng chủ của dân bỏ chạy vào miền Nam. Nay tỉnh cái gì cũng xin Quảng Bình, Vĩnh Linh viện trợ. Xin Vĩnh Linh mấy xe cần cẩu lên trên rừng bứng cây to cả gốc rễ về trồng xung quanh. Một số ra Quảng Bình xin cây cảnh, hoa về làm bồn hoa cho khách nước ngoài đến thăm Quảng Trị và Văn phòng Chính phủ cách mạng

lâm thời, họ thấy chiến tranh ác liệt mà Quảng Trị vẫn có “hoa nở”.

Thế là đã xong các nhà cấp 4 ngói đỏ tươi kang trang, nhà tiếp khách, các phòng ở cho khách, nhà bảo vệ, nhà bếp, v.v..

Lần đầu tiên đón tiếp bác Phiden Catxtorô, lãnh tụ Đảng Cộng sản Cuba đến thăm Quảng trị mới giải phóng. Bác đứng ngắm nhìn cầu Hiền Lương (Vĩ tuyến 17). Đây là cột mốc lịch sử chia cắt đất nước theo Hiệp định Giơnevơ, kết thúc 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1954. Nhân dân ta đấu tranh dai dẳng, đổ bao xương máu nay mới xóa được ranh giới hai miền Bắc - Nam (1972), nhưng cuộc chiến vẫn còn tiếp diễn cho đến khi nào con tàu chạy suốt từ Hà Nội đến Sài Gòn mới thống nhất toàn vẹn lãnh thổ.

Bác đi thăm sân bay Tà Cơn, đường số 9 đây là trận đánh quyết liệt tổn hao biết bao xương máu của quân ta mới giải phóng được Đông Hà - Quảng Trị, thông suốt theo đường số 9 qua nước bạn Lào anh em. Bác đến Quảng Trị lần đầu tiên, Đông Hà còn cảnh hoang tàn mà bác vẫn vui như người nhà. Nhân dân gọi nhau đi đón “Ông Tây phe ta”.

*

Tiếp đến đi đón nhà văn của Tây Đức. Lúc bấy giờ Đức cũng chia đôi, bức tường Béclin làm ranh giới ngăn cách

(Đông Đức là phe xã hội chủ nghĩa - Tây Đức là phe tư bản chủ nghĩa).

Hôm đi đón có anh Hoàng Phủ Ngọc Tường là Ủy viên của Chính phủ cách mạng lâm thời kiêm Giám đốc Sở Văn hóa Quảng Trị cùng các anh trong báo Quảng trị và tôi. Đang ngồi nói chuyện ăn kẹo, nhà văn Đức liền hỏi ở đây có ai là nhà thơ, nhà văn không? Anh Quýnh bên nhà báo liền chỉ tay về phía tôi giới thiệu: Có nhà thơ Thúy Liên. Tôi trở mắt nhìn anh Quýnh bực tức nói khê. Tôi làm thơ “bút tre”, thơ thời sự đăng báo cho kịp thời, chứ đâu phải nhà thơ mà anh giới thiệu với họ thêm “bôi bác”. Anh Quýnh chống chế: Thế em mới đăng báo bài “Măng quê tôi” nhiều người khen mà!

Ông nhà văn Đức liền yêu cầu: Chị Thúy Liên đọc cho tôi nghe một bài!

Trước mặt khách quốc tế tôi cố giữ thái độ vui vẻ đọc:

Tôi đứng trên mảnh đất, hố bom nhiều hơn dân số!

Tôi nghe hai miền chiến thắng dập dồn

Chờ tin chiếc máy bay Mỹ, thứ bốn ngàn tan xác

Chiều 17 như một làn gió mát

Đài Hà Nội đưa tin Vinh Phú lập công!

Niềm vui chung hàng triệu tấm lòng

Tôi vội khắc lên thân măng hàng chữ số

Mỗi sáng măng lên, con số lên cao

Để lớp trẻ quê tôi mai sau thấy tự hào

*Lịch sử ghi lại trên thân tre máy bay Mỹ rụng
Quê tôi dày đạn bom nhưng không hề nao núng.
Tận lòng hố bom, rau vẫn xanh ngắt một màu
Những lũy tre bom Mỹ san bằng ruột quặn đau
Nhưng dưới lòng đất mặng tức mầm vươn dậy
Theo thời gian mặng lên “muôn vạn mũi chông”
Mặng quê tôi là của Nam - Bắc một lòng
Ghi chiến công nghìn năm sau cho Tổ quốc!*

*

Tiếp đến đón chị Jên Fonđa, diễn viên, nhà văn, nhà hoạt động xã hội của Mỹ. Sở Văn hóa phân công chị Hồng, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ, anh Hồ Sĩ Sô - nhiếp ảnh và tôi sáng mai đi tiễn đưa 2 vợ chồng chị Jên Fonđa ra Cần Tiên - Dốc Miếu xem vành đai điện tử McNamara rồi ra cầu Hiền Lương (vĩ tuyến 17). Chị Hồng đi mua một chiếc nón lá để tặng, còn tôi băn khoăn không biết lấy gì để tặng, tối đó tôi nằm chồm hổm trên chiếc giường tre của nhà dân vắng chủ ghi vội mấy câu thơ “bút tre” để động viên tinh thần chị bằng con đi biểu tình chống chiến tranh ở Việt Nam khắp nước Mỹ.

Sáng ấy cả ba chúng tôi đi trên một chiếc xe con, còn 2 vợ chồng chị Jên Fonđa và người phiên dịch đi một chiếc. Đến Dốc Miếu tôi giới thiệu vành đai điện tử McNamara khi mới xây dựng lên thì chính quyền Sài Gòn

hồ hào tướng chừng sẽ bóp chết “cộng quân” Bắc Việt, bất khả xâm phạm vào miền Nam Việt Nam. Còn bên Mỹ cũng tung hô làm cho “uy tín” của McNamara lúc bấy giờ thêm “nặng cân”! Nhưng chị biết đó, quân giải phóng tỉnh Quảng Trị nhiều lần cho đặc công bò vào cắt dây thép gai Mỹ rào 3-4 lớp, nhét bộc phá vào lỗ châu mai, thì các ụ súng đều phải câm họng. Đó chị thấy các ụ súng bây giờ như nắm mồ hoang là tượng trưng cho “linh hồn” của McNamara. Vành đai này không đạt mục đích chiến lược quân sự của Mỹ, mà chỉ làm khổ cho nhân dân Quảng Trị. Mỹ - ngụy dồn hàng vạn dân các xã xung quanh vùng này, bỏ nhà cửa, ruộng vườn để vào Nam nhốt trong các trại tập trung để hằng ngày ngồi chờ xin từng cân gạo, cân bột mì, cái gọi là “hàng Mỹ quốc viện trợ”.

Rồi chị quay sang hỏi tôi: Trong chiến tranh chị làm việc gì? Tôi nói dối làm du kích quân. Vì tôi biết lính Mỹ bị bắt đi quân dịch đưa sang Việt Nam, thường viết thư về cho cha mẹ, bạn bè kể sang Việt Nam sợ nhất là du kích. Vì du kích đánh không có trận mạc, thấy Mỹ đi càn là núp dưới bụi cỏ, lùm cây bắn tĩa một phát “cắc bụp” rồi xách súng chạy chỗ khác “búp xòe”, Mỹ bắn loạn xạ tổn hao đạn dược mà không trúng du kích.

Hoặc có lần du kích A Sao, A Lưới biết Mỹ đi càn, du kích bắt một tổ ong vò vẽ cột vào thân cây to giữa ngã ba

đường. Khi lính Mỹ lên dốc một cối áo ngồi thở cho khỏe. Du kích đứng trên đồi quan sát rồi nhắm vào tổ ong vò vẽ “bắn một mũi tên”, bầy ong hoảng hốt bay ra cắn, lính Mỹ ở trần đầu lặn quay kêu la inh ỏi, còn du kích thì xách cung tên vừa chạy vừa cười. Vì thế mà tôi nói dối là du kích để nâng tầm chiến tranh nhân dân của Việt Nam mà cả thế giới đều khâm phục và học tập.

Khi xuống dốc cả 3 người song song với 2 vợ chồng Jên Fonda, chị Hồng tặng chiếc nón lá, còn tôi nói tôi có mấy câu thơ tặng chị, ông chồng bảo anh phiên dịch nói tôi đứng lại đọc cho ông ghi âm và chụp ảnh để đem về bên Mỹ viết báo.

.....
.....

... Chị bỗng con đấu tranh khắp thành phố Mỹ

Ôi người mẹ có tâm cao thế kỷ

Con lọt lòng đã dạy chữ đấu tranh

Tiếng khóc ù hoa góp phần giành lại màu xanh

Chặn bàn tay bọn sát nhân đến quê tôi giày xéo!!

(Trích)

... Chị đến chúng tôi xem như người nhà

Vì con chị có “mang tên Anh Trỗi”

Làm cho giặc Mỹ càng thêm bối rối

Bài hát “Nguyễn Thái Bình” dạy chị mãi ngân xa.

Như tiếng còi tàu đã báo lúc “vào ga”!!!

Anh Hồ Sĩ Sô chụp mấy pô ảnh để làm tư liệu rồi tất cả lên xe chạy ra cầu Hiền Lương, dừng lại chờ xe ngoài Bắc vào đón hai vợ chồng Jên Fonda. Chúng tôi chia tay, chị nắm tay tôi nói một câu tiếng anh: Chị Thúy Liên vui tính.

05/8/2015



“VIẾT VỀ NGÀY ẤY...”

*“Kỷ niệm 50 năm thành lập Đoàn văn công B
Quảng Trị 1965-2015”*

Năm 1965, Quảng Trị phá kèm kẹp ở các khu tập trung của Mỹ - ngụy, giải phóng nhiều vùng đồng bằng và trung du. Nhân dân vùng giải phóng phấn khởi, hăng hái theo cách mạng.

Tỉnh ủy Quảng Trị quyết định phải thành lập một đoàn văn công để đem lời ca, tiếng hát của cách mạng về phục vụ nhân dân vùng giải phóng và giao Ban tuyên huấn chịu trách nhiệm. Các anh Nguyễn Bá Cầm, Thu Hoàn về các xã tuyển chọn. Mới nghe tiếng, thì các con em cơ sở cách mạng đòi đi theo các anh lên rừng, để thoát cảnh ở nhà đi chăn trâu, mò ốc cựa khổ. Các em tuổi từ 14 đến 17, bây giờ chọn thanh sắc, em này được đi, các em khác không được đi, thì sợ ảnh hưởng tư tưởng vùng mới giải phóng. Có em nói: “Cháu đen và xấu thì cho cháu đi cầm đèn và kéo phong màn cũng được”. Vì vậy, các anh phải đưa hết 32 em lên chiến khu Ba Lòng, rồi nhờ Đoàn văn công Tổng cục Chính trị chọn. Nếu em nào tạm được thì cho đi, nếu em nào tiếp thu nhạc lý

chậm hoặc diễn đạt các tiểu phẩm yếu thì cho đi học y tá. Tuyển chọn trong 10 ngày tạm được 30 em. Tháng 4/1965, thì tổ chức cho đoàn đi ra đặc khu Vĩnh Linh học.

Trước khi đi, chú Trương Chí Công - Bí thư Tỉnh ủy, viết một bức thư gửi cho chú Hồ Sĩ Thản - Bí thư Vĩnh Linh. Chú trao bức thư cho tôi và dặn: “Cháu làm Trưởng đoàn dẫn các cháu ra Vĩnh Linh”.

Vĩnh Linh bây giờ đã có chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ lan ra rồi. Cháu ra thưa với chú Hồ Sĩ Thản nhờ Vĩnh Linh đào tạo cho Quảng Trị một đoàn văn công, nếu thanh sắc và học lực yếu thì đào tạo tuyên truyền xung kích cũng tốt.

Đêm tổ chức đi, anh giao liên hướng dẫn lấy dây dù buộc cổ tay ba em thành một tổ, em lớn đi trước, nếu gặp địch phục kích thì chạy cả ba em, không sợ thất lạc. Đi theo đường áp chiến lược, từ thôn Phú Thành, Làng Cát, A Rông, băng qua đường số 9, đến cầu Đầu Mầu, cầu Tân Lâm là đoạn đường Mỹ - nguy thường hay phục kích, cho nên chú ý mật khẩu nghe giao liên hô: “Tiến!”, thì các em rút lui và nằm xuống, nghe hô: “Lùi!”, thì đi tiếp trong đêm mò mẫm vượt qua được đoạn đường nguy hiểm.

Nói như nhà thơ Thanh Hải:

*“Cách nhau chỉ một mái chèo
Mà đi trăm núi vạn đèo tới đây”.*

Thật vậy, Vĩnh Linh và Quảng Trị cách nhau con sông Hiền Lương (vĩ tuyến 17) chỉ mấy nhịp chèo mà đoàn chúng tôi phải vượt đèo, lội suối, đi suốt 12 ngày mới đến Vĩnh Linh.

Tôi trao lá thư của chú Công cho chú Hồ Sĩ Thản. Chú Thản đọc thư xong rồi nói với tôi: “Vĩnh Linh và Quảng Trị là con một nhà, chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ lan ra. Vĩnh Linh dù có ăn rau ăn cháo cũng phải cố gắng đào tạo cho Quảng Trị một đoàn văn công để sớm về phục vụ nhân dân vùng giải phóng, chứ chưa đến nỗi phải nhờ Ty Văn hóa Quảng Bình, hoặc ra Bộ Văn hóa như chú Công gợi ý cháu ạ!”.

Đã có hai xe chờ sẵn đón chúng tôi, tất cả vào trong xe che phủ kín bạt “bí mật”, đưa chúng tôi đến nhà thờ Vĩnh Tân nghỉ. Ty Văn hóa Vĩnh Linh dự kiến nhà thờ Công giáo của Vĩnh Tân và Vĩnh Quang không phải là “mục tiêu” của Mỹ - ngụy chú ý đánh bom, nên cho đoàn yên tâm nghỉ ngơi tại đây để học tập. Rút các thầy ở Bộ Văn hóa vào dạy gồm: chú Cần dạy các nhạc cụ dân tộc (đàn tranh, đàn nhị, đàn bầu, đàn tỳ bà); cô Kim Oanh và cô Minh Tâm dạy các làn điệu dân ca Bình, Trị, Thiên; anh Minh và cô Thu Hồng dạy các điệu múa; cô Xuân Giao dạy thanh nhạc; nhạc sĩ Anh ở Sở Văn hóa thì dạy ghita và đàn phong cầm; chú Đình Nghi đạo diễn

vở kịch “Con gà mái chân chì” (tác giả Xuân Hoàn). Vở ca kịch này rất nổi tiếng lúc bấy giờ, Đài Tiếng nói Việt Nam phát đi phát lại nhiều lần trong đêm. Thế là đoàn đã ổn định, sáng ăn ở nhà thờ rồi chia nhau từng tổ sơ tán về các xã Vĩnh Giang, Vĩnh Quang, ngôi dọc chiến hào của bờ tre để ôn tập, tối về ăn xong là tập trung hội trường để dàn dựng các tiết mục.

Từ ngày được ra Vĩnh Linh, ăn bát cơm của miền Bắc tình nghĩa, nhân dân ăn cơm độn sắn lát ngâm chua ba ngày, nhưng ưu tiên cho đoàn ăn cơm không độn sắn, nhân dân xem đoàn là hạt giống đỏ của Quảng Trị, nên nhường nhà, hầm cho đoàn ở khi đi sơ tán tránh máy bay B52 của Mỹ rải bom. Chỉ mới 6 tháng mà các em đã lột xác hoàn toàn, da dẻ hồng hào, vui tươi, chăm chỉ thi đua học giỏi để mau được vào miền Nam. Ty Văn hóa khen ngợi mới chỉ 6 tháng mà đoàn đã có hai chương trình biểu diễn, chia ra hai đội A và B. Nếu tình hình vào Nam thuận lợi thì biểu diễn tập trung cả đoàn. Nếu địch càn quét thì hai đội diễn hai nơi cho dễ cố động. Tỉnh trưởng diễn thực tập cho Sở Văn hóa xem, đánh giá chất lượng nghệ thuật biểu diễn để chọn thời cơ cho đoàn vào Nam. Tình hình phía nam sông Hiền Lương (huyện Gio Linh) địch ít đi càn quét, Huyện ủy cử cán bộ ra xin Ty Văn hóa cho đoàn vượt sông ban đêm sang biểu diễn cho

bộ đội và nhân dân huyện Gio Linh; ban ngày sơ tán giấu trang phục trong dân, tối đi biểu diễn, chỉ đơn giản che một tấm phong màn và một cây đèn măng sông vừa đủ ánh sáng, chứ ánh sáng nhiều sợ địch phát hiện sẽ nã pháo đến.

Năm 1967, nhân có Đại hội thi đua toàn quân, Tỉnh ủy điện ra Vĩnh Linh yêu cầu cho đoàn vào biểu diễn. Lần này vào chiến trường cán bộ giao liên ra trực tiếp phổ biến tình hình, địch rải chất độc hóa học, cây rừng cháy rụi, khô héo. Trước đây, các em đi ra mang trên người vòng nguyệt trang bằng lá xanh, nay chiến trường ngày càng ác liệt, cây chết khô, lộ rõ đường mòn. Vì vậy, các em làm vòng nguyệt trang cho hợp với màu cây khô để tránh máy bay địch phát hiện. Qua đoạn đường dài các khe suối bị chất độc da cam, không uống được, vậy mỗi em một bi đông nước phải uống rất tiết kiệm, cho đủ đi đường dài không có nước, mỗi vắt cơm to ăn được hai ngày, về phục trang đạo cụ thì đã bố trí mấy anh giao liên giúp đỡ chuyển giao qua từng cung đoạn của trạm giao liên.

Đi suốt 15 ngày, đoàn đã đến Trường Đảng của tỉnh, nghỉ được 5 ngày để lại sức, các chú trong tỉnh đến hỏi thăm sức khỏe và cho biết thời gian phục vụ Đại hội chiến sĩ thi đua. Cái quan trọng nhất ở chiến trường

trước tiên là các cháu phải đi gùi gạo, muối, dự trữ trong tháng, có ăn no mới biểu diễn được. Các cháu phục vụ đây xong rồi đi các bệnh viện, các trạm phẫu tiên phương, các đơn vị bộ đội, v.v.. Ở chiến trường khao khát văn công như khao khát nước uống, các cháu cố gắng mà phục vụ cho tốt.

Đầu năm 1967, thì có quyết định thành lập khu Trị Thiên Huế lại một để dễ chỉ đạo thống nhất, cho nên đoàn văn công Quảng Trị phải xác nhập thêm đội tuyên truyền của tỉnh Thừa Thiên, để chia ra thành 6 đội tuyên truyền xung kích cho 6 huyện (Phú Vang, Phú Lộc, Hương Trà, Triệu Phong, Hải Lăng và Quảng Hà) vì tình hình ác liệt không biểu diễn tập trung được.

Trong ban lãnh đạo có ba đồng chí thì đồng chí Miên, Trưởng đoàn phân về Ban Tuyên truyền của khu để theo dõi hoạt động 6 đội ở đồng bằng. Đồng chí Tùng phân về Ban Tuyên huấn huyện Cam Lộ. Còn tôi (Thúy Liên), phân về tòa soạn báo *Quyết Thắng* của khu Trị Thiên Huế để theo dõi tin đọc chậm của Thông tấn xã Việt Nam và biên tập tin.

Sau Chiến dịch Mậu Thân 1968, địch càn quét chiếm lại vùng giải phóng, 6 đội tuyên truyền gặp nhiều khó khăn, hằng tuần tôi nhận thư từ đồng bằng gửi lên báo cáo, đội này có người hy sinh, đội khác có vài người bị

địch bắt, v.v.. Anh Miên, Trưởng đoàn xa gia đình 15 năm, nay Ban Tuyên truyền bố trí đi công tác về đồng bằng, kết hợp ghé thăm gia đình thì bị mìn Còlâymo (mìn định hướng) của Mỹ phục kích hy sinh tại chỗ. Nước mắt tôi tuôn trào, lòng xót xa với đồng nghiệp!!

Đặc biệt có em Lê Văn Trâm - Đội trưởng Đội Tuyên truyền huyện Triệu Phong, là một diễn viên ca kịch, múa rất xuất sắc. Trong đợt chống càn của xã Triệu Trạch, đồng chí xã đội trưởng hy sinh thì xem như du kích xã “rắn không có đầu”. Huyện quyết định Lê Văn Trâm tạm quyền làm xã đội trưởng, nếu có giặc đến thì cầm quân “chống càn”; giặc rút trở lại yên bình thì tổ chức trong đội ca hát phục vụ nhân dân. Em Trâm chỉ huy đánh vài trận, chiến đấu rất oanh liệt và anh dũng hy sinh! Trong 6 đội tuyên truyền có nhiều em là dũng sĩ diệt Mỹ.

Văn công, văn nghệ cũng là vũ khí sắc bén làm nên lịch sử, tôi thí dụ: xã Hải Lâm thuộc huyện Hải Lăng, Quảng Trị trong kháng chiến chống Mỹ, xã này ở gần đường số 1 và cách sông nên cán bộ khó đi lại để vận động quần chúng, vả lại xã này sĩ quan, binh lính nguy và gián điệp ngầm cũng nhiều nên phong trào ịch, khí thế cách mạng không cao như các xã khác.

Huyện Hải Lăng táo bạo đưa ra quyết định cho đoàn văn công vào phục vụ một đêm. Ban Tuyên huấn phối hợp với xã Hải Lâm cho du kích và bộ đội địa phương chốt các điểm ở đường số 1. Các chị cơ sở và xã chuẩn bị gạo, muối, cơm vắt cho đoàn vào biểu diễn xong là rút đi liền. Du kích dẫn đoàn vượt sông vào ngôi ẩn giấu dọc bờ tre. Còn cán bộ xã, huyện vào nhà ông cụ có con thiếu tá ngụ đang ở Sài Gòn, các anh thưa: “Tối nay cụ cho chúng cháu mượn nhà để họp Mặt trận”. Ông cụ vui vẻ nhận lời rồi các anh nói tiếp: “Cụ cho cháu tháo bốn cánh cửa nhà rường để móc cái màn cho rộng nhà, ngôi cho mát”. Cụ nói: “Rửa họp giữa sân và trong nhà đủ rồi, chớ tháo cửa làm chi?”. Các anh trả lời: “Dạ họp đông cụ ạ!”. Cụ vui vẻ gật đầu. Du kích ra dẫn đoàn vào trong cái nhà bếp “hóa trang”. Khi móc màn, treo đèn măng sông sáng căn nhà trên, cụ xuống nhà bếp thấy sơn phấn đẹp, cụ gọi vợ: “Mạ mi ơi! Xuống đây xem họ “bôi màu” đẹp lắm, văn công cách mạng về diễn chứ không phải Mặt trận họp mô mạ mi ơi!”. Các em thiếu nhi thì gọi nhau í ới: “Ơi cu, ời bẹn vô đây coi văn công đẹp lắm, mau lên! Mau lên!”.

Mở màn là “Bài ca giải phóng miền Nam” hùng tráng vang lên, tiếp các điệu múa bướm, múa Chàm Rong,

múa Rong Chiêng, y phục óng ánh sắc màu, bà con đầu ngòi ngoài sân sau lần dần vào sát cửa.

Khi cô Bích Đào ngâm bài về binh vận, tôi nhìn ra ngoài sân thấy vài chị lau nước mắt. Sau buổi biểu diễn, các chị tìm gặp Bích Đào: “Lần sau em về nhớ chép cho chị bài về binh vận, Tết này chồng chị về ăn Tết, chị vận động anh ấy rã ngũ ở nhà”. Các chị cơ sở chuẩn bị hai thúng cam, hai xoong cháo gà, gạo, cơm vắt, ăn vội vàng xong là rút liền. Đi từ 2 giờ sáng đến 5 giờ sáng là đến bìa rừng an toàn, tất cả móc võng nằm ngủ, rồi đi tiếp lên rừng xanh.

Kết quả sau lần biểu diễn đó, khí thế cách mạng ở đây lên cao. Ban Kinh tế huyện đưa tiền Sài Gòn vào trong nhân dân, thu mua được 5 tấn gạo và thực phẩm, thuốc Tây, giấy bút, v.v.. Huy động dân công gửi lên rừng. Ban Tuyên huấn huyện Hải Lăng điện lên tuyên huấn khu Trị Thiên Huế báo cáo: “Đoàn văn công vào diễn một đêm mà khí thế cách mạng lên cao hơn cán bộ nằm vùng mò mẫn vận động hàng năm, chưa có số lượng gạo thực phẩm nuôi quân như vậy”.

Nhớ cách đây 20 năm ngày giải phóng Quảng Trị, Ty Văn hóa cho đoàn 3 triệu để gặp mặt anh chị em trong đoàn. Chúng tôi ôm nhau vừa mừng vừa khóc, 30 người năm trước đã hy sinh, chỉ còn lại 17 người, mà hầu hết là

thương binh, thương tật tù đày tra tấn. Tuổi trẻ ra đi lúc các em 14, 17 tuổi, nay đã thành ông nội, bà ngoại cả rồi. Riêng tôi năm nay đã 78 tuổi, mắt mờ, tay run mà gắng “Viết về ngày ấy” để cho tinh thần trẻ lại, nhớ về một thời của tuổi thanh xuân.



MĂNG QUÊ TÔI

Tôi đứng trên mảnh đất, hố bom nhiều hơn dân số!
Tôi nghe hai miền chiến thắng dập dồn
Chờ tin chiếc máy bay Mỹ, thứ bốn ngàn tan xác
Chiều 17 như một luồng gió mát.
Đài Hà Nội đưa tin Vĩnh Phú lập công
Niềm vui chung hàng triệu tấm lòng
Tôi vội khắc lên thân măng hàng chữ số
Mỗi sáng măng lên, mang con số lên cao
Để lớp trẻ quê tôi mai sau thấy tự hào
Lịch sử ghi lại trên thân tre máy bay Mỹ rụng
Quê tôi dày đạn bom nhưng không hề nao núng.
Tận lòng hố bom, rau vẫn xanh ngắt một màu
Những lũy tre, bom Mỹ san bằng ruột quận đau
Nhưng dưới lòng đất măng tức mầm vươn dậy
Theo thời gian măng lên muôn vạn mũi chông!
Măng quê tôi là của Nam - Bắc một lòng
Ghi chiến công nghìn năm sau cho Tổ quốc!

(Đã đăng Báo Quảng Trị, 1972)

Tặng Anh hùng liệt sĩ
TRẦN THỊ TÂM

(*Quê ở Hải Khê, Hải Lăng, Quảng Trị*)

Một thân chị tạo ra mình
Trong hầm bí mật, tóc xanh cháy vàng.
Mìn công, chị đặt khắp làng!
Mỹ vào bỏ xác, họ hàng ngợi khen.

Phong trào từ thuở nhúm nhen
Lần mò từng bước, đêm đen vào làng
Đường thôn đồn bốt ngổn ngang
Ngọn đèn “Tín hiệu” dẫn đường vào ra.

Những tháng xa Đảng! Xót xa!
Dân thì Mỹ hốt, cửa nhà nát tan.
Bốn bề giặt chốt, giặt càn!
Đói rách mà vẫn, vững vàng tấn công!

(*Đã đăng Báo Quyết Thắng, 1972*)

YÊU VỀ QUÊ TA

(Thơ bình dịch vận)

Giấc Mỹ bắt anh đi!
Theo lên ga em núu!!
Trời mưa chiều sông Hiếu!
Tàu “nuốt” anh đi xa!

Vấy nón đau em dặn
Hãy yêu về quê ta!
Dòng sông Hiếu hiền hòa
Những đêm trăng hò hẹn.

Giờ đây bên xóm nhỏ
Mùa hoa cau thơm xa
Đôi chim chao mình liệng
Bướm ong đi tìm hoa

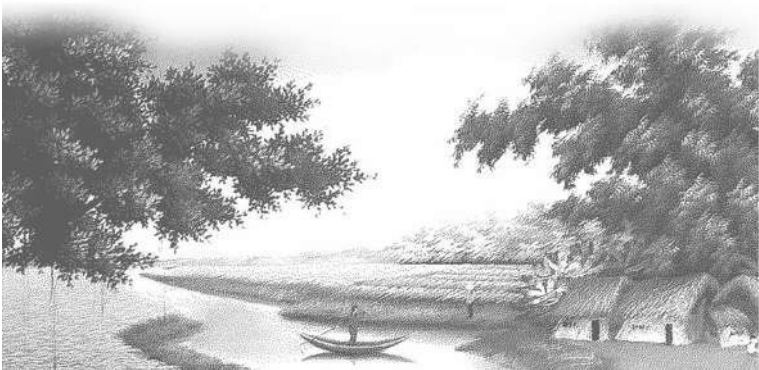
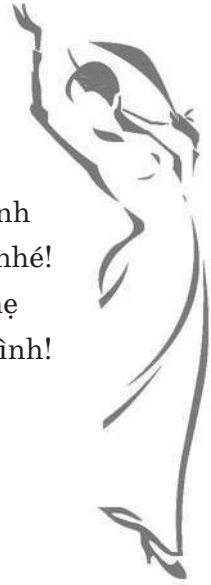
Chỉ riêng em nhìn ra!
Thấy cây bầu sây trái
Chỉ riêng em mong đợi!
Thuyền ơi! Bến vẫn chờ

Bên sông tiếng quân thù
Vẫn giục anh đi nữa
Giục anh đi vào lửa
Đi gây thêm oán hờn.

Hãy yêu về quê mình
Đừng nghe ai anh nhé!
Hãy nghe về quê mẹ
Đừng nghe ai bạc tình!

Đất nước muốn hòa bình
Đừng nghe ai gây chiến!
Hãy yên về quê ta
Có em đang chờ đợi.

*(Đã đăng Tập san Văn nghệ Trị Thiên Huế,
tháng 10/1973)*



DỰ MỸ VỀ NHÀ

Mấy trăm Mỹ - nguy vây lòng
Chà đi sát lại khắp vùng Hải An
Hai tên Mỹ trắng nghênh ngang
Mò đi tìm gái, khắp làng khắp thôn
Bốn chị bầy kế mưu khôn
Lừa cho tên Mỹ xa đồn theo ta.
“Cười duyên” lái Mỹ về nhà
Mỹ mừng tưởng bướm, gặp hoa đây rồi
Nhưng than! số phận hồi ôi!!
Gặp anh du kích đã ngồi chờ đây
Bốn chị phấn khởi bắt tay
Trao anh du kích “Mỹ đây em về”
Thằng Mỹ mặt ủ mày ê!
Nghĩ đời quen thói “máu dê” mắc vòng.

(Đã đăng Báo Quyết Thắng Khu Trị Thiên Huế, 1968)

VIẾT VỀ NGÀY ẤY!

(Tặng Đại úy Nguyễn Đức Chính)

I

Ngày ấy anh là “binh vận”
Em làm nội tuyến đường dây
Như cánh chim bay lượn suốt ngày
Chưa một lần nghĩ riêng về hạnh phúc!
Chỉ lo sợ mỗi lần đường dây tắc!
Là dưới ni, trên nó biết tin
Có đêm nào giấc ngủ bình yên
Pháo Mỹ cầm canh, hầm nước ngâm lây lội.
Bao lần địch vây, quật hầm bị lộ!
Anh truyền lệnh chuyển “tọa độ hộp thư”

II

Rồi một ngày Mỹ bắt anh khảo tra
“Đường mật” “tâm lý” địch chẳng tìm ra.
Vì anh nhớ về lòng dân là sự sống!
Đảng dẫn đường, chọn anh làm hạt giống
Giấy trắng nguyên màu, máu chảy không khai!!

Hết môn “du đạo” địch nghi anh hoài,
Là đảng viên, hay bí thư huyện uỷ?
Chúng chặt tay anh không hề rên rĩ.
“Mắt mở to” đồ quân xâm lược sát nhân!
Chúng tức giận chặt thêm một chân!
“Mày to gan, tao hủ nòi cộng sản”!

III

Khấp nhà tù Côn Sơn, Thừa phủ
Thân gầy mòn mà ý chí hiên ngang,
Nay phục viên về với xóm làng
Người thương binh ấy, vẫn là hạt giống
Gieo lên đất nào vẫn nảy nở đơm bông.

(Đã đăng Báo Đà Nẵng, ngày 30/8/1977)

CA DAO

I. Con Gà và vườn Cam

(bình dịch vận 1971)

Con gà nhỏ nhỏ
Xối củ vườn cam
Nghe tin Mỹ - ngụy đi càn
Gà toan chạy trốn, vườn cam hóa mìn!

*

Con gà nhỏ nhỏ
Xối củ vườn cam
Nghe anh binh biến về làng!
Gà vui vỗ cánh, cam vàng ngọt sao!

*

Mẹ mừng nhìn súng anh trao
Giếng trong tắm mát, rửa bao lỗi lầm.

II. Ca dao

(bình dịch vận 1972)

Gà vỗ cánh gọi bình minh
Đường quê vang tiếng nghĩa binh về làng.
Xuân về chim hót lá đàn
Mùa cây sây trái muôn vàn hương thơm
Lính về tốt họ đẹp thôn
Quê hương giải phóng ruộng vườn xanh tươi.

III. Đón xuân 1972

(bình dịch vận)

 Gió xuân lay cánh mai vàng!
Đón mừng binh lính tìm đường về quê
 Gia đình sum họp để huê
Hòa hợp dân tộc mọi bề ấm êm
 Xóa chuyện cũ, càng vui thêm
Đời anh sáng lại, như đêm trăng rằm.

*(Ba bài ca dao trên đã in truyền đơn đưa vào lòng địch và
đăng Báo Quyết Thắng Khu Trị Thiên Huế, 1972)*



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
- CHIẾC KHĂN TẶNG ĐẢNG	7
- CƠN LỐC NĂM ẤY	11
- HẢI DƯƠNG ƠI NHỚ MÃI NHỮNG NGÀY	22
- CÂY BÀNG TRƯỚC NHÀ LAO QUẢNG TRỊ	33
- BA LÒNG - MỘT THỜI ĐỂ NHỚ	37
- TỔ CÔNG TÁC ĐẶC NHIỆM VÀ “NGỌC VOI”	49
- ĐOÀN VĂN CÔNG B	66
- TẾT HÒA HỢP DÂN TỘC	84
- CHUYỆN TÌNH ANH LÍNH “ĐẶC NHIỆM”	94
- ĂN TẾT TRÊN VƯỜN CŨ	112
- CHUYỆN BÂY GIỜ MỚI KỂ	121

- “VIẾT VỀ NGÀY ẤY...”	131
- MẶNG QUÊ TÔI	141
- TẶNG ANH HÙNG LIỆT SĨ TRẦN THỊ TÂM	142
- YÊU VỀ QUÊ TA	143
- DỰ MỸ VỀ NHÀ	145
- VIẾT VỀ NGÀY ẤY!	146
- CA DAO	148

TÁC PHẨM ĐÃ CÔNG BỐ

* KÝ

- **Cây Bàng trước Nhà lao Quảng Trị** (hồi ký),
Tạp chí Việt Nam Hương sắc - Hà Nội (1994).
- **Đoàn văn công B**, Tạp chí Cửa Việt (6/1995).
- **Ba Lòng - Một thời để nhớ**,
Tạp chí Cửa Việt (1/1996).
- **Cơn lốc năm ấy**, dự thi được giải Nhì
(không có giải Nhất), Tạp chí Cửa Việt (1996).
- **Hải Dương ơi nhớ mãi những ngày**,
Tạp chí Cửa Việt (1996).
- **"Đời bờ dân ca"**, nhiều tác giả, Diễn đàn
Văn hóa văn nghệ Quảng Trị (1996-1997).
- **Tết hòa hợp dân tộc**, Tạp chí Cửa Việt (2/1997).
- **Chiếc khăn tặng Đảng**, Tạp chí Cửa Việt (1998).
- **Tổ công tác đặc nhiệm và "Ngọc Voi"**, Tạp chí
Văn hóa văn nghệ Công an nhân dân (12/1998).
- **Ăn Tết trên vườn cũ**, Tạp chí Cửa Việt (1999).
- **"Viết về ngày ấy..."** (Kỷ niệm 50 năm thành lập
Đoàn văn công B Quảng Trị).
- **Chuyện tình anh lính "đặc nhiệm"** (truyện ký),
Tạp chí Cửa Việt.
- **Chuyện bây giờ mới kể**, Tạp chí Cửa Việt.

* THƠ

- **Dụ Mỹ về nhà**,
Báo Quyết Thắng Khu Trị Thiên Huế (1968).
- **Mãng quê tôi**, Báo Quảng Trị (1972).
- **Tặng Anh hùng liệt sĩ Trần Thị Tâm**,
Báo Quyết Thắng Khu Trị Thiên Huế (1972).
- **Yêu về quê ta** (thơ binh địch vận),
Tạp san Văn nghệ Trị Thiên Huế (1973).
- **Viết về ngày ấy!**, Báo Đà Nẵng (1977).

* CA DAO

- **Con gà và vườn cam** (truyện đơn binh địch vận),
Báo Quyết Thắng Khu Trị Thiên Huế (1972).
- **Binh địch vận và đón xuân**
(truyện đơn binh địch vận),
Báo Quyết Thắng Khu Trị Thiên Huế (1972).

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội, ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222
Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.org.vn
Sách điện tử: www.stbook.vn, www.thuviencoso.vn

MỘT VÙNG
**ĐẤT
LỬA**
Tập kỷ

ISBN 978-604-57-7718-3



9 786045 777183



MÃ ĐỊNH DANH
CUỐN SÁCH



8935279139828

SÁCH KHÔNG BÁN